

BÁCH KHOA

2

31 THÁNG GIÊNG 1957

Trong số này

- HUỖNH - VĂN - LANG *Kế-hoạch kinh-tế*
- HOÀNG - THÁI - LINH *Luận về cái nhìn*
- HOÀNG - MINH - TUYNH *Giáo-hội với đà tiến-triển của thế-giới hiện nay*
- PHẠM - NGỌC - THẢO *Đánh giặc mà không giết người*
- MINH - PHONG *Đề không đầu. (phỏng-vấn)*
- NGUYỄN - MỪNG *Tin-ngưỡng của A. Einstein. (dịch)*
- BUI - VĂN - THINH *Một giai-đoạn mới trong chính-sách kinh-tế*
- HOÀNG - THỊ - CHÂU *Phương-diện xã-hội trong văn-đề du-lịch*
- BỒ - TRỌNG - CHU *Trung-Cộng tấn-công Hoa-khieu ở Đ.N.Á.*
- TR-LONG-HUNG — NG-HỮU-NGƯ *Sử-gia Tàu đối với Bà TRIỆU*
- TRỌNG - VĂN *Thực-chất của Văn-ngệ Học-sinh*
- C. NG. NGUỒN - TRINH *Trái tim đầu ...?*
- NGUYỄN - TRUNG - NHẬT *Hãy trả tự-do cho trẻ em*
- MINH - TIẾN *Tử-dức mới của người Phụ-nữ V.N.*

TẠP-CHÍ BÁCH-KHOA

Trong những số tới

- HUÊ - CHÂU : *Cái đẹp trong văn-ngệ.*
- PHẠM-DUY-LÂN : *Bao giờ trời lại sáng.*
- CHU - MẠNH : *Cá nhân và xã-hội.*
- HUỲNH-VĂN-LANG : *Một ít nhận-xét về phong-trào hợp-tác-xã ở Việt-Nam.*
- HOÀNG-MINH-TUYNH: *Trách-nhiệm người Công-giáo đối với Hòa-Bình (Thư chung của đức Hồng-Y SALIÈGE năm 1951).*
- PHẠM-NGỌC-THẢO : *Góp ý-kiến về mưu-kế tấn-công của Tôn-Tử.*

cùng với những sáng-tác và biên khảo của các bạn

PHAN MAI, VĂN QUỲ, DUY THANH,
TRẦN KHANG, HUÊ CHÂU,
VĂN BÌNH, CHU MẠNH

THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : **90\$00** — 1 năm 24 số : **180\$**

Giá tiền trên đã tính cả cước phí.

TOÀ SOẠN : 55 Bà Huyện THANH-QUAN
Phòng 42 — SAIGON

MÁY MAY

SINGER

danh tiếng khắp thế-giới
trên một thế-kỷ nay.



Mua máy may **SINGER** cũng như là
đề dành tiền, vì máy cũ vẫn còn giá.



SINGER là đồ dùng
cần-yếu của mọi gia-đình.



TỔNG PHÁT-HÀNH

L'UCIA

135 ĐẠI-LỘ NGUYỄN-HUỆ

Đ.T. 20.166

SAIGON



Q.C. PHI YẾN

HÀNG LA-VE B.G.I

*Thung, Su' nên
Kính tế Việt-Nam
từ năm 1875*

LA-VE LARUE

LA-VE "33" EXPORT

**BRASSERIES & GLACIÈRES
DE L'INDOCHINE**

THUÂN-TIẾN CÔNG-TY

Xuất-Cảng — Nhập-Cảng — Bảo-Hiểm

26-28 Đại-lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện-Thoại : 23-575



Đại-lý :

Giấy ảnh, phim ảnh **AGFA**



Bột sữa **OVALTINE, OVALMIX**



Tơ hóa-học **S. L. T.**



Hàng nỉ **DORMEUIL L^{td}**



Vải đen, vải trắng **SINCOTEX**

TOUT CONFORT MODERNE

GARAGE DANS L'HOTEL

HOTEL CATINAT

S. A. R. L. Aux Capitaux Entièrement Vietnamiens

RESTAURANT & SALON DE THÉ

69, Rue Tu-Do (Ex. Rue Catinat)

Adresse Télégraphique : CATOTEL — Téléphone N° 21.920

Directeur général : **M. PHONG-THÀNH**

Directeur Commercial : **M. NGUYỄN-VĂN-ĐÀNG**

HOTEL MODERNE ET TRANQUILLE EN PLEIN CENTRE DE LA VILLE

CHAMBRES VASTES ET BIEN AÉRÉES

TÉLÉPHONES DANS TOUTES LES CHAMBRES

TERRASSES FLEURIES

ANCIENS ETABLISSEMENTS EIFFEL

ENTREPRISES GÉNÉRALES

CONSTRUCTIONS MÉTALLIQUES-CHAUDRONNERIE

SIEGE SOCIAL :

23, Rue Dumont d'Urville—PARIS (16°)

Tél. KLEber 20-95



AGENCES à :

SAIGON — Đường Pasteur, N° 111, Sud Việt-Nam

PHNOM-PENH — Boulevard de France, N° 23, Cambodge

TANANARIVE — 24, Rue Frédéric Estebe

NHI - KHOA THÁNH - DƯỢC

HÀ-TẾ-CÔNG CAM-TÍCH-TÁN

Bào-chế tại Hương-Cảng

Có tinh trùng	uống rồi	khử tích trừ trùng
Không muốn ăn	—	có vệ khẩu, ăn ngon
Mặt vàng	—	trở thành mặt hồng
Yếu đuối	—	trở thành khang cường
Tối ngủ kêu la	—	ngủ ngon, ninh thần
Dốt ngu	—	thông minh vui vẻ
Đau nhiều	—	khử bệnh mau mạp
Không có đau	—	cân cơ nhần cổ

Có bán tại các dược hàng



MUỐN CẦN DƯỢC PHẨM THIẾT

mời **HỘI - TRUNG - HÀNG**
tới

Hãng chánh : ở số 54 đường Triệu-Quang-Phục — Cholon

Chi nhánh : ở số 258 Đại-lộ Đồng-Khánh

DIỆN-THOẠI : 517

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ - SAIGON



SAIGON

PNOMPENH

VIENTIANE

BANGKOK

HONGKONG

PARIS

TỔNG ĐẠI LÝ

B.O.A.C.

THAI AIRWAYS

AIR INDIA INTERNATIONAL

PHÒNG TIẾP - LIÊU VĂN - HÓA

Nhận mua :

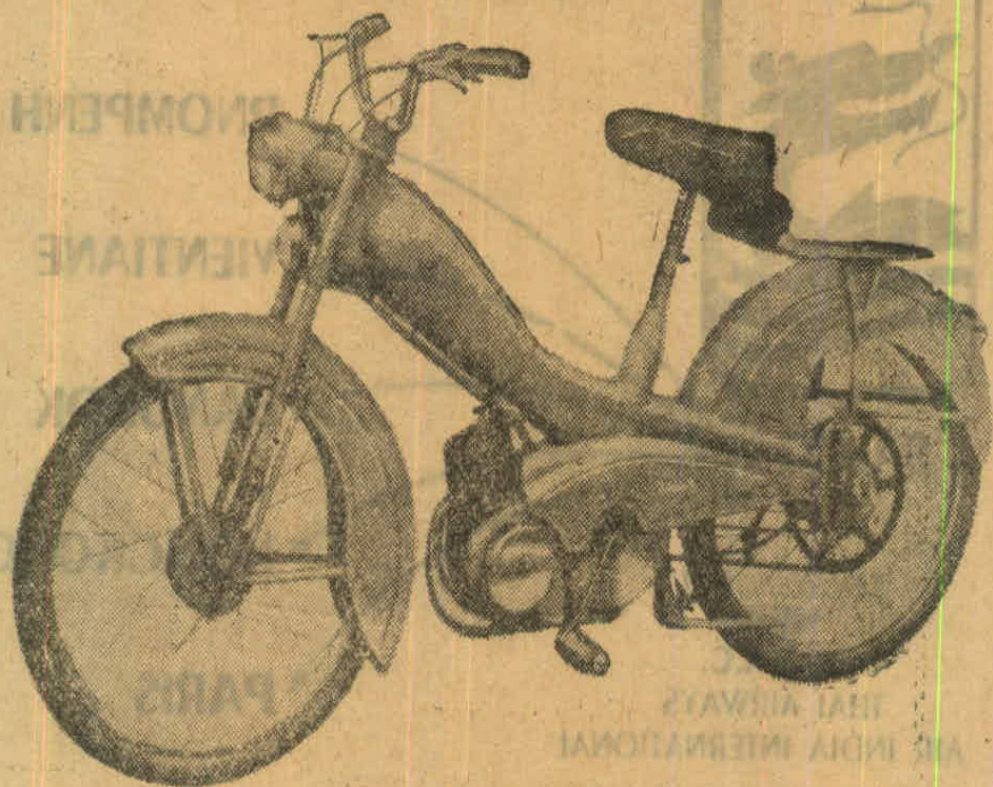
★ SÁCH NGOẠI-QUỐC.

★ DỤNG-CỤ CHUYÊN-MÔN.

213^D, đường Tự-Do—SAIGON

Đ. T. 23.166

Mobylette



« MOBYMATIC » AV78

HỘP SỐ VÀ « AN-BA-DA » TỰ-ĐỘNG

MOTOBÉCANE



ĐẠI-LÝ L'U. C. I. A.

135 ĐẠI-LỘ NGUYỄN-HUỆ SAIGON

ĐIỆN-THOẠI 20.166 — 20.167 — 20.168

KẾ-HOẠCH KINH-TẾ

Ai cũng biết rằng muốn chấn-hưng hay phát-triển nền Kinh-tế nước nhà thì trước tiên phải có một kế-hoạch hay một chương-trình, nói cách khác, ta cần phải biết rõ ràng hiện-tình kinh-tế và biết mình muốn cái gì, muốn cho kinh-tế hướng về đâu, theo phương-pháp nào và trong thời-gian bao lâu.

Muốn cái gì? Điều này không có gì khó, vì ai ai cũng muốn điều tốt như nhau, nào là sản-xuất nhiều hơn, năng-xuất cao lên, thâu-dụng công-nhân đầy đủ, tránh thất-nghiệp, nâng cao mức sống nhân-dân... và đó là nâng cao giá-trị đồng-bạc Việt-Nam. Nhưng đưa ra một chánh-sách kinh-tế thực-tiền lại là một việc khó hơn và khi thể-hiện chánh-sách ấy bằng một chương-trình hay kế-hoạch cụ-thể lại còn khó-khăn hơn nữa.

Thế nào là một kế-hoạch kinh-tế? Một kế-hoạch kinh-tế là một chương-trình rõ-ràng bằng số-lượng và thời-gian, dựa trên thực-tại, ví dụ: thực-tế hiện-tại là sản-xuất 50 ngàn tấn đường mỗi năm, thất-nghiệp 50 ngàn người. Năm sau làm sao sản-xuất được 100 ngàn tấn đường, thất-nghiệp chỉ còn 10 ngàn người thôi. Đó là một tỷ-dụ chỉ mới đề-cập đến có hai yếu-tố là sản-xuất (mà chỉ nói đến thứ sản-xuất đường thôi) và thất-nghiệp. Nhưng còn bao nhiêu yếu-tố nữa như tiêu-thụ, nhu-cầu, giá cả... mà cần phải hiểu thực rõ. Ở nước Việt-Nam ta, từ khi đại-chiến đến giờ, và nhất là từ ngày đất nước chia hai, các số thống-kê hết sức sơ-lược, không biết có đúng hay không nếu có phần đúng thì phần trật bao nhiêu, không sao biết được. Đó chỉ là một lý-lẽ thứ nhất đề ta không thể lập một kế-hoạch rành-mạch cụ-thể được. Lẽ thứ hai: nếu kế-hoạch có thành-lập đi nữa, thì lấy đâu ra đủ kỹ-sư chuyên-môn để thi-hành cho

được, phối-tri các công-tác đã khó-khăn rồi, mà thực-hiện các công-tác trong hoàn-cảnh thiếu người thì làm thế nào mà kế-hoạch-hóa kinh-tế được.

Hai lẽ nói trên đủ để ta nghĩ rằng : Một kế-hoạch đại-quy-mô hiện giờ chưa thể quan-niệm được, mà lại càng chưa thể thực-hiện được nữa... Đi xử ngoài hay ngồi lại giở sách vở kinh-tế ra, ta không thể cảm được sự cảm-hứng, hăng-hái chỗi dậy trong lòng ta : ta muốn cho nước ta mau giàu mạnh và ta biết rằng được vậy phải có một kế-hoạch toàn-diện và tổng-quát. Nhưng như trên đã nói, một kế-hoạch như thế cần phải có hai phần : phải cụ-thể-hóa được và phải thực-hiện được. Muốn quan-niệm và cụ-thể-hóa được, cần phải có rất nhiều yếu-tố thống-kê đầy đủ và đúng, và muốn thực-hiện được cần phải có đầy-dủ chuyên-viên. Nước Việt-Nam hiện-thời lại thiếu hẳn hai yếu-tố trên.

Phải, trước sau ta cũng phải đi đến kế-hoạch-hóa kinh-tế Việt-Nam, nếu ta muốn mau giàu mau mạnh. Nhưng bây giờ chưa làm được, thì ta hãy nhắm hai yếu-tố trên mà dự-bị : nắm rõ kinh-tế nước nhà bằng những yếu-tố thống-kê đầy đủ và đúng. (Nếu không đúng thì ít ra cũng đúng sai quá 5%, 10%) và ngay từ giờ, lo đào-tạo chuyên-viên các ngành bằng cách mở trường tại chỗ, hoặc gửi người đi học. Trong việc đào-tạo, trước tiên phải nghĩ đến các chuyên-viên thống-kê và kinh-tế-học, vì trong kế-hoạch, khi soạn-thảo, cũng như khi thực-hành, vai tuồng của các chuyên-viên sau này tối quan-hệ ta có thể cho họ như là cấp tướng.

Đầy đến đó chúng ta phải làm gì ? Không lẽ chúng ta cứ để tình-trạng hiện giờ lồi cuồn mãi ? Vậy ta phải lo làm cái gì làm được. Một kế-hoạch toàn-vện và tổng quát còn viễn-vông lắm, ta đừng nghĩ mà chưa dự-bị cái gì cho đúng cả. Một mặt, ta phải dự-bị đề ba năm, năm năm sau, ta có thể khởi-sự mở kế-hoạch kinh-tế tổng-quát và toàn-diện, một mặt ta có thể thực-hiện những kế-hoạch ngắn, nhỏ mà ta có thể làm được. Tất-nhiên khi không có một kế-hoạch toàn vện và tổng-quát mà có nhiều kế-hoạch nhỏ, thì sự dung-hòa liên-lạc là cả một vấn-đề. Vậy ta thử xem nếu cần phải thực-hiện các kế-hoạch nhỏ hiện giờ, thì phải dựa nơi đâu mà điều-khiển, dung-hòa để tránh sự xáo-trộn kinh-tế.

Đối với những nước kỹ-nghệ như Anh, Pháp, thường khi họ dùng cân chi-phó như một « kinh-tế-biểu » để đo lường sự thịnh-vượng kinh-tế, giá-trị đồng bạc và cả đời sống của đồng-bào. Trái-lại, đối với một nước canh-nông, thì cân cân thương-mại cũng đủ để đo-lường được ít nhiều tình-hình kinh-tế, tiền-tệ, trong nước. Hiện giờ, tình-hình cân cân thương-mại của ta là nhập-cảng mười, mà xuất-cảng chỉ có một, hai. Phần nhiều các thức ta cần đều phải nhập cảng cả.

Cán cân thương-mại 1955

Nhập-cảng :

9. 672. 675. 000. \$00

Xuất-cảng :

2. 056. 272. 000. \$00

Hai con số trên mới cho ta biết là ta đã mua vào bằng năm lần ta bán ra. Nếu coi được ta mua vào cái gì ta sẽ rõ ngay tình-hình kinh-tế của ta thế nào. Một nước chưa kỹ-nghệ-hóa, cần vào nhiều máy móc để khuếch-trương kinh-tế, thì đầu cán cân thương-mại có chênh-lệch như trên cũng không có gì trở ngại. Nhưng, trái lại, nếu ta nhập-cảng các tiêu-thụ phẩm chín phần, mà sản-xuất phẩm chỉ có một phần... thì tức là kinh-tế ta còn yếu đuối, sự sản-xuất của ta còn quá thấp kém. Sự chênh-lệch kia còn báo-hiệu là đồng bạc ta mất giá ở thị-trường quốc-tế nữa. Cái trọng-lượng thương-mại như trên lại tỏ rằng mức sống dân ta thấp, tính đồ đồng thì mỗi người dân ta nhập-cảng để tiêu-thụ có 1.000\$ và sản-xuất để bán ra được có 200\$00. Đã hay cán cân thương-mại một mình nó không nói rõ được cái gì, nhưng riêng nó cũng báo-hiệu được nhiều cái mà một người thường, không phải là chuyên-môn, cũng có thể dựa theo đó, mà hiểu biết ít nhiều tình-trạng kinh-tế, tiền-tệ và đời sống nhân-dân nước mình.

Ngày nay trên con đường khuếch-trương kinh-tế, ta chưa nói đến một kế-hoạch hoàn-bị được, nhưng ta có thể tạm lấy cán cân thương-mại làm khuôn-khổ và tiêu-chuẩn để khuếch-trương kinh-tế; các kế-hoạch nhỏ và ngắn có thể dựa theo đó mà thực-hiện và điều-hòa. Nguyên-tắc chánh là làm sao trong ba năm, hay năm năm trong giai đoạn giao-thời này, ta có thể bớt nhập-cảng được bằng cách tự sản-xuất và tăng sản-xuất để thêm xuất-cảng, và để sau ba năm, năm năm, cán cân thương-mại của ta tiến tới không còn chênh-lệch nữa. Nguyên-tắc thứ hai là ta có thể nhập-cảng như bây giờ luôn trong ba năm, năm năm, nhưng không phải là nhập-cảng các tiêu-thụ-phẩm, mà là các sản-xuất-phẩm, các dụng-cụ, v. v..., còn những món tiêu-thụ-phẩm mà ta đang nhập-cảng hiện giờ, ta phải đặt kế-hoạch và tự sản-xuất được dần dần. Nguyên-tắc thứ ba là làm sao tăng sản-xuất để xuất-cảng, không phải là chỉ tăng về mặt khối-lượng, mà phải chú-trọng nhất về mặt năng-xuất. Ba nguyên-tắc trên là ba nguyên-tắc chỉ-dạo để ta quan-niệm, tổ-chức và thực-hành những kế-hoạch nhỏ. Các kế-hoạch ấy chỉ chung-quy chỉ phác-họa theo các môn hàng-hóa ta hiện nhập-cảng và xuất-cảng. Hiện giờ, ta đương nhập-cảng những gì mà ta có thể làm lấy được. Thức ăn thì có : đường, đậu, heo, cá... thức mặc thì có : vải, lụa... Xuất-cảng thì ta vẫn chỉ có : trà, gạo, cao-su, muối, quế, v.v... Vậy ta lập ngay các kế-hoạch

sản-xuất đường, đậu, heo, vải, lụa, và kế-hoạch gia-tăng năng-xuất về : gạo, cao su, trà, quế, muối... Trọng-tâm kế-hoạch của ta là sản-xuất : sản-xuất để tiêu-thụ trong nước, và sản xuất để xuất-cảng. Tất cả các kế-hoạch khác đều theo đó mà điều-hòa. Các kế-hoạch to, không phải là ta bỏ qua, nhưng ta có thể lo nghiên-cứu để thực-hành mai sau, còn hiện giờ, cái gì có thể làm được, thì ta thực-hiện cho bằng được : ví-dụ một kế-hoạch sản-xuất đường, một kế-hoạch sản-xuất vải. Những kế-hoạch nhỏ này, đều có thể thi-hành ngay được.

Có nhiều cách thực-hiện một kế-hoạch : hoặc Chính-phủ trực-tiếp đảm-đương lấy, hoặc Chính-phủ tham-gia với tư-nhân, hoặc để cho tư-nhân làm mà Chính-phủ giúp phương-tiện tài-chính hay kỹ-thuật. Lấy một tỷ-dụ về đường cát : tại sao năm rồi, ta sản-xuất được bao nhiêu, năm nay ta sản-xuất cũng vẫn có ngần ấy, không thêm được ki-lo nào ; tại sao năm rồi nhập-cảng bao nhiêu thì năm nay lại nhập-cảng bấy nhiêu, có khi nhiều hơn mà không bớt đi được ?

Thiết tưởng Chính-phủ ta nghĩ nhiều việc một lượt, nên khó mà cùng một lúc thực-hiện hoàn-hảo được tất cả. Bởi vậy, chúng tôi đề-nghị về mặt kinh-tế, nếu có ấn-định nhiều kế-hoạch một lượt, thì khi thực-hành làm từng việc một và làm cho kỳ được. Nếu phương-tiện cho phép và cùng thực-hành một lúc nhiều việc được thì càng hay. Nhưng nếu không đủ phương-tiện...

Kết-luận : Một kế-hoạch kinh-tế đại-quy-mô ta chưa quan-niệm và thực-hiện được, vì thiếu phương-tiện. Nhưng từ bây giờ ta phải lo dự-bị, nhất là về mặt kỹ-thuật và chuyên-môn. Trong khi dự-bị ta thấy có thể làm được việc gì thì phải ráng thực-hiện, đó là những kế-hoạch nhỏ phác-họa theo mục-tiêu đã nêu ở trên là : sản-xuất để tiêu-thụ lấy, và tăng thêm năng-xuất để xuất-cảng nhiều hơn, cố-gắng quân-bình cán cân thương-mại cho kỳ được và cho mau lẹ.

HUỖNH-VĂN-LANG



Người ta có biết mưu sinh, biết tự lập thì mới không ỷ lại ai, cầu cạnh ai, mà giữ được liêm-sĩ và thực-hành được Lễ-ngĩa.

KHUYẾT-DANH

LUÂN VỀ CÁI NHÌN

*Con mắt bay là đèn soi tâm-
hồn bay.*

Đức Chúa GIÊSU.

NHÌN là ra ngoài mình, hướng về người khác và sự vật. Nhờ cái nhìn, tôi lãnh-hội được sự tồn-tại của tha-nhân-giới và vật-giới quanh tôi. Cái nhìn là con đường, sợi giây liên-kết tôi với vật, tôi với người. Nhưng mỗi cái nhìn bao-hàm một *thái-độ*, một lối tiếp-nhân xử-thế của người nhìn.

Có cái nhìn *bổ-ngỡ* trước cảnh-vật khi chưa hiểu ý-nghĩa tồn-tại của nó. Có cái nhìn *lãnh-đạm* khi đã hiểu vật-giới là phương-tiện, dụng-cụ của con người tự-do sáng tạo. Nhưng đứng trước người khác cũng như tôi, nghĩa là có thể nhìn và nhìn lại tôi, cái nhìn của tôi sẽ là gì ?

Đây là một người lạ. Tôi nhìn người đó như một bí-mật cần phải khám phá. Tôi có cái nhìn *tra hỏi* : anh tên gì, ở đâu, làm nghề gì, tính nết ra sao, có những khả-năng, ước-vọng gì. Nhưng người lạ đó không phải chỉ là một nghề-nghiệp, đức-tính này, tài-năng kia. Tôi nhìn nhận người đó là chủ những xuất hiện trên kia và sau cùng, cũng là người như tôi.

Điều cốt yếu trong con người không phải ở những xuất hiện của nó, nhưng tại chính cái làm cho những xuất hiện kia có thể tồn-tại được ; đó là *nhân-vị*, xác-định như một tự-do độc-nhất, không thể giản lược được. Nhìn nhận người khác là một người như tôi bao-hàm người đó liên-hệ đến tôi, có *họ hàng với tôi*, là anh em tôi. Tôi gọi người đó là anh chị, ông bà, chú bác, cô dì, em cháu v.v... tùy như người đó xứng đáng tuổi và địa vị ngang hàng với anh chị, ông bà, chú bác, cô dì, em cháu thật gần, của tôi.

Và như thế, tất cả loài người đều là anh em của tôi (Tứ-hải giai huynh-đệ).

Cái nhìn chiêm đoạt. (Hay cái nhìn phá-hoại).

Nếu tôi không nhìn nhận người khác như họ hàng gần hoặc xa của tôi, tôi đã không nhìn người đó như người nữa, và tất nhiên sẽ giản-lược người đó vào địa vị một sự vật. Bấy giờ tôi có cái nhìn *chiêm-đoạt*. Thái-độ của người đối với

vật-giới bao giờ cũng là thái-độ chiếm-đoạt.

Người coi vật giới như vật sở-hữu của mình được tùy-tiện xử-dụng theo ý muốn. Nói cách khác, ý-nghĩa sự tồn-tại của vật-giới là để bị xử-dụng, phục-vụ tự-do con người. Thực ra, chính ý-nghĩa đó cũng do người gán cho nó thôi, vì tự nó, thế nào vẫn thế, không ý-thức, không đòi hỏi gì cả.

Đối với người, cái nhìn chiếm-đoạt coi người chỉ là khả-năng, tài đức ta có thể

dệt bằng những công-trình tác-tạo, xây-dựng của tự-do, hiện có và sẽ có trên lãnh-vực trí-thức, tình-cảm, hành-động.

Con người bị chiếm-đoạt mất tự-do là con người tro-trụi, hết điều-kiện đề rung-động, ước-mong, hy-vọng yêu-mến. Cái nhìn chiếm-đoạt bóc-lột, bạo-động ! Có nhiều lối nhìn chiếm-đoạt. Cái nhìn soi mói như muốn hạch-sách kẻ bị nhìn là vật sở-hữu của mình, xem có ăn-ở xứng-đáng với nhiệm-vụ chủ đã gán cho. Cái nhìn soi mói có tính-cách kiểm-soát, giám-

CHỈ BIẾT CÓ MÌNH.

Người ta sở dĩ đến nỗi phạm phải nghìn muôn tội-lỗi là chỉ vì cái bệnh « chỉ biết có mình ». Vì có chỉ biết có mình, mình mới suy-tính thiên-phương bách-kế : chỉ muốn cho mình giàu, chỉ muốn cho mình sang, chỉ muốn cho mình yên, chỉ muốn cho mình vui, chỉ muốn cho mình sống, chỉ muốn cho mình thọ, còn người ta nghèo, hèn, nguy, khổ, lun-bạt, chết-chóc, nhất-thiết là chẳng nghĩ gì đến cả. Bởi thế mà sinh-ý chẳng liên-can, thiên-lý đến tuyệt-duyet, tuy có hình người, kỳ thực không khác gì cầm thú.

Ví bằng trừ bỏ cái bệnh « chỉ biết có mình », tâm-địa rộng-rãi công minh, giàu, sang, nghèo, hèn, vui, khổ, sống chết đều cùng chung với cả loài người, thì sinh-ý quán-triệt, ai nấy đều được hả lòng mà thiên lý giữ được trọn-vẹn. Thế là thân ta cùng với muôn vật là nhất thể vậy.

TIẾT-HUYỀN

(CỒ-HỌC TINH-HOÀ của Ôn-Như Nguyễn-văn-Ngọc và Từ-An Trần-lê-Nhân-quyền II)

vận-dụng được để phục-vụ ta. Tính-cách bạo-động, của cái nhìn chiếm-đoạt là tiêu-diệt sự tồn-tại của người khác, định-nghĩa như nhân-vị, chủ-thể các khả-năng tài đức. Con người chỉ còn là một dụng-cụ : cái thàng kéo xe, cái con sen, như khi gọi cái dao, cái xe máy, cái bút chì.

Cái nhìn chiếm-đoạt cướp bản-ngã cuộc đời người khác. Cướp bản-ngã vì đã phủ-nhận tự-do, yếu-tính của bản-ngã, nguồn-gốc nhân-phẩm, vì đời một người

thì, vì bao-hàm quyền sở-hữu vật bị nhìn. Cái nhìn trông-trọc, trừng-itưng, như đề cảnh-cáo, đe-dọa, ví-dụ : « hãy cẩn-thận, mày chỉ là thằng bời, con ở », hay đề-phòng, giữ miếng : « anh đừng động đến tôi, coi chừng ».

Những cái nhìn đó thường kiêu-hãnh. Ý-nghĩa cái nhìn kiêu-hãnh là tự đặt mình lên trên như một giá-trị độc-nhất, đáng phải kính trọng, vì nề.

Nhưng cái nhìn bạo-động thất-bại. Cái

nhìn chiếm-đoạt ở chỗ giản-lược kẻ bị nhìn vào một sự-vật, dụng-cụ (cái bàn, cái bút), không ý-thức, tình-cảm, người đó không còn thể công-nhận tự-do của kẻ nhìn chiếm-đoạt. Không ai hãnh-diện với dụng-cụ, vì nó biết gì đâu, người chỉ có thể hãnh-diện với người.

Vậy thất-bại ở chỗ cái nhìn bạo-động muốn chiếm-đoạt tự-do người khác ; nhưng chỉ có thể chiếm bằng cách tiêu-diệt tự-

Phản ứng của kẻ bị nhìn.

Người bị nhìn, nếu yếu bóng vía hơn, sẽ cúi đầu xuống, có cái nhìn nhục-nhã là công nhận mình không phải chỉ là cái người ta muốn gán cho, mình còn là cái gì hơn thế nữa. Nếu người bị nhìn có chí-khí, sẽ ngừng đầu lên, nhìn lại kẻ nhìn mình, bằng cái nhìn hãn-học lúc giận, như muốn phản-đối : Tôi không kém gì anh, tôi không chịu áp-bức, tôi

TỰ XÉT LẠI MÌNH

Người quân-tử sở dĩ khác người vì lúc nào cũng đề tâm đến việc « Nhân », đề tâm đến việc « Lễ ».

Đã là người có nhân, thì yêu người ; đã là người có lễ, thì kính người. Mà theo lẽ thường, yêu người thì người tất yêu lại, kính người thì người tất kính lại.

Người quân-tử ăn ở như vậy, mà gián-hoặc còn có kẻ đem thói ngang-ngược đối-đái lại, thì tất nhiên tự xét ngay mình lại, chắc mình còn bất-nhân, chắc mình còn vô lễ, thì họ mới xử với mình như thế, chớ tự đứng thì có khi nào họ lại ngang-ngược với mình được.

Nếu người quân-tử xét lại thật mình thật có nhân, thật mình có lễ, mà người ta đối-đái với mình vẫn ngang-ngược như trước, thì tất lại xét lại mình ta nhân, ta lễ thật, nhưng ta chưa được hết lòng chẳng.

Nếu người quân-tử xét rằng thật đã hết lòng mà thói người ngang-ngược vẫn như trước, thì bấy giờ người quân-tử nói :

« Hạng này thật là hạng cần-dở. Người mà đến như vậy thì khác gì loài vật. Đối với loài vật thì ta còn so kè làm chi ! »

MẠNH-TỬ

(CỔ - HỌC TINH - HOA của Ôn-Như Nguyễn-văn-Ngọc và Từ-An Trần-lê-Nhân, quyển II)

do người đó và coi là một dụng-cụ : mà nếu coi là một dụng-cụ, cái nhìn bạo-động mất hết cả ý-nghĩa tồn-tại, vì người bị nhìn không còn ý-thức, tự-do để nhìn nhận tự do cao cả của kẻ nhìn.

Nói một cách khác, thất-bại của cái nhìn bạo-động ở chỗ bó buộc công-nhận tự-do của người bị nhìn như ý nghĩa và tiền-tảng bạo-động, vì không ai bạo-động với dụng-cụ, sự-vật, chỉ bạo-động với người.

cũng là người như anh...

Nếu cái nhìn hãn-học, tức giận báo thù bạo-động lại, nó cũng sẽ thất-bại. Vì ý-nghĩa báo thù là lại muốn coi người nhìn mình cũng là sự vật, khi phản-đối phát biểu bằng cải-cọ, chửi rửa.

Như thế, người với người đã sống cái xã-hội « mây tao ». Mây chỉ là con... Nó chỉ là cái... xã-hội vật giới, mất tính người. Vậy mối tương quan giữa người

và người đã biến thành con vật là mối tương quan *bạo-động*, luật của nó là *tranh-danh*, và kết-quả là *chiến-tranh*.

Cái nhìn yêu-đương. (Hay cái nhìn xây-dựng).

Trong đời sống hàng ngày, có phải ta chỉ thấy cái nhìn *bạo-động* ? Nếu thật thế không còn gì đáng ghét hơn con người. Xã-hội loài vật *bạo-động* nhưng không ý-thức, tự-do. Xã-hội loài người có ý-thức tự-do. Ý-thức và tự do là dịp để con người sa đoạ hơn con vật hay vượt lên trên con vật.

Nếu định nghĩa người là tự-do, tự-do của tôi luôn luôn đe dọa tự-do người khác và trái lại. Sar re nói : « Cuộc đời người khác là sự đe dọa của tôi (Ma chute originelle, c'est l'existence de l'autre - " L'être et le Néant, trang 321). Vì người khác thực hiện sự tự-do của họ bằng cách hủy-diệt tự-do của tôi.

Nhưng ta vẫn có thể tránh được những cái nhìn *bạo-động*, nếu ta có một thái-độ cởi mở, mời gọi đối với người khác.

Cái nhìn mời gọi bao-hàm lòng kính-trọng, phần cao quý, giá-trị độc-nhất trong mỗi người như chính của ta.

Trước hết, cái nhìn mời gọi là cái nhìn thanh-bình. Thanh-bình đối với cái nhìn *bạo-động* như có ý nói " không chấp nhất ", " không ăn miếng trả miếng ", tự trọng vì hân-học tức giận là hạ mình xuống ngang hàng với kẻ khinh bỉ mình !

Cái nhìn *thanh-bình* biểu lộ một thái-độ quảng-dại, khoan-dung, độ lượng. Đối với những người khác, cái nhìn *thanh-bình* có tính cách lịch-sự, thiện-cảm, khoan-thai dịu-dàng. Cái nhìn *thanh-bình* do đó gây ấm, reo vui. Người bán hàng, người mua hàng, nếu chỉ coi nhau như hai cái máy trao hàng, trả tiền, mối tương quan đó

sẽ nhạt nhẽo, tẻ lạnh. Nhưng nếu có nụ cười, cái nhìn *thiện-cảm*, gian hàng như ấm lên. Họ đã tương giao bằng tình người. Bàn ghế trở nên sống động, gói hàng như chứa một nỗi niềm, và con đường đầy phố cũng thành quen thuộc, thân mật.

Saint-Exupéry, một nhà văn hiện đại Pháp, kể lại tối hôm ấy bị giam trong một nhà tù bên Tây-ban-nha hồi nội chiến ? Thời gian qua, đi bên anh lính gác, thật là nặng-nề, khó thở như cái bức-rức buổi chiều hè sắp cơn giông. Nhưng rồi một nụ cười một cái nhìn thân-mật, lời hỏi dịu-dàng, : « Anh có rét lắm không », và một liều thuốc lá, cái nhìn cảm ơn đầy thiện cảm. Căn phòng bỗng ấm lên. Thực ra chẳng có gì thay đổi ; cây đèn lơ mờ, bốn bức tường lạnh toát, mùi cứt chuột vẫn thế. Nhưng hình như chúng thay đổi bản tính, vì nụ cười, cái nhìn, lời mời gọi của những con người coi nhau là người như anh em đồng loại. Cái nhìn mời gọi đưa đến cái nhìn *yêu-đương*. Nhìn *yêu-đương* không phải nhìn là lời *quyến-rũ*. *Quyến-rũ* chỉ thị ý-chí muốn chiếm-đoạt người yêu như một sự vật. Cái nhìn mời gọi *yêu-đương*, trái lại, có ý nghĩa là một *tự-thú*. Sở dĩ có mời gọi là vì muốn được đáp lại. Mời gọi chỉ thị cái thiếu thốn của lòng mình. Trong cái nhìn *yêu-đương* hai người như muốn thú với nhau tình trạng chưa đầy đủ cuộc đời mình. Tình *yêu* bộc-lộ trước hết bằng ý muốn kết-hợp bao-hàm rằng tôi chỉ là tôi hoàn toàn, một cách đầy đủ nếu anh là em, em là anh ; Chúng ta là một, cùng xây cuộc đời chung. Rồi từ tình *yêu* vợ chồng nền tảng đó, sẽ nảy nở ra tình gia-đình, tình họ hàng, tình bè bạn, tình dân-tộc, tình nhân-loại. Xây một xã-hội tình, trong đó mọi người đều nhìn nhau như vợ chồng, cha mẹ, con

cái, họ hàng, đồng bào, đồng loại. Đó là tất cả ý nghĩa sau cùng đời người.

Cái nhìn yêu đương là cái nhìn *băn khoăn*, lo-lắng cho số phận người mình yêu như mình *trách-nhiệm* cuộc đời người ấy ; cái nhìn âu-yếm *trìu mến* như muốn xây dựng hạnh phúc của mình bằng cách xây hạnh phúc cho người mình yêu, tự

hiến cho người yêu như lẽ sống của mình.

Nếu ta không tránh được nhìn, nghĩa là không tránh được sống với người khác, tại sao không cố gắng có những cái nhìn mời gọi thân yêu cho đời *đẹp* lên, dù vất vả, gian khổ, vì có nghĩa đáng cho ta sống cuộc đời ấy.

HOÀNG-THÁI-LINH

■ Quyền sở-hữu

Quyền sở-hữu là quyền tự-nhiên. Đúng lắm.

Nhưng khi tôi chấp-hữu năm trăm hecta, tôi có thể tự-bảo do luật tự-nhiên, tôi có quyền đó không ?

Giáo-Hoàng Pie XII nói : Làm sao cho mọi người đều có tư-hữu.

Song nếu quyền tư-hữu không có giới-hạn thì chẳng bao giờ mọi người đều có tư-hữu cả.

Tôi chấp-hữu năm trăm hecta, đó là do luật tự-nhiên hay do luật dân-sự ?

Xin các nhà luật-học và các giáo-sư dạy luân-lý trả lời cho.

HỒNG-Y SALIÈGE

■ Vô quít dày, móng tay nhọn

Chúng ta ai cũng biết sau khi Mã-Viện thắng được Hai Bà Trưng có ngạo-mạn dựng một cây đồng-trụ, trên khắc sáu chữ « Đồng trụ chiết, Giao-chỉ diệt ».

Về sau có lần sứ Việt-Nam sang Trung-Hoa, người Tàu có ý khinh dể, ra một vau đối nhắc nhở đến chuyện đồng-trụ của Mã-Viện khi xưa :

« Đồng trụ chi kim đài vị lục » tức là « Cột đồng đến nay rêu chưa xanh ».

Sứ ta đối lại ngay :

« Đằng-giang tự-cổ huyết do hồng » tức là « Sông Đằng từ xưa máu còn đỏ ».

Ý nói trận Bạch-Đằng quân ta giết quân Tàu xâm-lược máu còn nhuộm đỏ dòng sông từ bấy đến nay.

VẾT XE ĐỎ

TRẦN-KHANG

NHỮNG người tự kết-thúc đời sống của mình bao giờ cũng đem lại cho hành-động cuối cùng đó một ý-nghĩa đặc-biệt. Bi thảm, đau đớn, đó là lẽ dĩ-nhiên. Nhưng cái chết tự-quyết đó bao giờ cũng mang vẻ lạ-lùng, huyền-bí. Từ lúc chọn lựa sự kết-thúc đó, người sắp tự-tử đã đi vào một cuộc sống riêng biệt đơn-độc. Nghĩa là tách ra khỏi cuộc sống thường lệ.

Họ cũng để lại ít nhiều tri giải-thích, phân trần. Nhưng thực ra đó chỉ là những ngữ-từ xã-giao bề mặt. « Hãy tha thứ cho tôi », « Hãy quên tôi », « Tôi không thể làm gì hơn ». Tất cả những lời nói cuối cùng đều mang vẻ công-thức nên không soi sáng chút nào cho ta về cái tình-cảm lạ lùng huyền-bí và vô cùng đơn-độc của con người bị vò xé đến chỗ gục ngã...

Nhưng dù sao người sống vẫn bị ám ảnh, đòi hỏi một giải-thích : tìm một ý-nghĩa cho cái chết.

Hiện-tượng kể trên càng huyền-bí hơn nữa nếu ta xét qua trường hợp của ba nhà văn Nga : Essenine, Maiakowski, và Fadeev.

Fadeev là một văn-sĩ, chủ-tịch hội những nhà văn Nga, tác-giả những tác-phẩm được ca-tụng trong thế-giới Cộng-Sản « La défaite », « La jeune garde », và là một trong những người được giải-thưởng

Staline. Tất nhiên họ là những người được ưu-dãi, cuộc sống bề ngoài có thể kể như yên-ôn, sung túc vinh-quang. Họ là con cưng của chế-độ Cộng-Sản, tại sao họ tự-tử ? Người ta có thể bảo Essenine còn nhuốm tư-tưởng tiểu tư-sản. Người ta có thể bảo Fadeev đã mất việc sau khi bị Cholokhov phê-bình. Nhưng còn Maiakowski, con người cưng của Staline, tại sao cũng tự-tử ? Bài thơ cuối cùng của người thi-sĩ đó đã nói :

Câu chuyện đã kết-thúc,
Chiếc thuyền tình đã vỡ
trước cuộc đời.

Tôi đã thanh-toán với sự sống.
Đừng đếm lại, vô-ích
những đau đớn.

Khốn khổ
Những lời đàm tiếu quanh co.
Hãy ở lại sung sướng.

.....
Đừng kể tôi như một kẻ hèn
Thành-thực mà nói : không có
gì để nói

Giã-từ.

Đọc xong, câu hỏi còn nguyên vẹn với chúng ta. Tại sao những người được ưu-dãi trong thế-giới Cộng-Sản đã chọn cái chết tự-ý ? Tại sao họ đã tự-tử ? Hay vì họ đã thoảng-cảm thấy một lối thoát ở bên kia cuộc sống tù hãm.

GIÁO-HỘI VỚI ĐÀ TIẾN-TRIỂN CỦA THẾ-GIỚI HIỆN NAY

HOÀNG-MINH-TUYNH

Cha Congar O.P. trong tạp chí « *Vie Intellectuelle* », xuất bản tại Pháp, nhân một bài diễn-văn của Đức-Giáo-Hoàng Pio XII đọc tại cuộc hội-ngập các Đức Hồng-Y tại Valican năm 1945—1946 đề đề-cử ba mươi hai vị Hồng-Y mới (trong có một vị Trung-Hoa) đã đề cập tới một vấn-đề hết sức quan-trọng đối với người Công-Giáo, đó là vấn đề « Giáo-Hội với đà tiến-triển của thế-giới hiện nay ».

Chúng tôi mượn ít nhiều ý-tưởng của Cha Congar viết bài này để cống-hiến độc-giả. Tiếc rằng nguyên-bản chúng tôi thất-lạc mất. Nếu tường-thuật của chúng tôi về ý-tưởng của cha Dòng Đa-Minh có chi sơ-sốt thì đó là lỗi ở chúng tôi. Chúng tôi rất mong vị nào còn giữ được nguyên-bản của cha Congar đăng trong một số tạp-chí « *Vie Intellectuelle* » năm 1946, mà thấy chúng tôi có chỗ sai lạc, vui lòng chỉ-giáo. Chúng tôi xin chân-thành cảm-tạ.

TRONG cuộc hội-hợp các Đức Hồng-Y ngày 24 tháng chạp 1945 đến ngày 20 tháng giêng năm 1946, tại Điện Vatican, đề đề-cử ba mươi hai vị Hồng-Y mới, trong số có một vị Hồng-Y Trung-Hoa, Đức Giáo-Hoàng Pio XII có đọc một bài diễn-từ quan-trọng. Trong bài diễn ấy, Đức-Giáo-

Hoàng có nhấn mạnh về một quyết-định của Ngài là tuyển-lựa một số những Hồng-Y chủ-giáo trong hàng Giám-Mục ngoài Âu-Châu, sung vào số các đấng lãnh-lụ toàn-thể Giáo-Hội.

Có đoạn trích sau đây ngụ một ý-nghĩa đặc biệt : « Xưa kia, cuộc sinh-hoạt của Giáo-Hội nảy nở mãnh-liệt trong các xứ thuộc Âu-Châu cũ, và từ đây triển dương vòng ra khắp thế-gian như một con sông lâm-liệt, ngày nay, trái lại cuộc sinh-hoạt của Giáo-Hội có một khuynh-hướng khác hẳn, phát-sinh do sự trao-đổi sinh-lực giữa các bộ-phận của thân-thể mẫu-nhiệm Chúa KITO trên khắp trái đất ».

Trong lời tuyên-bố của Đức-Giáo-Hoàng, ta nhận thấy hai ý chính. Ý thứ nhất là Đức-Giáo-Hoàng nhận-định một sự thật hiển-nhiên. Ý thứ hai là Đức-Giáo-Hoàng đề-cập đến chính bản-chất của Giáo-Hội, đến cuộc sinh-hoạt và mối duy-nhất của Giáo-Hội.

Đức Giáo-Hoàng nhận-định hiện nayt trong Giáo-Hội, cũng như trong thế-giới, trung-tâm sinh-lực đã dời-chỗ và đang mở rộng. Giáo-Hội không còn phải chỉ là một đoàn-thể, mà sáng-kiến, phát-minh đều tập-trung cả vào Âu-Châu, trong những quốc-gia Công-giáo cũ nữa. Giáo-Hội càng tiến-phát thì càng trở nên đoàn-thể mà mỗi thành-phần đều có một tinh-thần riêng, một phần đóng góp riêng.

Cuộc sinh-hoạt trong các Giáo-Hội mới, tuy-khởi do từ những Giáo-Hội cũ của Âu-Châu đem lại, song ngày nay, cuộc sinh-hoạt ấy có thể tự duy-trì được trong những nơi không còn phải là những « xứ truyền-giáo » mà đã trở nên những Giáo-Hội chân-chính.

Xét cho kỹ nữa, những triệu-chứng trên tỏ ra chương-trình của Phúc Âm và tất cả kế-hoạch từ trước vô cùng của Thiên Chúa đã thực-hiện một cách rõ-ràng, đúng như Thánh-Kinh đã chỉ cho ta thấy trước. Cái mục-dịch chính của Thiên-Chúa và Phúc Âm chẳng đã bành-trướng theo nhịp với một đả tiến-triển tập-trung đó sao ? Ta xem như lịch-sử càng ngày càng dịch lại gần Chúa KITO, thì cuộc tuyển-trạch của Thiên-Chúa càng thu rút lại dần. Nếu nhân-loại là kết-tinh và đại-diện cho cả vũ-trụ, thu thập vào mình cái thiên-mệnh và chức-vụ của tất cả thế-gian, thì một dân-tộc lại lĩnh cái trách-nhiệm thu tóm, tập trung và đại-diện cho nhân-loại, và dân Israel đã được chọn lựa để thay thế cho toàn-thể nhân-loại. Lại chính trong dân-tộc Israel đó, một dân-tộc nhiều lần sa-ngã, một chi họ còn rớt lại, được cử bảo-lãnh kế-hoạch Chúa, một chi họ lơ-thơ gồm một số người đạo-đức và công-chính, tức chi họ Giu-Đêa. Và đến sau nữa một người, một cá-nhân, là tôi tớ của Đấng Yahvé, tất cả thiên-chư cu

ấy. Trong Đa-Niên, đoạn VII, có nói tới một Đấng « Con người », và như ta từng nhận thấy, Chúa Giê-Su rất năng dùng danh-hiệu ấy khi nói về mình. Ngài dùng danh-hiệu « Con Người » như muốn phó-diễn cái vai Ngài đóng để tiêu-biểu cho tất cả nhân-loại vậy.

Chúa Giê-Su khi chịu chết, đã đem cái chết của Ngài phụng-sự Thiên-Chúa thay cho nhân-loại và làm trọn cái công-nghiệp cứu chuộc để giải-thoát nhân-loại, vì theo kế-hoạch của Thiên-Chúa, một người phải chết thế cho toàn-dân thiên hạ.

Sau khi Chúa Giê-Su chịu chết, sự tiến-triển lại theo một hướng phản ngược lại. Một người đã lập được ơn cứu-rỗi, thì ơn cứu-rỗi của người ấy có thể thông cho tất cả mọi người, nghĩa là có thể phân-phát sinh-mệnh của người ấy cho hết mọi người. Công cuộc thông sinh-mệnh ấy là công cuộc của Giáo-Hội, — Giáo-Hội thật ra chỉ có một công việc mà thôi, — bắt đầu từ ngày Đức Chúa Thánh Thần hiện xuống, ngày Giáo-Hội sinh ra, ngày Giáo-Hội được sai đi khắp thế-gian và ngày Giáo-Hội nhận lãnh cái trách-nhiệm cao trọng đem lại cho thế-gian Thần của Thiên-Chúa, Thần của vị Á-Dong thứ hai.

Chính Thánh Luca đã theo cái đồ-hình phác-hoạ hai hướng tiến-triển tập-trung và bành-trướng trong công-cuộc chúng tôi vừa nói trên, mà soạn hai tác-phẩm của người là hai quyển « Phúc-Âm » và « Sứ-đồ hành-động lục ». Trong Phúc-Âm của người, Thánh Luca kể lại cho ta biết Chúa Giê-Su ra giảng đạo ở Galilêa, rồi đến Giudêa, sau lên Giê-ru-sa-lem và chết ở đó. Chính từ Giê-ru-sa-lem là nơi nhờ linh khí của Đức Chúa Thánh-Thần, mà hạt giống gieo xuống đất, chết đi, đoạn sinh ra nhiều hoa trái, còn Sứ-đồ hành-động lục, chỉ cho ta thấy rõ sự thực-hiện giới răn chúa, giới răn ấy vừa là một lời tiên-tri vừa là một lời ước-hẹn :

« Khi Đức Chúa Thánh Thần ngự xuống trên chúng con, chúng con sẽ được sức mạnh và làm chứng về ta ở Giê-ru-sa-lem, trong tất cả xứ Giudêa, xứ Samaria cho tới tận cùng trái đất ».

Công cuộc truyền-giáo của Giáo-Hội từ khi ấy luôn luôn vận hành để tiến-triển theo một hướng ly-tâm, nghĩa là có thể muốn lia xa trung-tâm điểm : trước hết phong-trào ấy khởi mọc từ Giê-su-ra-lem, ở Giudêa, lan tới Samaria, rồi tràn qua khắp thế-giới, bắt đầu từ thế-giới La-mã hay Địa-trung-hải.

Giáo-Hội từ đó cứ tiến-phát hoài và hiện nay chúng ta đang ở một giai-đoạn khuếch-trương theo hướng phản-lân rõ rệt.

Về một vài phương-diện, cuộc tiến-triển của Giáo-Hội đã theo một đà với tiến-bộ của thế-giới. Ai cũng nhận thấy từ vài ba mươi năm

trở lại đây, trung-tâm hoạt-động của trường sở kinh-tế, cũng như văn-hóa, đã chuyển-dịch, hay ít ra những sáng-kiến trong cuộc sinh-hoạt kinh-tế và văn-hóa không còn phải là món độc-quyền của Âu-Châu cũ-kỹ kia nữa. Cái mối liên-lạc của kẻ xuất-cảng với kẻ nhập-cảng, của chủ hiệu với khách hàng, ở thế-kỷ XX này, đã không còn giữ nguyên cái trạng-thái cũ nữa. Các nước mới hay hậu-tiến đã biết lợi-dụng những bài học và khí-cụ được người ta đem vào nước mình, và khi đã chuẩn-bị đầy đủ những dụng-cụ được người ta cung-cấp cho, cũng biết trở nên những nước sản-xuất và nhiều khi những nước xuất-cảng quan-trọng nữa. Sức sản-xuất kỹ-nghệ đã theo cái hướng phân-tán, và phổ-cập khắp nơi. Sức sản-xuất có thể ở Mỹ, ở Úc, cũng như có thể ở Nhật-Bản, ở Trung-Hoa.

Cái thời-đại mà Địa-trung-Hải là lưu-vực tập trung văn-hóa và hối-đoái thương-mại đã qua rồi. Cái vai trò Địa-trung-hải đóng ngày xưa đã bị Đại-tây-dương cướp mất và cuộc vận-chuyển còn tiếp-tục mãi-mãi. Hiện giờ, người ta đã thấy Thái-bình-dương bắt đầu tham-dự vào cái chức-vụ lịch-sử mà mới đây chỉ dành riêng cho thế-giới La-Hy. Hấp-lực, vai trò của Thái-bình-dương, cũng như hiện-thực địa-lý, chính-trị của Viễn-Đông đã trở nên quan-trọng quyết-liệt cho đến nỗi cường-quốc nào vắng mặt ở Thái-Bình-Dương, và Viễn-Đông, là người ta có thể liệt ngay nó vào hạng cường-quốc thứ nhì, không đáng đếm xỉa tới nữa.

Nói thế có phải là bảo rằng, cứ theo viễn-ảnh trên, thì cái vai trò của những nước cũ và những Giáo-Hội cũ đã cáo-chung rồi chăng ? Không, không. Muốn hiểu biết vai trò quan-trọng của họ còn cần-thiết tới bậc nào, ta hãy đọc lời thiết-tha và sáng-suốt của Đức Giám-Mục Vu-Bán, kêu gọi những người Công-Giáo bên Tây Phương. Nhưng có điều cần là tưởng các người Công-Giáo nên hiểu biết cái phần trách-nhiệm của mình và thời-gian đã cấp-bách lắm. Người Công-Giáo lại cần phải nghe cho thấu cái tiếng Chúa kêu gọi mình ra phụng-sự cho Ngài mà nỗ-lực học hỏi, mở cái nhỡn-tuyến ra cho rộng-rãi hơn nữa và nhất là cởi bỏ cái óc « xó nhà » cố-cự của mình đi.

Đức Giáo-Hoàng Piô XII đã bày tỏ trạng-thái ấy khi Ngài nói tiếp-theo trong bản đã trích ở trên :

« Có nhiều nước, trong địa-lục khác, từ lâu đã vượt quá trình-độ truyền-giáo trong tổ-chức Giáo-Hội của họ ; họ được điều-khiển bởi hàng Giáo-phẩm của mình và họ đã đóng góp vào Giáo-Hội những tài-sản tinh-thần và vật-chất mà trước kia họ chỉ nhận của người khác đem tới cho họ mà thôi ».

Những nhận xét tương-tự đã được nêu rõ trong những buổi hội-nghị truyền-giáo, từ hội-nghị ở Giêrusalem năm 1928. Trong những buổi hội-nghị đó, sinh-lực, thỉnh-nguyện và phần góp của những Giáo-hội truyền-Giáo trẻ-trung ở Ấn-Độ và Trung-Hoa, đã được xác-nhận một cách nhiệt-liệt. Thực ra cái hiện-tượng ấy đã vượt quá khuôn-khổ của những xứ truyền-giáo, và cần phải được coi là những nỗ-lực trong sự tiến-triển phân-tán của sức sáng tạo và óc sáng-kiến. Trong thế-giới, những nước từ trước kia vốn chỉ có thừa-hưởng của người, đến nay đã có thể trở nên những nước sản-xuất và xuất-cảng.

Trong Hội-thánh, những Giáo-hội trước kia vẫn chỉ đóng vai thụ-động nay đã trở nên hoạt-động, tích-cực ít ra là cho mình và có những triệu-chứng tỏ họ có thể trong một ngày gần đây, sẽ trở nên tích-cực cho kẻ khác ; có thể can-thiệp vào trong tư-tưởng của Hội-thánh và hướng-dẫn chỉ-đạo cho Giáo-Hội toàn-thể ; có thể giáo-hóa cho những Giáo-Hội cũ ở Âu-Châu từ trước đã giáo-hóa cho họ và đem giáo-ly đến cho họ.

Rõ-ràng là cái hướng tiến-triển theo thể ly tâm của Hội-Thánh đang theo đà tiến-triển của thế-giới phát-huy mãnh-liệt.

Mỗi phần-tử trong mỗi Giáo-Hội nằm trong trào-lưu trên đều có một vai trò riêng, một phần đóng góp riêng và bởi đây, một phần trách nhiệm riêng nữa.

HOÀNG-MINH-TUYNH

■ Nói nhiều, làm ít.

Lưu-Bị triệu Không-Minh đề hỏi sau này sẽ dùng ai kế-vị đề điều-binh khiên-tướng. Không-Minh đáp sẽ cử Mã-Tắc lên thay, vì người đó có đủ các đức tính : ôn, nhu, trí, dũng, lược, lại bác-lâm quần-thor, quán-thông kim cò, điều nào hỏi cũng biết, sách nào hỏi cũng nhớ. Lưu-Bị lắc đầu nói : " Người ấy nói nhiều hơn làm, chẳng thể dùng trong việc lớn được " (ngôn quá kỳ hành, bất khả trọng-dụng).

Biết người thực không ai bằng Lưu-Bị, vì sau này, khi Bị qua đời, một lần Không-Minh giao cho Mã-Tắc trấn-thủ Nhan-đình, quả nhiên Mã-Tắc đã làm được mà đề mất thành.

TẾT NỘI-HÓA, TẾT ĐỘC-LẬP

XUÂN về năm nay, giữa nhiều nỗi khó-khăn. Nông-dân bán lúa không được theo ý muốn. Quanh năm khổ-cực với thửa ruộng : hết phát cỏ đến gieo mạ, hết đắp bờ đến tát nước, hết trông mưa đến trông nắng, hết đuổi chim đến gặt lúa. Nay lúa đã đầy bờ thì lại thiếu người mua.

Nông-dân là số đông trong nhân-dân nước Việt. Nông-dân còn bán-khoản thì dân Việt không thể nào tươi-cười.

Nông-dân không mua vải thì ngành dệt và hàng vải không thể lời. Nông-dân không mua bánh và kẹo thì tiệm bánh và lò đường sẽ bán ế.

Đó là sự thật. Ta không ngần-ngại gì mà giấu nó. Trái lại, cần hiểu biết sự thật, tìm trong sự thật nguồn-gốc và nguyên-nhân để ngày mai xây-dựng một sự thật khác tốt-đẹp hơn, vui tươi hơn. Đó là thái-độ mọi người Việt-Nam tha-thiết với Nước Nhà và tin-tưởng ở Dân-Tộc.



Xuân về năm nay trong khó-khăn dạy ta một bài học. Muốn giành lại nước Việt-Nam từ tay ngoại-quốc, phải đổ máu và khổ-cực; muốn kiến-thiết nước Việt-Nam độc-lập phải chịu đựng và làm việc.

Một người, một nhóm người, dù tài ba đến đâu đi nữa cũng chẳng khi nào cứu được một xứ-sở khỏi ách nô-lệ. Muốn kiến-thiết một nền kinh-tế độc-lập cho nước Việt-Nam, một nhóm công-kỹ-nghệ-gia biệt-lập chẳng làm được gì nên.

Xây-dựng được công-kỹ-nghệ nước Việt-Nam là nhờ anh, nhờ chị, nhờ tôi, nhờ bà con lối xóm, nhờ kẻ giàu và người nghèo, nhờ thương-dân và công-chức các cấp từ trên đến dưới.

Sản-xuất và tiêu-thụ hàng nội-hóa phải nhìn xa hơn những quyền-lợi ích-kỷ của cá-nhân : ăn đường mỡ gà Việt-Nam phải thưởng-thức trong màu vàng và vị chua của nó, niềm sung-sướng giúp nuôi sống biết bao gia-đình người dân Việt ; sản-xuất đường Việt-Nam có khi khổ-cực và không lời bằng nhập-cảng hàng ngoại-quốc, nhưng cần thấu-triệt vinh-dự góp sức xây-dựng nền-tảng của kỹ-nghệ Việt-Nam ngày mai.



Xuân cách đây non một ngàn năm đã thấy vị anh-hùng đất Hoa-Lư vượt biết bao khó-khăn để xây-dựng một nước Độc-Lập.

Xuân năm nay sẽ thấy dân Việt-Nam kiện-toàn nền độc-lập mới thu-hồi và sẽ ghi một bước tiến của nước Việt trong khó-khăn và vinh-dự.

Có Xuân cực-khò thì sẽ có Xuân tung-bùng. Màng gì những Xuân ăn chịu, ăn xin. Thà Xuân thiếu-thốn để xây-dựng những Xuân độc-lập cho xứ sở ngày mai.

PHẠM-NGỌC-THẢO

DÁNH GIÁC MÀ KHÔNG GIẾT NGƯỜI

PHẠM-NGỌC-THẢO

Người ta thường nghĩ đến đức « Dũng » của người chiến-binh. Nhưng phải xây-dựng sự dũng-cảm trên nền-tảng gì ?

Đạo binh Lê-Dương có tiếng là một đạo binh đánh giặc gan dạ. Nhưng đứng trên quan-điểm con Người, có nên xây-dựng một chiến-binh theo hình-ảnh một linh Lê-Dương không ?

Đánh giặc, giết người để làm gì ? Có phải chỉ vì lẽ mình là người lính, có súng trong tay, có tài bắn giết, có lệnh cấp trên hay không ?

GẦN đây, ở Đông-phương cũng như ở Tây-phương, hình như người ta hãnh-diện mà khoe-khoang rằng mình cầm trong tay thứ vũ-khí nguy-hại nhất. Nào bom nguyên-tử, nào bom khinh-khí, nào pháo-tuyền UXY hay pháo-tuyền Baby Doll... Người ta lại còn có thêm sáng-kiến trình-bày các chi-tiết phá-hoại cho ghê-tởm, rùng-rợn vì có lẽ lầm tưởng rằng như vậy, các dân-tộc yếu hơn, sẽ cho họ là văn-minh, là tiên-tiến, là xứng đáng làm đầu-đẳng để hướng-dẫn đàn em út.

Cũng đồng thời, nhân dịp ngày Chúa

giáng-sinh, từ một nơi mà không một đạo binh nào, dù trang-bị đến mức cực-kỳ tối-tân, cũng không dám đột-nhập, ta được nghe những lời khuyên nhân-loại hãy chiêm-tĩnh, đắn đo và suy-nghĩ đến tất cả kết-quả của hành-động mình.

Lời khuyên-nhủ đáng kính mến ấy cũng phải làm cho người chiến-binh, người có trách-nhiệm cầm súng ra chiến-trường để bảo-vệ sự Sống mà cũng đồng-thời gieo sự Chết, phải định-tâm lại, xét mục-dích và lợi-hại của hành-động mình.



Tôi nhớ lại có một lần được nghe một quân-nhân Việt-Nam bàn cãi sôi-nổi với một quân-nhân Nhật-Bản về một trận đánh đồn. Người Nhật, một sĩ-quan cao-cấp đã từng nổi tiếng ở nhiều mặt trận tại Đông-Nam-Á, chủ-trương ném lựu-đạn ở cự-ly 30 thước cách tường đồn, đồng-thời nổ súng thật đông-đặc và thúc lệnh xung-phong. Anh quân-nhân Việt-Nam, một sinh-viên mà thời-thể biến thành người cầm quân, ngược lại quả-quyết cho tiến vào đến mười thước, rồi thay vì lựu-đạn, cho ném một thứ pháo có tiếng nổ rất to, có hơi ép có thể vật người xuống đất, nhưng không phóng miểng, cho bắn một loạt súng thật đông-đặc, thật ngắn vào các lỗ châu mai từng trên, rồi cho xung-phong ngay.

Muốn thực-hiện kế-hoạch của anh chỉ-huy quân-sự Việt-Nam, quân-đội lại phải một nhọc tập-luyện thêm mười đêm, chế-tạo một loại pháo đặc-biệt; nhưng lúc ra trận, lấy được đồn mà chỉ làm chết có ba người của đối-phương, và bảo-vệ toàn-vẹn quân lính mình.

Người Việt-Nam sau khi thắng trận giải-thích với người Nhật: « Tôi đi đánh giặc để giải-phóng cho nước tôi, chứ không phải để giết người. Địch có chết ít thì càng hay, miễn là tôi trừ được họ. Mục-dích tôi không phải muốn giết họ, nhưng chỉ muốn làm những phương-tiện của kẻ có ác-tâm xâm-chiếm nước tôi trở nên vô-hiệu ».

Đi đánh giặc mà không thù người lính địch, không muốn giết họ, vì họ cũng là người như mình, nhưng vì tình thương đồng-bào, vì ý phục-vụ một lẽ phải, nên cố tìm mọi giải-pháp để trừ họ, rồi lôi kéo họ về theo lẽ phải, bắt đắc dĩ mới phải tiêu-diệt họ, đó là ý nghĩ của anh quân-nhân Việt-Nam nói trên.

Ném quả lựu-đạn để tự-vệ, tạo điều-kiệm thuận-tiện để trừ đối-phương, cố gắng thu xếp sao cho ít xảy ra chết-chóc cho ta cũng như cho địch, có lẽ đó là tư-tưởng của nhiều chiến-binh đã ném lựu-đạn nguy-hiêm, đã khổ tâm nhìn thấy những thân của bạn đồng đội mình ngã gục ngoài chiến-trường, đã đau đớn phải đắm lên những xác chết của kẻ địch là con người cũng như mình.

Có khi vì một xác chết của quân địch cản trở một nước bước, một vòng lẩn, anh chiến-binh phải lấy tay hoặc chân, hay bá súng gạt ra. Nhưng lúc xô đẩy thân của kẻ địch đã dền xong phận làm người, có khi anh lại sực hỏi: « anh lính năm kia đã làm gì mà chết như vậy? anh ấy muốn gì? anh ấy có thương đời không? anh ấy có vợ con, mẹ già không? anh ấy có yêu ai không? có ai sẽ khóc anh không? ».

Anh chiến-binh đã tới lui trong cảnh chết-chóc hàng trăm hàng ngàn lần, không thể có vui thú giết người. Trong tư-tưởng anh, anh chỉ muốn đánh cho giặc tan mà không giết người. Vì dù có mang sao vàng nền đỏ hay sao trắng nền xanh, người lính vẫn là người có tim, có mắt, có chân tay, biết yêu người, biết rõ đầu những trẻ nít xinh xinh, biết nhìn trời xanh nước biếc. Trong lòng người chiến-binh chỉ có một ước-nguyện « đánh giặc mà không giết người ».

Nhưng làm thế nào có thể đánh giặc mà không giết người?



Khi tổ-chức một trận tác-chiến, kinh-nghiệm cho thấy những tướng tá, chưa từng đích-thân ra mặt trận, chưa từng để lại xương máu của mình trên bùn lầy và gai góc ở chiến-trường, thường nghĩ trong kế-hoạch cách bắn phá cho đến mức mà

kẻ địch có thể bị tiêu-diệt gần như hoàn-toàn, rồi mới cho quân lính mình tấn-công với nhiệm-vụ hầu như là thu-dọn chiến-trường. Ý nghĩ đó có thể áp-dụng được, nếu không còn có cách nào khác. Nhưng sự thật, chính vì ngay trong tư-tưởng, các tướng tá đó không nhận thấy là họ có trước mắt một quân-đội địch cũng gồm những người như họ vậy, nên họ không màng nghĩ đến việc tiết-kiệm tánh-mạng con người : họ

việc khó hơn nữa, và mới thật đáng khen. Loại kế-hoạch thứ nhì đòi hỏi ở người chỉ-huy nhiều sáng-kiến, nhiều tìm tòi, nhiều mệt nhọc, và như là một lòng thương người, quý trọng con người đến mức-độ cao, một ý-thức mà hiện nay nhiều người hay dùng mà không thấu-triệt ý-nghĩa : ý-thức nhân-vị.

Tôi có biết một người bạn hiền là anh, nhưng lúc biến-cổ xếp bút nghiên, trở



Một bức tranh của PIEM trong báo Témoignage Chrétien

chưa từng được đau-khổ trước sự chết-chóc, nhìn tận mắt, sờ tận tay tại trận-địa, và chính họ cũng chẳng khi nào nếm sự nguy-hiêm của kế-hoạch họ vạch ra, nên họ đánh giặc mà coi thường việc giết người.

Xây-dựng một kế-hoạch tác-chiến cho thắng-lợi là một việc khó, nhưng, nếu xây-dựng một kế-hoạch tác-chiến cho thắng-lợi và đồng-thời hạn-chế đến tối-đa sự tiêu-hao về mạng người của ta lẫn của địch, là một

thành một chiến-binh. Anh ấy, trước khi đánh một trận, chịu khó đi nghiên-cứu chiến-trường rất kỹ-lưỡng. Có những đêm vào dịp Tết, nước dưới ruộng lạnh như cắt, thêm vào đó nào đĩa, nào vát, nào nĩa, nào gốc sậy bén, nào rân độc xung-quanh, nhưng anh ở trần nằm trằn dưới nước gần suốt đêm, cắn khúc cây đề răng khỏi đánh bò-cạp, tay tự bóp thân mình cho đỡ lạnh, dờ nhìn chi-tiết của các

phòng-tuyển của từng lỗ châu mai, nhìn từng hành-dộng của những lính gác, nghe từng tiếng thở của người đang ngủ trong đồn. Thình-thoảng, đèn pha của đồn chiếu sáng lên, một con cá nháy, viên lính gác la hoảng và hăm bắn. Có lúc lạnh quá sức muốn té ho, anh lại phải cắn đại một tép cỏ, nhai lấy nước đắng rồi nuốt cho tắt ho. Đứng dưới chân đồn, không một vũ-khí, không một đường thoát, nếu bị khám phá, chết không thể lấy xác, nhưng anh ấy vẫn chịu đựng.

Anh chịu đựng không phải chỉ vì muốn thắng đồn đó. Nhưng chính vì lúc anh quan-sát, anh nghe tiếng khóc của trẻ nít trong đồn ; tiếng trẻ nít giống như tiếng con của anh. Anh nhìn thấy khuôn mặt người lính gác, có nét tương-tự như bạn anh mới chết trong trận vừa qua và để lại một mối tình đầy hứa hẹn. Anh nghĩ đến lời của đảng thiêng-liêng nhắc rằng anh với người lính địch đang cầm súng cũng là anh em, cùng một giòng máu, cùng một thề-xác.

Có nghĩ đến bao nhiêu sự đau-dớn, anh mới cố-gắng chịu đựng, dù chân tay anh có tê, dù gan phồi anh có tím. Chịu đựng để tìm cho ra một đường xung-phong cho nhanh chóng, một vị-trí bắn có thể hủy-diệt ồ súng máy địch trước khi họ dùng được, mỗi chỗ ném lựu-dạn cho thuận lợi để cướp tinh-thần địch và thu ngắn cuộc chiến đấu đến cực-độ, hầu giảm đến tối-thiểu sự tiêu-hao của đôi bên. Chịu đựng để có thể xây-dựng một kế-hoạch tác-chiến ít giết chết người.



Nếu có kẻ dám chủ-trương « chiến-tranh hoàn toàn » (guerre totale) nghĩa là chiến-tranh thì làm sao cũng được cả, bất-

chấp đến luật-lệ chung, đến luân-lý, đến nhân-đạo, kẻ đó đã tự hạ tâm-lý mình xuống tâm-lý loài thú hay thấp hơn nữa.

Dù trong trường-hợp nào con người cũng phải nắm cương-vị của con người. Đó có lẽ là một đòi hỏi tuyệt-đối.

Cũng lại có người cho rằng nếu không cầm-thù giặc và lo-ngại giết người thì làm sao đánh giặc ? Kinh-nghiệm từ xưa đến nay cho biết không phải bằng cách giết thật nhiều người mà thắng được giặc, và nếu có thắng tạm đi nữa, thì ngày mai phải sẵn-sàng giết nữa vì kẻ bại đâu có quên được những sự giết chóc trong trận vừa qua.

Hơn nữa chỉ khi nào mình có thành-thật tin mình bênh-vực một lẽ phải, mà quả thật một lẽ phải theo ý thành-thật của mình, thì mình mới có thể sung-sướng cầm súng đi đánh giặc. Nhưng nếu vậy thì tại sao lại không tin rằng những người mà hôm nay tạm-thời là thù của mình, ngày mai sẽ là bạn mình, nếu lẽ phải của mình soi sáng được trí-óc họ ?

Tin như vậy có thể đi đánh giặc mà không thù con người trong kẻ địch, có thể đánh giặc và thờ-phụng đạo-đức và nhân-đạo, có thể làm người lính mà không hóa ra người chuyên-môn giết người. Có tin như vậy thì lời kêu gọi của mình mới có giá-trị đối với đối-phương, và mới có thể thu nhiều hưởng-ứng.

Có tin như vậy mình sẽ thấy mục-đích của đánh giặc không phải là giết người, mà ngược hẳn lại, là để bảo-vệ người. Người quân-nhân trong mọi hành-dộng cần giữ đúng cương-vị con người : không tàn-nhẫn, không oán thù, mù quáng, không đánh giặc cốt để giết người ; trái lại làm sao thắng giặc mà tránh sự giết người, đó mới là người quân-nhân đáng được dân kính, dân mến.

Nếu đức « Nhân » chỉ phối lòng quân-nhân, và do đức « Nhân » xây-dựng đức « Dũng », ta tin chắc người đó chẳng những sẽ thắng giặc, hăng hái chiến-đấu, mà còn sẽ được lòng nhân-dân, là một yếu-tố rất quan-trọng cho giá-trị của một quân-đội.

PHẠM-NGỌC-THẢO

■ Mạng người và cái yếm.

Làng Phù-Đồng, tỉnh Bắc-Ninh, có một người tên là Đặng-Chất rất chăm học. Sáng nào ông cũng dậy sớm để đọc sách. Một hôm, có người đàn bà láng giềng giặt hai cái yếm mới đem phơi ở trước sân. Một người đàn bà khác ở chung nhà, thấy đôi yếm đẹp, thừa lúc người phơi yếm đi chợ vắng, bèn lấy trộm rồi giấu đi. Tối về, hai người đàn bà cãi nhau dữ dội và sau vì không bên nào chịu thua, nên kéo nhau ra làm lễ và thề ở đền Đức-Phù-Đồng Thiên-Vương.

Đặng-Chất được quan-sát tất cả mọi việc xảy ra, bèn lấy bút biên ngày tháng việc đó để xem sự thề-nguyền linh ứng ra sao. Nhưng mấy tháng trôi qua, thấy người đàn bà ăn trộm yếm vẫn không thấy việc gì, ông mới cười mỉa mỉa rằng: « Quỷ-hồn thật là linh-ứng thay! »

Ngay tối hôm đó, ông nằm mơ thấy thần đến gõ cửa bảo rằng: « Ông Trạng! Ông Trạng! sau này về làm quan phân-sử các việc trong Triều, liệu ông có thể lấy một mạng người đền hai cái yếm được chăng? »

Đặng-Chất giật mình tỉnh dậy, biết rằng mình phê-phán sai lầm, nên tạ lỗi với thần. Từ đó về sau, mặc dầu đỗ Trạng và làm quan, ông cũng không hề bỏn cợt với thần thánh nữa và cũng không bao giờ ông quên bài học giá-trị của mạng người.

Quyền sở-hữu là quyền tự-nhiên. Đúng lắm. Mọi người đều có quyền đó nhưng rất nhiều người không sử-dụng được quyền đó.

Tại sao?

Tại cái khuôn vàng thước ngọc: « một vừa hai phải » không ai chịu đem ra thực-hành cả.

Làm sao thực-hiện được câu trong Kinh-Thánh:

« Kẻ thu-lượm được nhiều thì san sẻ bớt đi để không có gì thừa-thãi, mà kẻ thu-lượm ít thì chẳng còn thiếu-thốn nữa ». (Ex. XVI, 18).

Hồng-Y SALIÈGE

KHÔNG YÊU NHAU MỚI LOẠN

Thánh-nhân trị thiên-hạ tất phải biết loạn từ đâu mà ra thì trị thiên-hạ mới được, không biết loạn từ đâu ra, thì không trị nổi được thiên-hạ. Ví như thầy thuốc chữa bệnh cho người ta, tất phải biết thì bệnh căn từ đâu khởi ra mới chữa được, chớ không biết thì không chữa nổi được bệnh. Trị người loạn có khác gì thế ?

Loạn từ đâu mà sinh ra ? Sinh ra bởi không yêu nhau.

— Con không *hiếu* với cha, tôi không *trung* với vua, thế là loạn đấy. Con chỉ yêu thân con, không yêu đến cha, cho nên làm thiệt cha để lợi mình ; em chỉ yêu thân em, không yêu đến anh, cho nên làm thiệt anh để lợi mình ; bây tôi chỉ biết yêu thân mình mà không biết yêu vua cho nên làm thiệt vua để lợi mình. Thế là loạn đấy.

Tuy đến cả cha mà cũng không thương con, anh mà cũng không thương em, vua mà cũng không thương bầy-tôi thế cũng là loạn. Cha chỉ yêu thân cha, không yêu đến con, cho nên làm thiệt con, để làm lợi mình, anh chỉ yêu thân anh không yêu đến em, cho nên làm thiệt em để mình được lợi, vua chỉ yêu thân vua, không yêu bầy tôi, cho nên làm thiệt bầy tôi để mình được lợi.

Tại sao mà sanh ra những điều ấy ? Có phải chỉ tại không yêu nhau cả thôi không ? Đến cả quân trộm quân giặc cũng vậy. Thằng trộm chỉ biết yêu nhà mình không biết yêu nhà người khác, cho nên ăn trộm nhà khác để lợi nhà mình ; thằng giặc chỉ biết thân mình chẳng yêu người khác, cho nên sát hại thân người khác để lợi thân mình. Tại sao mà sanh ra như thế ? Có phải chỉ tại không yêu nhau cả mà thôi không ?

Cho đến cả các quan *khuyh-loát* nhau, các nước chư hầu đánh lẫn nhau, cũng chỉ tại các quan chỉ biết yêu nhà mình, không yêu nhà khác nên hại nhà khác để lợi cho nhà mình, các nước chỉ biết yêu nước mình không yêu nước khác cho nên đánh với nước khác để lợi cho nước mình.

Ấy thiên-hạ sinh ra loạn là bởi như thế cả.

Nếu biết yêu nhau, thì còn ai nở hại ai, mà thiên-hạ làm gì chẳng bình-trị,

MAC-TU

(CỔ-HỌC TINH-HOA của Ôn-như Nguyễn-văn-Ngọc và Từ-An Trần-Lê-Nhân, quyển II)

DƯƠNG-QUỲNH-HOA và NGUYỄN-THỊ-LỢI

VỀ VẤN-ĐỀ « ĐỂ KHÔNG ĐAU »

HAI nữ bác-sĩ ân-cần tiếp chúng tôi trong một căn-phòng nhỏ đơn-sơ, đầy vẻ ấm-cúng, dưới ánh đèn êm-dịu. Sau khi trình-bày mục-dịch của cuộc gặp-gỡ, ông bạn đồng-nghiệp tôi hỏi :

— « Xin bác-sĩ cho biết nguyên-do khiến bác-sĩ nghiên-cứu vấn-đề « Để không đau ».

Bác-sĩ Lợi vui-vẻ trả lời : « Tôi nghiên-cứu vấn-đề này vì nó là một vấn-đề y-học hoàn-toàn chuyên-môn. Trước kia tôi có dịp đảm-nhận công việc tại nhà thương Từ-Dũ. Hằng ngày tôi đã mệt nhọc vì đỡ đẻ, hơn nữa tôi đã khổ-sở vì phải nghe những tiếng kêu-la đau-đớn của biết bao sản-phụ khi sanh, thế nên lúc qua học tại Pháp, nghe nói đến việc « để không đau » là tôi chú-ý ngay, mong một ngày kia đem những cái hay, cái đẹp xư người

về giúp đỡ cho Phụ-nữ Việt-Nam bớt phần đau-đớn ».

Chúng tôi yêu-cầu hai bác-sĩ cho biết ở Pháp, việc thực-hiện vấn-đề này như thế nào ?

Bác-sĩ Quỳnh-Hoa vẫn nhường lời cho bác-sĩ Lợi. Bác-sĩ Lợi suy-nghĩ chốc lát rồi tiếp : « Ở Pháp, người đầu tiên đứng ra thực-hiện phương-pháp này là bác-sĩ Lamaze. Song vào buổi ban-sơ, chính ngay trong giới bác-sĩ cũng nhiều người chưa tin được. Nhưng ông không ngã lòng và cương-quyết phổ-biến việc làm đẹp-đẽ kia trong xư-sở thân yêu. Hiềm một điều là cá-nhân khó lòng lắm nổi. Ông bèn mượn bệnh-viện của xí-nghiệp anh em thợ sắt (Syndicat des Métallurgistes) để làm căn-cứ học hỏi.

Sau mấy năm nghiên-cứu, ông thu-thập được nhiều kết-quả mỹ-

mãn. Bấy giờ ông Lamaze và các bạn, vừa bác-sĩ vừa nữ hộ-sinh mới mở từng khóa dạy cho những ai muốn học và dạy các bà có thai cho mọi người thấy.

Mỗi đêm, cho hai bác-sĩ vô coi đẻ, miễn người xem phải giữ sạch sẽ và yên-lặng.

Tôi đây hai mắt sáng lên, vẻ sung-sướng hiện rõ trên gương mặt, bác-sĩ như đang sống lại trong một khung-cảnh mà tôi đoán đây về thần-tiên. Bác-sĩ nói tiếp :

— « Tôi đã vô coi và không khỏi ngạc-nhiên, về bầu không-khí nhẹ-nhàng khoẻ-khoắn. Chị thử tưởng-

tò-mò muốn biết xem đã có bao nhiêu phụ-nữ Pháp được may-mắn đẻ không đau. Bác-sĩ Dương-quỳnh-Hoa trả lời : Chúng tôi chưa rõ con số năm nay, nhưng chúng tôi có thể cho biết kết-quả theo thống-kê-biểu vào năm 1954. Trong 1.863 trường-hợp có :

— Hoàn-hảo (Excellent)... 567 (30,4%)

— Khá lắm (très bien)... 346 (18,6%)

— Khá (bien) ... 403 (21,6%)

— Hơi khá (assez bien)... 292 (15,7%)

— Kém (médiocre) ... 174 (9,4%)

— Thất bại (échec) ... 81 (4,3%)

Như thế, chỉ có 81 trường-hợp sanh đau giống như thường-lệ.

— « Các bạn nên nhớ rằng đẻ một người đàn bà cô-đơn khi sanh đẻ là một trọng tội không thể tha thứ được. »

— « Xét đến cùng, trình-độ hoàn-hảo về hộ-sinh quyết-định mọi tiến-bộ về phương-diện vật-chất cũng như tinh-thần. »

(Lời của Dr. Read, một bác-sĩ người Anh chủ-trương phương-pháp « đẻ không sợ » « Childbirth without fear »).

tượng trong một căn phòng, ánh sáng êm-dịu, yên-tĩnh tràn-lan trên ba bốn chiếc giường các sản phụ nằm đan áo hay đọc sách, vẻ mặt vui tươi, tỉnh táo chờ đợi đưa con thần yêu ra đời. Khi thai gò hay khi cô mẹ cho hay tử-cung nở lớn bao nhiêu họ biết phải làm gì, và không cảm thấy đau-đớn gì cả. Mà thật vậy ! Thai gò từ sáu tháng nay không đau thì giờ cũng thế thôi !

Quang-cảnh thật khác xa những nhà sanh thường, trong đó ta đã mệt nhọc vì công việc lại khổ-sở vì tiếng rên-la. »

Tôi cảm thấy sung-sướng lây và

Nguyên-do của thất bại đó thuộc về hai loại : hoặc về thể-chất như sản-phụ đau tim, đau phổi, hoặc thuộc về thần-kinh như sản-phụ buồn-bực trong gia-đình.

Ta cũng cần chú-ý là trong trường-hợp được phê-phán là « hơi khá » (assez bien), theo bác-sĩ Vellay, sản-phụ không còn kêu rên gì cả. »

— « Bác-sĩ có thể cho biết hiện giờ ở Pháp vấn-đề này đã thực-hiện được trong phạm-vi nào ? », tôi hỏi — Hai bác-sĩ trao-đổi ý-kiến rồi bác-sĩ Quỳnh-Hoa vui vẻ tiếp :

« Hiện giờ, không hiểu công việc tiến-hành tới đâu, nhưng cách đây

hơn một năm, khi tôi còn ở Pháp ngoài nhà thương Lamaze, còn hai nhà thương công-cộng đã thực-hiện phương-pháp ấy là nhà thương St. Antoine và Lariboisiere. Còn vài ba nhà thương nữa nhưng tôi không chắc lắm vì hình như ở đấy người ta dễ theo phương-pháp Dr. Read là phương-pháp « Dễ không sợ ».

Bác-sĩ tươi cười nói tiếp : « dễ không sợ » đã là hay rồi nhưng « dễ không đau », còn trên « dễ không sợ » một bậc nữa ».

Nghe kể lại việc làm đẹp-dẽ xứ người, bất-giác tôi nghĩ đến số phận của Phụ-nữ Việt-Nam trong đó có tôi, nên tôi hỏi : « Theo bác-sĩ, phổ-biến việc dễ không đau và thực-hiện nguyên-tắc ấy ở xứ ta có gặp trở ngại gì không ? »

— « Chúng tôi chưa phổ-biến sâu rộng vấn-đề nên chưa biết hết được, bác-sĩ Lợi nói. Bấy lâu nay, chúng tôi chỉ thí-nghiệm trong phạm-vi nhỏ để rút kinh-nghiệm thôi. Những người tôi dạy với chúng tôi là những người đã nghe nói về vấn-đề ấy rồi và hoan-ngheh nên đến học hỏi. Nhưng chúng tôi tin rằng, một ngày kia, vấn-đề dễ không đau sẽ thực-hiện được sâu rộng ở xứ ta một cách không khó khăn vì, tôi xin nhấn mạnh, nó là một vấn-đề giản-dị, dễ hiểu, không đòi hỏi nhiều trong việc thực-hiện mà lại có lợi cho tất cả mọi người : lợi cho bản-thân người sản-phụ, lợi cho nhà chuyên-môn, lợi cho người giúp việc. Còn những người ngoài cuộc, có lẽ vì tánh hiếu-kỳ cũng muốn thực-hiện được xem sao.

Hơn nữa, tôi chắc không ai phản đối một việc làm hợp nhân-đạo, có thể áp-dụng cho bất kỳ phụ-nữ ở từng lớp nào trong xã-hội.

Chính đức Giáo-Hoàng đã nhìn nhận nguyên-tắc dễ không đau và cho phép các con chiên thực-hiện phương-pháp ấy. Còn lời nói nào hùng-bien hơn ! Còn hậu-thuần nào mạnh mẽ hơn ! ».



Nữ Bác-sĩ Nguyễn-thị Lợi

Tự-nhiên, tôi cảm thấy như muốn công việc tốt đẹp kia được xúc-tiến mau lẹ nên hỏi tới : « Việc áp-dụng phương-pháp này tại Việt-Nam có đòi hỏi nhiều về dụng-cụ chuyên-môn không ? »

Bác-sĩ Quỳnh-Hoa mau-mắn trả lời :

— « Theo chỗ chúng tôi biết, việc thực-hiện cũng không đòi hỏi gì nhiều : một phòng sáu thước bề dài, năm thước bề ngang đủ cho hai người sanh rồi. Điều cần-thiết là nhà sanh phải thật sạch sẽ, thật yên - tĩnh. Từ bác-sĩ cho đến người giúp việc, không ai được nói to làm động gì cả. Điều vô cùng

cần-thiết và khó-khăn là vấn-đề đào-tạo nhân-viên. Các nhân-viên phải là những người rất tận-tâm, đầy thiện-chí, chuộng kỹ-luật. Muốn thế, phải có một số người và một thời-gian đào-tạo ».

Đã có dịp dự một buổi luyện tập cho các sản-phụ do bác-sĩ Lợi điều-khiển, tôi muốn biết rõ xem chính người sản-phụ phải có tập luyện gì nhiều trước khi sanh không.

Bác-sĩ Lợi liền cho biết :

— « Chính họ phải chịu một sự giáo-dục về cử-động phản-xạ (éducation de réflexe), nhưng không khó-khăn, không đòi hỏi nhiều thì giờ. Từ tháng thứ ba trở đi, người sản-phụ phải học mỗi tuần nửa giờ, cả lý-thuyết lẫn thực-hành về cử-động phản-xạ theo điều-kiện với các nhà chuyên-môn, bác-sĩ hay nữ hộ-sinh. Bất kỳ người đàn bà nào, sau khi học hỏi cũng có thể đẻ không đau được vì rất dễ. Tôi lấy một thí-dụ. Lúc gần sanh người sản-phụ phải rặn. Nếu biều rặn thì họ phải *thở vô*, *nín thở* rồi rặn. Biết ba điều ấy rồi thì tới lúc sanh, khi nghe tiếng rặn, tất-nhiên người sản-phụ *thở vô*, *nín thở* rồi rặn. Ba động-tác kia, ban đầu là một hành-vi cố-ý (acte volontaire) lần lần nhờ sự huấn-luyện, biến-thành một cử-động phản-xạ theo điều - kiện (réflexe conditionné). Người đàn bà sanh không còn phải suy nghĩ xem phải làm gì, mà bấy giờ khi nghe tiếng rặn, tự-nhiên họ biết làm các động tác trên, cứ nghe là làm, nghe là làm giống như muỗi cắn biết giạt chân vậy.

Học cử-động phản-xạ này xong thì

đến cử-động khác, tất cả chín bài ».

Bạn đồng-nghiệp tôi nghe nói đến việc phải dự tới chín bài huấn-luyện, băn-khoăn cho số phận chị em lao-động, nên hỏi : « Ở Việt-Nam, đời sống phụ-nữ trong hàng dân giả rất khó-khăn nên chị em không thể rảnh để đi học và trình-độ học vẫn còn thấp nhiều khi mù chữ, làm thế nào thực-hiện sâu rộng được ? ».

Bác-sĩ Lợi diềm-nhiên trả lời như không cho việc ấy là khó-khăn :

— « Được lắm, tuy mức sống chị em ở xứ mình còn phải nâng cao hơn, nhưng chẳng lẽ, trong một ngày không có nửa giờ rảnh. Khỏi tốn thuốc men gì cả, chỉ tốn chút ít thì giờ mà được đẻ không đau, chẳng lẽ chị em lại không chịu khó tổ-chức trong gia-đình cho có nửa tiếng đồng hồ rảnh rang. Tôi tin, với thiện-chí, chị em có thể làm được liền.

Còn như trình-độ học thức ít thì cũng hơi khó một chút, song có thể vượt qua được. Thiệt ra, phụ-nữ Pháp đều đến trình-độ sơ-học, nên họ hiểu dễ-dàng hơn. Ở Việt-Nam ta, nhiều chị em còn dốt, bởi thế nên chúng tôi đang thí-nghiệm trong phạm-vi nhỏ đề nghiên-cứu cách làm thế nào cho những tâm hồn chất-phác cũng hiểu được. Thường thường, chúng tôi dùng phương-pháp tương-tợ (méthode par analogie) thì họ hiểu, chớ cần nghĩa theo khoa-học, họ khó thấu tấp. Chúng tôi đang nghiên-cứu đề đem áp-dụng cho hợp với hoàn-cảnh xứ ta và trình-độ chị em nữa ». Nhưng

một lát, bác-sĩ tỏ vẻ ngợi khen : « Ở ngoại-quốc, có nhiều hình-thức giáo-dục sản-phụ mà tôi cho cũng hay.

Đối với chị em lao-động không đi học được, người ta giáo-dục bằng cách dán hình cùng các nẻo chợ. Người ta còn viết nhiều bài báo, dùng chiếu-bóng hay tổ-chức những đội tóa-loa, cổ-động sâu-rộng trong dân chúng ».

Bạn đồng-nghiệp tôi cười : « dán hình cùng như thế xúc-phạm tới phong-hóa, chị em mắc cỡ đâu dám đứng xem ». Bác-sĩ Lợi cười rồi vui vẻ đáp : « Vấn-đề thói quen thôi. Ban đầu chị em còn thẹn-thùng e-lệ không dám đứng lại xem kỹ thì hểc qua thôi. Sau nghe thiên-hạ đồn nhiều quá, cũng mạnh dạn đứng lại nhìn có sao đâu ! ».

Trước khi chấm dứt câu chuyện ông bạn đồng nghiệp tôi còn thêm một câu, tỏ cái phức-tạp trong lòng mình : « Một anh bạn tôi bảo rằng cần phải cho vợ anh đẻ đau như thương-lệ để thông-cảm nỗi đau khổ của các bà mẹ xưa, bác-sĩ nghĩ thế nào ? »

Bác-sĩ Lợi không nhin cười được : « Bảo đừng cho phụ-nữ đẻ không đau để thông-cảm nỗi đau-đớn của các bà mẹ xưa thì có khác gì bảo đừng trị bệnh thương-hàn, vì ông bà ta chết vì thương-hàn giờ ta phải chết vì thương-hàn để thông-cảm với ông bà những nỗi đau khổ do bệnh ấy gây nên không ? Thế thì làm sao ta tiến bộ được ? ». Tất cả đều cười xòa. Chúng tôi cảm ơn và từ giã hai bác-sĩ vì đêm đã khuya.

Trên đường về, tôi cảm thấy nhẹ-nhàng và lòng đầy hy-vọng. Đã bốn lần sanh, tôi đã nếm đầy đủ bao nỗi đau-đớn lúc sanh, nhất là đứa đầu đã phải sanh kèm. Nếu ai khó tánh hay còn luyến tiếc những gì của thời xưa — dù cái của thời xưa là nỗi đau-đớn — cho rằng cần phải thông-cảm thì tôi cũng đã thông-cảm lắm rồi. Giờ tôi chỉ còn mong, nếu phải sanh lần thứ năm nữa, làm sao tránh được đau-đớn thì sung-sướng biết là dường nào !

MINH - PHONG

Chúng ta vượt qua mọi trở-lực để tạo-dựng ra một nước Việt-Nam thống-nhất, tự-do và dân-chủ thực-sự, để mọi người có thể sống no ấm trong công-bằng, an-ninh và danh-dự.

Tổng-Thống NGÔ-ĐÌNH-DIỆM

Có học-vấn mà không có đạo-đức, thì là người ác ; có đạo-đức mà không có học-vấn, thì là người quê.

LA - TU - PHÚC

CUNG-CHÚC TÂN-NIÊN ĐÌNH-DẬU

TRƯỚC khi tôi chúc Tết, tôi xin thuật chuyện sau này :

Mười mấy năm về trước, tại một quận châu-thành. Lúc ấy, gần Tết phía trước đình ông chủ-quận đã có dán một đôi liễn, chữ vàng viết trên giấy đỏ :

Phước như Đông-Hải,

Thọ tĩ Nam San

Gần đình, có nhà giấy thép của quận. Bữa ấy, đã là hai mươi tám, mà cột, vách đều trần. Phía trong, luôn luôn nghe lác-các, lác-các...

Trước đình ông chủ-quận, đứng chật không biết bao nhiêu chánh, phó tổng, chủ-diễn và đại thương-gia, và bộ-hạ bưng mâm đầy rượu, trà, trái cây, vân vân... Lần lượt, chú Cai giữ cửa cho vào dâng lạy, tết Quan lớn...

Bữa hai mươi chín, sáng ra, trên hai cây cột cửa vô nhà giấy thép có dán đôi liễn, giấy đỏ chữ đen :

Năm ngoài tết, năm nay tết, tết tết mãi ;

Năm trước ăn, năm sau ăn, ăn ăn hoài.

Những người biết chữ, qua lại đều mỉm cười.

Không phải là ăn Tết, mà là tết ăn : kẻ tết, người ăn.

Đó là chuyện Cũ...

Nay tôi cung chúc cho nhị-thập ngũ-triệu đồng-bào :

Phước như Đông-Hải

Thọ tĩ Nam-San.

Cho các nhà chức-trách, tôi thêm : một là tránh lời biếm-nhẽ của thầy giấy thép :

Năm ngoài tết, năm nay tết, tết tết mãi,

Năm trước ăn, năm sau ăn, ăn ăn hoài,

hai là đừng trợn ba chữ :

THANH, THẬN, CẦN.

DƯƠNG-MINH-THỜI

TÍN-NGƯỠNG của ALBERT EINSTEIN

Giải thưởng NOBEL

Sau đây là lời tự-thuật của nhà Bác-học Albert Einstein tỏ bày rõ quan-niệm của ông về Đời Sống và Tôn-giáo, đã đăng trong cuốn THE FAITH OF SCIENTISTS.

Bản dịch này đã đăng trong báo Lãnh Mạnh xuất-bản tại Huế.

SỰ nghiên-cứu khoa-học có thể làm giảm các điều mê tín bằng cách khiến con người suy xét và khảo sát sự vật theo quan-niệm nhân quả. Các sự nghiên-cứu khoa-học cao-đẳng đều dựa trên lòng tin tưởng mạnh mẽ gần như một đức tin rằng vũ-trụ biến hóa một cách hợp lý và dễ hiểu.

Tôi thăm tin và cảm thấy một cách sâu xa rằng có một trí giác cao cả đã tự biểu lộ ra trong thế-giới thực nghiệm ; và đó chính là quan niệm của tôi về Thượng-đế.

Tìm hiểu ý nghĩa của sự sống nhân-loại, và đi rộng ra sự sống của thể chất hữu-cơ, đó một vấn-đề bao-hàm tôn-giáo. Đừng tưởng rằng đó là một vấn-đề vô nghĩa, vì kẻ nào khinh thường ý nghĩa đời sống của mình và của tạo vật chung quanh mình, không những là đáng thương hại mà còn không đáng sống nữa.

Vậy mà người ta ở đời, ai chẳng có một vài lý-tưởng làm định hướng cho hành-động và óc phán đoán của mình ? Theo nghĩa này tôi không cho rằng phong lưu và hạnh-phúc là mục-dịch cuối cùng và chỉ những kẻ có một căn-bản luân-lý thấp kém mới lấy những điều đó làm lý tưởng. Những lý-tưởng đã soi-sáng tôi trên đường đời và giúp tôi thêm can đảm để đương đầu với cuộc sống là : Chân, Thiện, Mỹ.

Nếu ta không cảm thấy mối tình thân-ái giữa những người cùng chí hướng, cùng đeo đuổi cái vô cùng tận trong nghệ-thuật cũng như trong khoa-học, đời sẽ đáng chán ngán biết bao ? Đáng khinh thay của cái, danh-vọng và phong-lưu là những mục-dịch của thường nhân !

Nói ra thì có vẻ mê muội, nhưng mặc

đều tôi ít giao-thiệp trực-tiếp với cá-nhân hay đoàn thể khác, tôi vẫn say-sưa với ý-niệm công-lý xã-hội và trách-nhiệm xã-hội. Nền dân-chủ là lý-tưởng chính-trị của tôi, theo đó cá-nhân là của mỗi người sẽ được tôn-trọng và không ai có thể tôn thờ như thần thánh... Vũ-lực bao giờ cũng hấp-dẫn những kẻ thiếu đạo đức và tôi tin rằng những kẻ hèn mạt bao giờ cũng nổi gót các nhà độc-tài sáng-suốt, vì vậy tôi hết sức phản đối những chế-độ như ta hiện thấy ở nước Nga ngày nay.

Theo ý tôi không phải cái quốc-gia chính-trị là thực-thể quý báu nhất trong đời sống hàng ngày của nhân-loại, mà chính là cá-nhân với óc sáng-tạo, với cảm-tình và nhân cách của nó, chỉ có cá-nhân mới có thể sáng-tạo cái cao-quý và cái tuyệt-tác mà thôi.

Cái điều đẹp đẻ nhất mà chúng ta có thể thường-thức được là sự huyền-bí; sự huyền-bí chính là cái cảm-giác căn bản nguyên khởi của chân khoa-học và chân mỹ-thuật; ai mà không có ý thức về sự huyền-bí và không thể cảm thấy sự linh-diệu nữa thì cũng như kẻ đã chết, như ngọn nến đã tắt đi.

Được ý-thức sự hiện-hữu của một thực thể mà chúng ta không thể nào hiểu biết thấu đáo, nhận biết được cái lý-trí sâu xa nhất, cái đẹp tráng-lệ nhất, mà hình như chúng ta chỉ có thể lĩnh-hội được một cách hết sức sơ-lược, đó chính là nền móng của một thái-độ tôn-giáo chân chính. Theo nghĩa ấy, và chỉ theo nghĩa ấy, tôi là một giáo-dồ thâm-tín. Tôi còn dám mong mỗi gì hơn là cảm thấy sự huyền-bí của tính-cách vĩnh-viễn của sự sống, biết một cách thô-thiền cách tò-chức tuyệt-diệu của thực-thể, và luôn ấp-ủ một lòng mong mỗi được hiểu một phần, dù hết

sức nhỏ mọn, cái Nguyên-lý mà tôi hằng thấy biểu lộ trong thiên-nhiên.

Trong thánh đường khoa-học có nhiều gian khác nhau và những kẻ ở trong ấy và mục-dịch của họ cũng khác nhau xa. Có kẻ đeo đuổi khoa-học vì lòng tự cao tự đại về óc thông-minh hơn người của mình, dùng khoa-học để thỏa-mãn lòng ham danh vọng của mình; có kẻ lại dâng sản-phẩm trí-tuệ của mình lên bàn thờ khoa-học cho những mục-dịch hoàn-toàn vụ lợi. Hai hạng này đông đến nỗi nếu một Thiên-Thần của Thượng-đế đuổi họ ra khỏi thánh-đường thì đền sẽ trở nên vắng-vẻ trông thấy. Tuy vậy ta cũng sẽ thấy lác-đắc năm bảy người thuộc cả quá khứ lẫn hiện tại còn lưu lại trong đền. Phần đông có đáng điệu kỳ-dị, ít giao-thiệp, sống lẻ loi, và mặc dù có những đặc-ún chung nói trên, vẫn ít giống nhau hơn những kẻ bị sa thải,

Mục-dịch của họ đến đây làm gì?

... Chính vì họ đã mong mỏi, tuy một cách âm-thầm, thoát-ly khỏi đời sống cá-nhân để đi vào thế-giới khách-quan của cảm-giác và tư-tưởng; lòng ham muốn này ví như lòng ham muốn của một kẻ ở chốn thành-thị khao-khát thoát-ly cảnh tượng ồn-ào đông-đảo quanh mình, để đi tìm những nơi non cao vắng-vẻ cho mắt mình có thể tự-do bao-quát cả không-gian êm-ả và tinh-túy hoặc tìm-tòi một cách triu-mẫn những hình-dáng dịu-dàng hình như đã được xây đắp để tồn-tại vĩnh-viễn vậy.

Ngoài mục-dịch tiêu-cực này, còn có mục-dịch cá-nhân nữa. Con người gắng tạo-tác một hình ảnh đơn-giản và dễ hiểu của vũ-trụ hợp với mình nhất, đoạn rồi thay thế một phần nào cái vũ-trụ quan của

mình cho thế-giới thực-nghiệm bên ngoài và gắng chế-nự thế-giới ấy.

Con người sẽ lấy cái vũ-trụ này và cách cấu tạo của nó làm nòng cốt của đời sống xúc cảm của mình để tìm sự thanh-bình và yên-tâm hoàn-toàn, những điều mà họ không thể tìm thấy trong đời sống cá-nhân chật-hẹp và điên-đảo.

Trọng trách tối cao của nhà vật-lý học là tìm ra những định-luật bao quát và đơn giản có thể làm khởi điếm cho một vũ-trụ quan xây-dựng hoàn-toàn bằng phép diễn-dịch.

Những kẻ làm việc đó phải có một tâm-

trạng giống như tâm-trạng tín-đồ tôn-giáo hay của kẻ yêu-đương; cố-gắng hàng ngày của họ không phát xuất ra từ một chương-trình vạch sẵn mà từ ở tâm-hồn mà ra.

Ai có tâm-huyết phải có trách-nhiệm hết sức cố-gắng làm cho giáo-lý vị nhân này trở nên một động-lực sống trong hoàn-cảnh nhỏ bé của mình. Những kẻ nào thực-tâm noi theo lý-tưởng đó mà không bị người đồng thời chà đạp thì những kẻ đó và xã-hội trong đó họ sống, có thể được xem như là may-mắn lắm vậy.

NGUYỄN-MỪNG dịch.

■ Tội-lỗi kẻ cầm quyền.

Lỗi kẻ dẫn đạo và tội kẻ cầm quyền ảnh-hưởng đến sinh-hoạt của dân-chúng thế nào ?

Người ta có thể là tướng-lĩnh đại-tài, bách chiến bách thắng; là luật-sư hùng-biến, oanh-liệt hơn người, nhưng đồng-lời là kẻ tội lỗi gớm-ghe.

Hãng-ri Đệ-từ, Lu-i Thập-tứ vừa là vĩ-nhân khả-phục, vừa là tội-nhân khả-ố.

Với ác-phong của họ, họ đã là n lợi hay làm hại cho quốc-gia ?

Tội lỗi kẻ cầm-quyền có phụng hại tới công-ích công-lợi không ? Tội lỗi chống chắt của họ có ngăn trở các thiên-tư khiến cho giảm sút năng-xuất tự-nhiên đi không ?

Có điều chắc-chắn là tội lỗi của họ làm tăng mãnh-lực của sự ác trong thế-gian và làm cho họ mất nhiều ân-sủng trong khi thừa hành chức-vụ.

Không phải chỉ bậc thành-tri mới làm được công-cuộc vĩ-đại khả-dĩ thay đổi được cả dòng lịch-sử, nhiều người khác cũng có thể làm được. Ta khâm-phục những tài-năng xuất-chúng, nhưng ta cũng tiếc cho những tài-năng ấy không luôn luôn song hành với lòng đạo-đức, và, trong công-cuộc phục-hưng quốc-gia, hay huấn-luyện thanh-niên, ta nên soi gương bậc anh-hùng đạo-đức mà chẳng nên bắt chước bọn ác-ma hôn-loạn.

HỒNG-Y SALIÈGE

THẰNG NHỎ KHÓ QUÁ!

Đó là câu ta thường thấy các bà mẹ phàn-nàn mỗi khi thấy đứa con cưng của mình đòi hết thứ này tới thứ nọ, để rồi rốt cuộc chẳng chịu một thứ nào hết.

Thường con nít còn nhỏ tuổi không bao giờ có một ý muốn mà có nhiều ý muốn phức-tạp, nhiều khi trái ngược nhau, mỗi thứ mỗi khác nhau.

Theo cách nói thông-thường rất giản-dị mà rất trúng nghĩa, các bà mẹ thường gọi cái tính ấy là tính hay thay đổi.

Bữa nọ, tôi được mục-kích một cảnh có thể nêu ra làm tượng-trưng cho ý-kiến trên.

Một em nhỏ chừng ba tuổi đi dạo chơi trong một công-viên với mẹ nó và chị nó lười sáu bảy tuổi.

Thoạt đầu em nhỏ có ba ý muốn : không cho chị nó ngồi trên chiếc ghế, không cho chị nó nhảy dây, không cho chị nó chơi bóng.

Trong suốt giờ ngồi ở công-viên đối-diện với ba mẹ con, tôi nhận thấy em nhỏ không lúc nào rời con mắt khỏi chị nó. Nó rình từng cử-chỉ của chị và khóc thét lên mỗi khi thấy chị nó làm sai ý muốn. Rồi nó đòi nhảy lên chiếc xe ; được bồng lên xe, nó lại đòi xuống tức thì. Sau đó một chút, hình như nó muốn đi ngoài, nó vội tuột quần, nhưng lúng-túng tuột mãi không ra, và dấy-nảy lên. Người mẹ chạy lại cõng giúp và đặt nó ngồi vào một chỗ khuất. Mặc dầu bà mẹ dỗ thế nào thì dỗ, nó nhất định không nghe, cứ đòi ngồi chỗ nó muốn và đòi chỗ tới ba lần.

Trước bao nhiêu cử-chỉ ấy, tôi chỉ thấy bà mẹ thở dài một cách nhẫn-nhục lạ-lùng.

— Con nhỏ kỳ cục quá ! Một ngày thêm khó tính, chịu không nổi nữa !

Riêng tôi, bấy giờ tôi nghĩ có lẽ con nhỏ của bà mẹ thiếu một cái gì ; hình như nó thiếu một ý muốn mạnh-mẽ, đó là ý muốn của bà mẹ, ý muốn dạy-dỗ nó một cách thật cương-quyết. Bởi bà mẹ thiếu ý muốn quyết-liệt ấy nên ý muốn con bà mới thành một chuỗi ý muốn phức-tạp, hay thay đổi và không có liên-lạc với nhau, khiến cho ý-chí đứa trẻ trở thành rời-rạc, mất hẳn sự duy-nhất cốt-thiết đi.

Ý-chí là một thiên-tư hay dùng hơn một thiên-năng của con người. Ý-chí trẻ con cần phải được bảo-vệ, huấn-luyện, phát-triển, giữ-gìn theo con đường thẳng và công việc giáo-huấn ý-chí của con trẻ đó không thể giao cho ai khác hơn là cha mẹ chúng, vì cha mẹ chúng chính là những bậc giáo-huấn trời đã ban riêng cho chúng vậy.

HOÀNG - MINH - TUYNH

TRONG CHÍNH-SÁCH KINH-TẾ

BÙI-VĂN-THỊNH

(tiếp theo)

ẤN-ĐỊNH BÁCH-PHÂN LỜI

SAU khi đã thiết-lập chế-độ kiểm-soát vật giá, bộ Kinh-tế liền thăm dò ý-kiến các nhóm thương-gia và kỹ-nghệ-gia để ấn-định mức tối-đa tiền lời cho các phẩm-vật nội và ngoại-hóa, và các tiện-ích. Sau nhiều cuộc bàn cãi sôi nổi, nhất là về việc tính bách-phân lời tối-đa theo giá chính (FOB) hay giá cập bến (gồm có giá chính, (cost) phí bảo-hiểm (insurance) và phí chuyên chở (freight) : CIF), bộ Kinh-tế Quốc-gia đã công-bố nghị-định số 654-BKT/PC/ND ngày mùng 1 tháng 11 năm 1956 về việc này. Nghị-định đó ấn-định bách-phân lời tính trên giá cập bến đối với các phẩm-vật nhập-cảng và tính trên giá sản-xuất chính-thức tại nhà máy hay tại xưởng chế-tạo, để tính giá bán sỉ: bách-phân đó biến đổi từ 8% đến 17% tùy từng loại hàng. Các chi-phi và phí-tồn khác được tính

thêm vào cũng được chỉ-định rõ ràng. Về giá bán lẻ, bách-phân lời tính trên giá sỉ chính-thức biến đổi từ 7% đến 25% tùy từng loại hàng.

PHÂN-PHỐI VẢI

Riêng về vải, Bộ Kinh-tế đã hội-hop nhiều lần với đại-diện của các nhà nhập-cảng và các nhà bán lẻ và đã cùng họ ấn-định phương-pháp phân-phối vải giữa nhà nhập-cảng và nhà bán lẻ, và giữa các đô-thị và các tỉnh. Bộ Kinh-tế còn bắt các nhà nhập-cảng phải tổ-hợp thành từng nhóm gồm ít nhất là 5 nhà nhập-cảng.

Chúng tôi đã phác qua những biện-pháp mà bộ Kinh-tế đã áp-dụng từ mấy tháng nay: thực ra, về hình-thức thì có sự mới lạ, còn về nguyên-tắc thì vẫn là chế-độ cũ, có từ khi xảy ra thế-giới chiến-tranh II; các hình-thức mới giúp cho sự áp-dụng được thiết-thực và sự kiểm-soát được có kết-quả. Cùng lúc đó, ban Cảnh-sát Công-an

được tăng-cường số nhân-viên ở Saigon lên tới 700 người.

Tất cả sự-kiện đó chứng tỏ ý muốn cương-quyết của Chính-phủ đưa nền kinh-tế Việt-Nam tới một giai-đoạn mới. Sự chi-phối của Chính-phủ không phải chỉ ở trên giấy tờ như trước nữa. Ở đoạn trên, chúng tôi đã viết rằng tình-hình kinh-tế Việt-Nam bị sáo-trộn hoàn-toàn vì mấy năm chiến-tranh, nhất là ở các đô-thị, nẩy ra hàng người làm «áp-phe», gây gia-tài nhanh chóng. Lợi-tức của giới thương-mại, nhất là ngành nhập-cảng tăng lên gấp bội, chiếm tới 25% lợi-tức toàn-quốc. Tình-hình đó rất hại về phương-diện kinh-tế cũng như về phương-diện xã-hội. Sự kiểm-soát hững-hờ của chính-quyền đã gây nên nạn đầu-cơ bỉ-ối, bất-lương, nạn khan-hiếm các tài-vật cần-thiết, vì bọn gian-thương tích-trữ trắng-trợn. Lẽ dĩ-nhiên, về toàn-thể, ngoại-viện chưa đủ để cung-cấp tất cả nhu-cầu, nhưng nhiều khi, số ngoại-tệ cấp phát nhiều, mà hàng nhập-cảng vẫn thiếu, chỉ vì một số lớn ngoại-tệ đã bị gian-thương ăn cắp: được cấp-phát nhiều ngoại-tệ, nhưng chỉ mua ít hàng, khai mua hàng tốt nhưng nhập-cảng hàng xấu, v.v.... Vì thế mà ai cũng muốn «nhảy sồ» vào nghề nhập-cảng: xin được một cái giấy phép cũng đủ sống «đàng hoàng» một năm. Có khi không cần phải vốn, được giấy phép đem bán cũng đủ lời rồi. Tình-cảnh hỗn-loạn, vô tổ-chức đó đã gây ra bao nhiêu sự nhùng-lậm,

bất công, hối-lộ, lừa-lọc, những cảnh ăn chơi xa-hoa đàng-diểm.

Những biện-pháp cương-quyết gắt-gao đó, bộ Kinh-tế đem áp-dụng nhằm mục-dịch chấm-rứt tình-cảnh đó: rút bớt số nhà nhập-cảng, ấn-định mức-lợi của thương-gia, trừng-phạt nặng-nề bọn đầu-cơ, tích-trữ, điều-hòa việc nhập-cảng những tài-vật cần-thiết, như vải, sữa, đường.

Những biện-pháp đó đã chạm tới quyền-lợi của một số người — có cả những người rất thế-lực — Họ cho rằng những biện-pháp đó làm ngưng trệ các hoạt-động kinh-tế trong nước, làm cho nạn thất-nghiệp thêm trầm-trọng. Cùng lúc đó, việc cấm ngoại-kiều làm 11 nghề cũng đưa đến những hậu-quả tai hại kia. Để phản-đối, một vài thương-gia đã đình-nghiệp, không buôn bán nữa, thải công-nhân. Trong giai-đoạn này, Việt-Nam đang tìm cách khuếch-trương kinh-tế, đang kêu gọi sự tham-gia của vốn ngoại-quốc, cần phải gây nên một không khí tin-cần. Họ cho rằng những biện-pháp trên đã gây nên sự ngờ-vực và hoang-mang trong giới tư-bản. Hơn nữa, họ tin rằng chính-sách kiểm-soát không đem đến được kết-quả mong muốn, lại có thể làm tăng thêm nạn khan-hiếm và đầu-cơ. Vả lại, nếu cần phải tăng cường dần sự kiểm-soát để đối-phò với mưu-mô của các gian-thương, thì dần dần sự di-đến chế-độ kinh-tế chỉ-huy, và, theo ý họ, chế-độ đó không lợi cho sự khuếch-trương kinh-tế.

Sự thực thì, trong mấy tháng

nay, việc buôn bán trong nước không bị ngưng-trệ vì những biện-pháp mới; trái lại, việc nhập-cảng trong khuôn-khổ Viện-trợ Mỹ đã được hợp-lý-hóa hơn trước; Chính-phủ đã có thể theo dõi được các hoạt-động, từ khi phát giấy phép, đến khi hàng về, rồi đem bán sỉ, và bán lẻ. Một số nhà buôn không đủ điều-kiện, một số nhân-công thừa đã bị loại ra, điều đó cần-thiết, như chúng tôi đã trình-bày ở trên, để chỉnh-đốn khu-vực thương-mại, về phương-diện hoạt-động cũng như về phương-diện phân-phối lợi tức. Nhiều tư bản Trung-Hoa đã vội-vàng lên lút rút ra khỏi Việt-Nam. Số bạc Việt-Nam đem bán ở thị-trường tiền-tệ tự-do bên Hương-Cảng đã tăng lên rất nhiều: 55 triệu đồng tháng tám, 59 triệu đồng tháng chín, 61 triệu đồng tháng mười, 67 triệu đồng tháng mười một, so sánh với 38 triệu đồng trung-bình mỗi tháng trong năm 1955.

Việc vốn ngoại-kiều, nhất là Pháp và Trung-Hoa, rời bỏ Việt-Nam là việc không tránh được, vì hoàn-cảnh chính-trị đã thay đổi, họ không còn thể hưởng được những đặc-quyền, đặc-lợi như trước nữa. Lẽ dĩ nhiên, Việt-Nam cần tới vốn ngoại-quốc, và cần phải đánh cho họ nhiều sự dễ-dãi về việc chuyển ngân, về chế-độ thuế má, về mức lãi, v.v... nhưng những sự dễ-dãi ấy không thể quá đáng như mấy năm trước và tư-bản ngoại-quốc phải hoạt-động thích-hợp với chính-quyền kinh-tế của Việt-Nam không thể hoành-hành như trước.

Không ai có thể chối cãi rằng giá sinh-hoạt đã giảm sút nhiều trong mấy tháng nay. Viện Thống-Kê Việt-Nam hàng tháng cho người đi lấy giá bán lẻ của một số lớn sản-phẩm và tiện-nghi, và tùy theo sự quan trọng của sản-phẩm và tiện-nghi trong đời sống, cho mỗi giá một hệ-số, rồi theo đó tính chỉ-số giá tiêu-thụ liên-quan tới đời sống gia-đình tại Saigon, từng tháng. Về người Việt hạng trung-lưu:

Tổng chỉ số tháng	7 là 269
—	8 là 277
—	9 là 276
—	10 là 260
—	11 là 259
—	12 là 250

Như thế, giá sinh-hoạt đã giảm sút đi nhiều.

Về người Việt hạng lao-động:

Tổng chỉ số tháng	7 là 263
—	8 là 268
—	9 là 266
—	10 là 250
—	11 là 245
—	12 là 232

Vật-giá giảm xuống đã gây ảnh-hưởng tốt đẹp cho đời sống đa-số dân chúng, nhất là giai-cấp hưởng lợi-tức ít.

Trong khuôn-khổ bài này, chúng tôi không thể trình-bày nhiều sự lợi hại của chế-độ kinh-tế chỉ-huy, nhưng chúng tôi nhận thấy rằng sau cuộc thế-giới chiến-tranh thứ hai, ở hầu hết các nước, tuy không Cộng Sản, chính-phủ cũng phải nắm lấy những hoạt-động kinh-tế quan-trọng, tham-gia trực-tiếp vào công cuộc phục-hưng kinh-tế. Ở nước Việt-Nam, sau bao nhiêu năm

bị tàn-phá vì chiến-tranh, và vì mới khôi-phục được nền độc-lập, chúng ta thiếu vốn của tư nhân, thiếu người chuyên-môn : như thế nhiệm-vụ của chính-phủ trong khu-vực kinh-tế rất quan-trọng ; sự giúp đỡ trực-tiếp của chính-phủ rất cần-thiết, nhất là giai-đoạn khởi đầu công-cuộc đầu-tư. Thiếu vốn, thiếu kinh-nghiem vì từ trước chưa được tham-gia vào việc kinh-doanh, rụt-rè vì quen sống ở những tình-trạng không ổn-định, tư-nhân Việt-Nam không thể tự mình đảm-nhiệm công-cuộc khuếch-trương kinh-tế. Sự chỉ-huy sáng-suốt và cương-quyết của Chính-phủ chỉ có lợi. Nhưng không phải vì thế, mà phải bóp chết các sáng-kiến và hoạt-động của tư-nhân.

Chúng tôi nhận thấy rằng những biện-pháp của bộ Kinh-tế mà chúng tôi đã trình-bày ở trên, có tính-cách chỉnh-đốn lại hoàn-cảnh, loại-trừ những xấu-xa, để cải-thiện lại một vài hoạt-động kinh-tế. Bên cạnh những biện-pháp đó, cần phải áp-dụng những biện-pháp có tính-cách kiến-thiết. Như thế, phải có một chương-trình bao-quát tất cả các khía-cạnh của vấn-đề kinh-tế. Một biện-pháp lẻ-tẻ không đem đến được kết-quả khả-quan. Vấn-đề nhập-cảng, ấn-định mức lời liên-quan đến vấn-đề sản-xuất, nhân-công. Cần phải tăng-gia sản-xuất, về nông-nghiệp, ngư-nghiệp, kỹ-nghệ, cần phải quân-bình cân chi thu quốc-tế của Việt-Nam, cần phải giải-quyết vấn-đề thất-nghiệp, cần phải bảo-vệ giá-trị đồng tiền Việt-

Nam... tất cả những vấn-đề này cần phải đề-cập tới cùng một lúc vì cùng ở trong một chương-trình rộng lớn khuếch-trương kinh-tế.

Những biện-pháp trình-bày trong bài này là những bước đầu trong chính-sách kinh-tế mới, chúng tôi tin rằng liền sau đó, Chính-phủ sẽ cương-quyết thực-hiện toàn-thể chương-trình khuếch-trương kinh-tế. Chúng tôi nhắc lại, lúc này là lúc có nhiều điều-kiện thuận-tiện và cũng là lúc không thể trì-hoãn được nữa. Việc cải-cách điền-địa, việc định-cư hoàn-tất hơn 800.000 đồng bào di-cư, việc mở-mang nông-nghiệp nhiều vùng như Cái-Sắn, Cà-Mầu, Lagna... việc thiết-lập những cơ-quan tín-dụng (Quốc-Gia Nông-Tín Cuộc, Việt-Nam Thương-Tin, Doanh-Tế-Cuộc), việc sửa chữa các cầu, các đường... đã thực-hiện và có kết-quả tốt đẹp. Lúc này là lúc phải có một chương-trình đại quy-mô để phối-tri và liên-lạc tất cả các hoạt-động. Theo chỗ chúng tôi biết, thì các chuyên-viên các Bộ đang soạn-thảo một kế-hoạch năm năm để khuếch-trương nền kinh-tế Việt-Nam. Công-cuộc đó rất hợp thời và cần-thiết.

Riêng về năm nay, Viện-trợ Mỹ sẽ giúp cho Việt Nam tới 80 chục triệu mỹ-kim để khuếch-trương kinh-tế ; chúng ta lại có thể xuất-cảng từ 200.000 tới 300.000 tấn gạo và tăng-gia việc xuất-cảng cao-su, bắp, lông vịt, như thế thâu-hồi được nhiều ngoại-tệ. Các sự-kiện đó rất thuận-lợi cho việc tăng-gia sản-xuất trong nước.

TRONG VẤN-ĐỀ DU-LỊCH

HOÀNG-THỊ-CHÂU

PHONG-TRÀO du-lịch đang phát-triển bành-trướng, lan-rộng trên khắp thế-giới hiện nay. Người ta đi, đi thực xa và không còn lưu-tâm thắc-mắc tới biên-giới ngăn cách muôn trùng như xưa nữa.

Muốn hiểu rõ phong-trào du-lịch tiến-triển như thế nào, ta thử trở lại hồi đầu thế-kỷ này thì biết. Thuở đó, du-lịch là món quà xa-xỉ dành riêng cho giới giàu-sang. Người ta di-chuyên để phô-trưng nếp phú-quý, quên lãng ưu-sầu hay tìm kiếm kỳ-quan tại bãi bể, rừng xanh, xứ lạ. Du khách lúc bấy giờ chỉ có một số không đáng kể mà thôi. Như thế, vì đâu hiện nay hàng đoàn người lũ-lược như giòng triều, trước kia đã định-trú an phận lại bắt đầu lưu-lạc đồn-dập như vậy ?

Các nhà kinh-tế-học, địa-chất hay xã-hội-học đã bắt đầu thấy phải bận lòng phân tách, theo dõi đà tiến-triển của phong-trào du-lịch mới-mẻ chưa từng có trong lịch-sử.

Từ khi thế-giới được kỹ-nghệ-hóa, thành-thị xâm-nhập dần các lũng mạc xưa kia hẻo lánh, phong-trào du-lịch đã lan-tràn tại các nước Âu-Mỹ. Phương-tiện

di-chuyên được thuận-tiện và mức sống quần-chúng được nâng cao đã là những yếu-tố chính xô đẩy hàng vạn sinh-linh xa rời nhà cửa, tìm cách thoát ly trong chốc lát những gò-bó của cuộc đời máy móc...

Người thợ, người công-chức, hay nhà kinh-doanh, ai ai cũng đều cảm thấy nhu-cầu trốn-tránh, sau một thời-gian dài cặm-cui trong xưởng máy thiếu chân trời, bên bàn giấy bụi-bậm, cạnh gian hàng ẩm-ĩ, trốn tạm khỏi đời sống giả tạo, thay đổi không khí quá quen thuộc, vô-vị mà người ta buộc phải lui tới hằng ngày.

Xã-hội càng tân-tiến, thành-phố càng đô-hội thì nhu-cầu thoát-ly càng mãnh-liệt : con người mệt-mỏi vì công việc, khao-khát được hòa mình vào thiên-nhiên thở lấy không khí *tinh-khiết*, trong lành, cử-động tự-do giữa trời đất bao la cho gần cốt dấn nỏ, phù-hợp với đà tiến-triển của phong-trào du-lịch hiện đang được quần-chúng-hóa, một số người đã biết khai thác nguồn lợi mới do phong-trào đem lại : các công ty vận tải khuếch-trương phương-tiện chuyên chở, sản-xuất những loại xe đầy-

đủ tiện-nghỉ để đón đủ các hạng khách. Và những nhà hàng quán trọ mọc lên như nấm suốt các nẻo đường có gót chân du-khách, trong những xóm xa biệt thị-thành.

Lại nữa, xã-hội ngày nay đặc-biệt chú-trọng tới việc nâng cao mức sống người dân, số giờ làm việc của giới lao-động được giảm bớt trong khi tiền thù lao được tăng lên : từng ấy sự kiện đã làm cho du-lịch không còn là món quà quý phái của kẻ giàu sang nữa. Người thợ-thuyền, nhà buôn bán đều có thể là du-khách được, nhờ những tổ-chức tập-đoàn du - lịch : người ta đi được xa... và chỉ phải trả rất ít tiền.

Nhìn quanh thế-giới, ta thấy Anh-quốc là nước đầu tiên được kỹ-nghệ-hóa sớm hơn lục-địa gần nửa thế-kỷ, đã tổ-chức đầu tiên " tuần-lễ Anh ", (Semaine Anglaise) và cho thợ-thuyền hưởng những ngày nghỉ lễ được trả lương.

Kể đó, nước Pháp, luật năm 1936 được ban-hành ấn-định cho lao-công nghỉ hè thường-niên ăn lương, do đó phong-trào du-lịch bình-dân phát-triển mạnh-mẽ.

Ngay sau khi luật 1936 được áp-dụng từng đoàn người lũ-lược rời bỏ thành-thị đông-dúc đi tới bãi biển hay núi rừng. Sở hòa-xa Pháp năm ấy đã bán chạy trên 1 triệu vé bình-dân đi nghỉ mát thường-niên.

Sau nữa, tình-trạng bất-an chớm nở với đại-chiến thứ hai đã thúc-đẩy phong-trào du-lịch Tây-phương tiến mạnh hơn. Người dân làm-lụng xong ngày tiêu xài gần hết và có lẽ dành chút ít là chỉ để được nghỉ-ngơi xa phố-phường dăm ba bữa thôi chứ không còn thiết mua vườn ruộng như hồi xưa.

Ngoài nhu-cầu sinh-vật-lý nói trên khiến

người ta du-lịch, lại còn nhiều yếu-tố xã-hội tâm-lý bình-dân-hóa phong-trào này nữa. Dân-chúng khi đi nghỉ-ngơi tự coi là được dự vào lối sống của hạng cao sang quý-phái. Bởi vậy du-lịch phát-triển và lan rộng trên mọi tầng lớp ; những du-khách nông-phu hay thợ-thuyền cảm thấy mình đã tiến lên cao trong mức thang xã-hội họ hằng sống. Thực vậy, một văn-sĩ Pháp, ông Dumazédier đã thuật lại phản-ứng hài-hước của một bọn thợ sau những ngày đi nghỉ, trở về bất-mãn vô cùng vì được du-lịch một vòng rất thú-vị mà chỉ phải trả quá ít tiền. Họ bực mình vì thấy còn có sự phân-biệt giữa khách sang và hèn.



Ta vừa thấy trên đây yếu-tố sinh-vật-lý ảnh-hưởng tới du-lịch thế nào. Giờ đây muốn hiểu du-lịch ảnh-hưởng ngược chiều tới ăn-tạo xã-hội hiện nay ra sao, thì trước tiên ta nên biết :

Thế nào là du-lịch ?

Du-khách là kẻ rời nhà cửa hằng sống để tới bất cứ vùng nào xa lạ. Đặc-tính của du-lịch là không vì lợi, bởi thế người du-khách không theo đuổi mục-dịch buôn bán hay nghề-nghiệp, họ đi là để nghỉ-ngơi, rồi để tiêu-thụ. Thú du-lịch từ khi được bình-dân-hóa đã dần dần trở thành một khả-năng, một quyền-lợi của giới cần-lao, đem lại cho họ nguồn vui sống và ý-niệm về nhân-cách họ.

Vì du-lịch hiện nay là một đòi-hỏi thiết-yếu của người dân, các hoạt-động thương-mại kỹ-nghệ công, tư, đều được tổ-chức lại cho phù-hợp với hiện-tình. Chẳng hạn, một xưởng máy lớn cho công-nhân nghỉ hè, các xưởng khác sản-xuất những phẩm-vật bổ-túc (produits complémentaires)

đành phải ngừng công việc và cho nhân công họ nghỉ luôn thôi.

Trong thực-tế, phong-trào du-lịch xã-hội đã nêu lên 2 vấn-đề chuyên-chở và trú-ngụ.

— Số du-khách càng ngày càng đông thì số xe vận-tải được sản-xuất càng nhiều, xe lửa tương-đối và rẻ tiền nhất giúp các đoàn-thể di-chuyển tiện-lợi, tới những miền thực xa. Lại có người đi xe đạp, xe gắn máy, có kẻ dùng xe du-lịch, máy bay. Như vậy, vấn-đề di-chuyển không cần phải quan-tâm tới nhiều.

— Duy chỉ có vấn-đề trú-ngụ cho du-khách là chưa giải-quyết được hoàn-bị.

Mặc dầu phần đông đi nghỉ tại các nơi có họ hàng bè bạn, cũng vẫn còn một số người đáng kể không nơi tạm-trú. Người ta thường đưa nhau về vài miền thắng cảnh hay có khí-hậu tốt, trong những dịp nghỉ trùng nhau. Bởi thế, khách-sạn hay quán trọ nhiều mấy cũng vẫn thiếu. Trước tình-cảnh đó, nhiều xứ tại Âu-châu đã tổ-chức những « trại hè », chứa nhận các đoàn-thể. Có nơi lại lập « tiêu-tổ gia-đình nghỉ hè » do nhiều gia-đình hợp chung lại, tùy con đông ít, được chiếm giữ phòng rộng hay hẹp tại các biệt-thự hoặc lâu đài cổ. Ở đây, trẻ nhỏ được giao cho những người giữ công-cộng trông nom và việc tiếp-tế thực-phẩm được đầy đủ. Mặc dầu các cố-gắng tổ-chức trên đây, vẫn còn nhiều du-khách thiếu chỗ ăn ở và phải cắm-trại giữa đồi cây, bãi cỏ.

Chế-độ « nghỉ ăn lương » lan rộng từ công-tới tư sở đã làm cho việc lưu-trú càng thêm nan-giải, do đó, người ta bắt đầu đi nghỉ thực xa ra ngoại-quốc.

Tại Âu-châu, tập-hội du-lịch rất nhiều và tất cả đều nhằm mục-đích quần-chúng-hóa du-lịch; du-khách tập-thể có sẵn nhà

cửa ở, đủ tiện-nghỉ, tốn ít tiền mà lại có dịp giải-trí lành mạnh, trau-dồi văn-hóa, mở rộng kiến-thức. Ngoài ra các tập-hội tìm cách giúp đỡ người dân bình thường có thể dành một số tiền nhỏ gọi là tiền « tiết-kiệm du-lịch » (Pécule de vacance). Ở Pháp, nghiệp-đoàn « du-lịch và cần-lao » (tourisme et travail), « Quỹ hè quốc-gia » (Caisse Nationale de Vacance) đã phát-hành những loại tem nghỉ hè nhằm mục-đích vừa nói trên.

Người du-khách tập-thể được hoàn-toàn tự-do giải-trí như ý muốn, đoàn-thể chỉ bổ-khuyết thêm bằng những tổ-chức văn-nghệ, hòa-nhạc, chiếu-bóng, ca-kịch, diễn-thuyết về phong-tục các nơi... và quảng-cáo trong sách báo những tổ-chức du-lịch nay mai...

Phong-trào du-lịch phát-động và bành-trướng mạnh mẽ, nhưng người du-khách trong thực-tế có đạt những mục-phiêu họ tự đặt ra trước khi đi không? Nói cách khác, họ có giải-trí nghỉ-ngơi được không? Cứ lấy ví-dụ ngay ở nước nhà ta thì hiểu: Có vài dịp nghỉ lễ, dân-chúng đô-thành kéo nhau về đồng quê, bãi biển hay rừng núi. Rốt cuộc, tại những vùng này, người ta lại gặp nhau, chen chúc dành nhau từng căn-phòng trọ nhỏ hẹp, tiêu thụ đắt đỏ hơn thường ngày, sống những giờ xáo-động ồn-ào hơn lúc nào hết. Với mục-đích xa lánh nơi náo-nhiệt, hòa mình với thiên-nhiên, giải-trí và tĩnh-dun-ỡng, du-khách đã vô tình tái-tạo lại hình-ảnh phố xá thị-thành tấp-nập với những trò chơi ồn-ào của nó; người ta đùa nghịch mệt nhọc hơn cả những lúc phải làm việc.

■

Trên đây là những du-khách đã chọn một địa-diểm để tới đó nghỉ-ngơi. Còn có

một hạng người khác chỉ di-chuyên để lấy đường dài. Người ta đi thật nhanh, có dừng chân tạm lại là chỉ để ăn, nghỉ hay ngủ chứ không phải vì hiếu kỳ và rung động trước thành-quách hùng-vĩ, lăng miếu cồ-kinh, bãi cát chân mây... Có người đã tự-hào khoe đi được bốn, năm xứ trong tuần-lễ, nhưng thăm dò qua, ta thấy họ còn ghi lại trong ký-ức nghèo-khổ hình-ảnh mờ nhạt của vài anh lính canh hay mấy viên-chức quan-thuế ở các vùng đã đi qua...

Cứ xét kỹ tâm-trạng người du-lịch, ta thấy phần đông cố tạo lấy dịp thoát-ly, cả chính cái bản-ngã của mình.

Những nhận-xét trên đây cho ta thấy cần phải giáo-huấn phần nào người du-lịch.

Du-lịch ngoài ảnh-hưởng có lợi cho kinh-tế một nước còn đặt lên vấn-đề vệ-sinh quần-chúng. Làm thế nào người dân trong những dịp nghỉ, được thực-thụ sống những ngày thanh-bình có lợi cho cơ-thể, tinh-thần?

Muốn được vậy, nhiều nước Âu-châu đã sắp xếp các dịp nghỉ xa nhau và các xe hạ giá di-chuyên trong những mùa vắng khách, đồng-thời chính-phủ cũng bớt thuế tiêu-thụ tại các vùng này cùng trong dịp đó, để tránh một phần nào những lớp du-khách dồn-dập đi nghỉ trùng ngày và trùng chỗ.

Du-lịch là một nguồn lợi lớn cho kinh-tế nước nhà. Du-khách chỉ dẫn về các làng mạc hẻo lánh đã tạo cho công-việc đa số dân quê tại chỗ. Họ không thấy cần phải về kiếm cách sinh nhai, ở thành-thị nữa.

Cứ xem ví-dụ vùng Val d'Isère tại Pháp thì biết: năm 1931 khi du-lịch bành-trướng, du khách mùa đông dồn về đây thì dân số mùa này đã tăng lên gấp ba,

thời mực sống thô dân cao hơn trước nhiều. Lại nữa, người đi chơi thường tiêu-thụ các sản-phẩm địa-phương và thuê mướn dịch vụ với giá cả mà người dân quê khó lòng kiếm được tại thị-thành? Như vậy, du-lịch đã thành phương-pháp mở mang các vùng quê có kỳ-quan chưa được khai-thác, lưu người đồng ruộng ở lại sinh sống nơi quê-quán họ.

Tại những vùng quang-cảnh thiên-nhiên thuận-lợi cho du-lịch chính-phủ có thể hợp-tác với thôn-xã địa-phương hay giúp đỡ các thương-gia tổ-chức việc lưu-chuyên cho thuận-lợi hơn, xây-cắt những lữ-quán đủ tiện-nghỉ để lôi cuốn dân trong nước, người ngoại-quốc... lui tới thường xuyên...

Được như vậy, du-lịch sẽ trở nên một nguồn-lợi lớn cho kinh-tế nước nhà với điều-kiện là chính-phủ cần có một chương-trình giáo-huấn phần nào cho du-khách. Dĩ-nhiên, du-lịch chỉ phát-triển hấp-dẫn khi con người đi chơi được hoàn-toàn tự-do, nhưng điều cốt-yếu là tự-do của cá-nhân phải dung-hòa với quyền-lợi công-cộng. Du-lịch phải có ý-niệm tôn-trọng của cải chung của một xứ; lăng miếu, đền chùa cần được giữ-gìn, tránh mọi hành-động phá-phách, thiếu thận-trọng, hay bừa-bãi có phương-hại tới vẻ đẹp chung của cảnh-vật.

Nếu có một người vì tiện riêng cho mình, lái xe vào bãi cỏ cấm 5, 7 trăm người khác có thể noi gương: Kết quả là công-trình xây-dựng trồng-tiêu trong bao năm bị tàn-phá trong phút chốc.

Ngoài ra, cách giải-trí của quần-chúng cũng cần được giáo-huấn lại. Làm thế nào để du-lịch đem lại cho người hưởng những giờ phút tĩnh-dưỡng cơ-thể, tinh-thần học hỏi, tiến-hóa... Phong-tục hiện-thời thực còn xa mực-phieu đó; xã-hội cần tìm cách

cải-tạo lại nếp sống của phần đông để những ngày nghỉ giữ được tính-cánh nhân-nhã và an-dưỡng.

Tuy-nhiên nghỉ-ngơi không có nghĩa là không hoạt-dộng gì cả mà cũng chẳng phải là hoạt-dộng thái quá.

Người ta du-lịch là để thay đổi cuộc đời đều tẻ cùng hoạt-dộng máy-móc hàng ngày. Mỗi bước đường lạ là một dịp cho chúng ta trở về với thiên-nhiên, gần cạnh với mọi hạng người trong nước, biết nhiều phong-tục trên thế-giới,

Đối với kẻ biết nhìn, vũ-trụ là kho tàng

để tìm-tòi học-hỏi, cả nguồn mới dồi-dào...
 Tự-tưởng sẽ vượt qua khung-cảnh chật-hẹp tầm-thường của nó để thấy xa hơn, hiểu nhiều hơn. Biết ngấm và chịu nhìn cảnh-vật tức là biết nhận sự hèn kém của mình, " biết " để tìm cách tiến nữa, tiến mãi. Được như vậy thì du-lịch mới là phương-sách hoàn-mỹ để tăng-tiến tình nhân-loại giữa các dân-tộc, giúp thế-giới hiểu biết và gần-gũi nhau hơn cùng giáo-huấn lại cá-nhân trong xã-hội.

HOÀNG-THỊ-CHÂU

Sự cải-cách hành-chánh và tư-pháp để tránh những nạn tham-những và đề dân-chủ-hóa các cơ quan chính-quyền làm yếu-điểm trong chương-trình Cách-mạng Quốc-gia của chính-phủ.

Tổng-Thống NGÔ-ĐÌNH-DIỆM

Trên con đường cứu-quốc và kiến-quốc đầy vinh-quang, quân dân chính phải nhất-trí, toàn dân đồng-bào phải đoàn-kết chặt-chẽ, tay nắm tay mạnh-dạn tiến tới.

Tổng-Thống NGÔ-ĐÌNH-DIỆM

Trong các sự khát-khao, có sự khát-khao kim-tiền là không thể nào giải được.

Có biết bao nhiêu sản-nghiệp ô-nhục đã xây-dựng trên đồng lương chết đói và trên suy tàn danh-dự.

Kim tiền vẫn coi là thần tượng được người ta sùng-bái nhưt.

Hồng-Y SALIÈGE.

RƯỢU CHÔI² VIỆT-NAM

Chế-tạo bằng cách cất rượu mạnh, với nhiều vị thuốc thảo-mộc, như : Long-não (*Cinnamomum Comphora* Nees et Eberm), Đại-hồi (*Illicium Verum* Hook), Tam-nại (*Kaempferia Galanga* Lin), Quế-chi (*Cinnamomum Loureirii* Nees), Khương-hoạt (*Peucedanum Decursivum* Maxim), v.v... có hiệu-lực tiêu độc (antiseptique), chỉ-thống (sédatif), trấn-kinh (anti-névralgique) và làm tan máu (décongestionnant).

RƯỢU CHÔI VIỆT-NAM không những chuyên-trị các chứng phong-thấp, tê-bại (rhumatismes), đau tọa-cốt thần-kinh (sciatique), đau lưng (lumbago), đau mình mảy (courbature), sai khớp xương (foulure), trẹo gân (entorse), MÀ CÒN THIẾT-DỤNG CHO CÁC SẢN-PHỤ TRƯỚC VÀ SAU KHI SINH-NỞ, KHI THẤY TRONG MÌNH MỎI VÀ RỜI-RÁ CHÂN TAY.

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ HỘ-SINH LỚN

TRUNG-CỘNG TẤN-CÔNG

HOA-KIỀU Ở ĐÔNG-NAM-Á

John C. CADWELL

(ĐỖ-TRỌNG-CHU dịch)

Ông John C. Cadwell sinh-trưởng trong một gia-đình truyền-giá. Ông sống quá nửa đời người trên đất Trung-hoa và nói tiếng Trung-hoa rất thành-thạo. Hiện ông sống ở Tiểu-bang Tennessee bên Mỹ và mỗi năm lại sang thăm các nước ở Viễn-đông một lần. Ông là tác-giả những cuốn sách « Một gia-đình ở miền duyên-hải Trung-Hoa » — « Lúa vẫn mọc xanh đều » — « Những người con thời-loạn ». Bài này dịch trong Reader's Digest, tháng 1 năm 1951.

TỪ khi chiến-tranh Cao-Ly tạm ngừng, chính-sách tấn - công chính-trị toàn-diện miền Đông - Nam - Á của Trung-cộng đã mang lại những kết - quả làm ta phải giật mình. Mục-tiêu cuộc tấn-công này là để kiểm-soát một khu-vực bao-la từ Hương-cảng chạy 3.300 cây số về phía Nam-Dương, và 2.500 cây số về phía Ấn-độ, chứa những nguyên-liệu mà Trung-cộng cần để trở nên một cường-quốc kỹ-nghệ và quân-sự như : gạo, dầu sắn, quặng thiếc, manganèse, tungstène và 95 phần trăm cao-si của thế-giới.

Trong kế-hoạch xâm-chiếm những nước giàu nguồn-lợi kinh-tế mà nền tảng chánh-trị chưa vững chắc, chính-phủ Bắc-kinh áp-dụng một thứ khi-giới tối-tân gọi là « Kung-sing » (phồn âm ra tiếng Việt là Công-Tâm) nghĩa là công-phá nhân - tâm mà mục-đích là kiểm-soát 12 triệu rưỡi Hoa - kiều trú ngụ tại các nước Đông-Nam-Á.

Những Hoa-kiều này làm bá-chủ đời sống kinh-tế của những nước Đông-Nam-Á họ đang cư trú. 99 phần trăm dân-số ở Hương-cảng là người Trung-hoa. Thành-

phố Tân-gia-Ba có 1 triệu người thì 90) ngàn là Hoa-kiều; ở Mã-lai tổng-số dân có 5.575.000 thì 2.200.000 người là Hoa-kiều; Thái-lan có 3.690.000 Hoa-kiều; Việt-Nam có 1 triệu, Nam dương có 2 triệu. Tại Bắc Bornéo, một xứ rất giàu nguyên-liệu, 26 phần trăm dân-cư là Hoa-kiều. Nếu chính-phủ Bắc-kinh bắt được 12 triệu rưỡi Hoa-kiều này tuân theo mệnh-lệnh, tài sự kiểm-soát của Trung-cộng đối với miền Đông-Nam-Á càng ngày càng trở nên chặt-chẽ đáng lo-ngại.

Chúng tôi vừa được tin bạn Đỗ-Trọng-Chu, Tổng thư-ký Hội Văn-Hóa Bình-Dân có tên trong bản danh-sách ứng-cử-viên dân-biểu Quốc-Hội, đơn-vị quận nhất Đô-Thành.

Bách-Khoa xin giới-thiệu cùng bạn đọc và thành-thực chúc bạn Đỗ-Trọng-Chu được đắc cử.

BÁCH-KHOA

« Kung-sing » là khí-cụ Trung-cộng áp-dụng để đạt mục-dịch nói trên. Đặt bản-doanh tại một khách-sạn ở Hương-cảng Kung-sing có chi - nhánh ở khắp các nơi có Hoa-kiều cư-trú. Những cán-bộ Kung-sing kẻ hàng bao nhiêu trăm, dùng đủ mọi phương-pháp để đạt kết-quả: mua chuộc, hăm dọa, trà trộn, phá hoại và khủng-bố, ám-sát. 1 hững cán-bộ này lợi - dụng chỗ những Hoa-kiều ở hải-ngoại tự nhiên có những cảm tình đối với nước Trung-hoa và lợi-dụng chỗ những Hoa-kiều này lo sợ một ngày gần đây Trung-cộng sẽ tràn tới những xứ họ đang trú ngụ.

Đây là một tỷ-dụ về phương-pháp hoạt-động của Kung-sing: Tại Hương-cảng có

gia-đình họ Au, do cô Au Sien đứng điều-khiển. Họ Au chế-tạo dầu « Con hồ » và xuất - bản những báo hoa-ngữ ở Hương-cảng và Vọng-các. Khi Trung-hoa lọt vào tay cộng-sản, họ Au mất chừng 50 triệu đô-la vì những nhà máy chế-tạo và những của-cải khác bị Trung-cộng tịch-thâu.

Những báo của họ Au chủ-trương chống Cộng và tố-giác những âm-mưu và hành-động của cộng-sản tại Đông-Nam-Á. Cách đây mấy tháng, những cán-bộ Kung-sing tìm cách gặp cô Au và đề-nghị rằng nếu những báo của cô ngừng đả-kích Trung-cộng thì những tài-sản của gia-đình họ Au đã bị tịch thu sẽ được trả lại tất cả. Các báo của cô chỉ việc đổi ra thái-độ trung-lập, tức thì cô sẽ được hoàn lại 50 triệu đô-la, mà hơn nữa cô sẽ còn được cả quyền quản-đốc những gia-sản đó nữa (xin các bạn độc-giả nhớ rằng bên Trung-cộng hầu hết những xí-nghiệp và doanh-thương đều do chính-phủ quản-đốc). Chính-phủ Bắc-kinh sẽ giữ những lời hứa không là một chuyện. Cô Au thấy mình đứng trước một sự cám-đổ lớn-lao. Tất cả Đông-Nam-Á đ-ri chờ sự quyết-định của cô; cô theo hướng nào, thì có hàng người cũng sẽ theo gương cô nữa.

Về điểm không bắt cô Au phải ủng-hộ chế-độ cộng-sản, đó cũng là một chính-sách thông - dụng của tổ-chức Kung-sing. Chủ-nhiệm một tờ báo chống cộng ở Hương-cảng nói với tôi rằng những người của Kung sing tìm gặp mỗi chủ-nhiệm báo ở Hương-cảng và Vọng-các. Phát ngôn-nhân Kung-sinh nói với họ rằng: « Chúng tôi chỉ muốn các ông ngừng chỉ-trích chúng tôi. Các ông không cần phải có thái-độ thiên Cộng, các ông chỉ cần trung-lập là đủ rồi. » Nếu là chủ-nhiệm một tờ báo quan - trọng, thì họ sẽ trao liền một ngàn-

đô-la bạc mặt và mỗi tháng phụ-cấp thêm năm trăm đô-la nữa. Và họ không bao giờ quên dặn thêm : " Cứ cộng-tác đi, rồi thì đến khi chúng tôi đặt chân chiếm xứ này, thì các anh sẽ có người che-chở không sao hết".

Nam-Dương Thương-Báo, là tờ báo chạy nhất ở Tân-gia-Ba và được khắp dân-chúng ở Mã-lai và Bắc Bornéo đọc. Chủ báo là ông George Lee, một nhà triệu-phú. Ông Lee có người anh cùng cha khác mẹ làm chủ những đồn-diễn cao-su rất lớn. Những người cộng-sản đề-nghị với ông Lee rằng nếu báo của ông " có thái-độ hợp-tác ", thì đồn-diễn của gia-đình họ Lee sẽ được du-kích che-chở và dễ yên trong khi tất cả các đồn-diễn chung quanh bị phá-hoại thiệt-hại hàng triệu đô-la. Sau đó ít lâu, tờ *Nam-dương Thương Báo* đòi ra có cảm tình với cộng-sản, và người ta còn cho là họ Lee đã trở nên những nhà kinh tài số một của du-kích quân cộng-sản. Kết-quả là những đồn-diễn của họ Lee thì chẳng sao trong lúc những đồn-diễn chung quanh bị du-kích tàn-phá thiệt-hại rất nặng-nề.

Trong số những nhật báo ở Tân-gia-Ba còn một tờ là vẫn ủng-hộ lập-trường của chính-phủ quốc-gia Trung-hoa. Nhưng tờ báo này chỉ còn phát hành được có 7800 số mà thôi, và số những người đăng quảng-cáo trong báo sụt xuống một cách trông thấy. Một nhà doanh-thương quen đăng quảng-cáo trong tờ báo này nói với tôi rằng những cán-bộ *Kung-sing* đã tìm gặp ông ta. Sau đó chẳng những ông ta thôi không đăng quảng-cáo trong nhật báo đó nữa mà tháng tháng còn gửi tiền trợ-cấp cho quỹ hoạt-động của cộng-sản nữa. Ông ta buồn rầu giải-thích cho tôi nghe : " Nếu tôi không làm thế thì đời sống của

tôi và công-việc kinh-doanh của tôi cũng chấm dứt luôn ; sớm hay muộn thì chúng cũng sẽ lên cầm-quyền ở đây, mà tôi thì chẳng còn chỗ nào khác mà trốn đi được ".

Cách đây 1 năm, trong năm tờ báo Trung-hoa ở Vọng-Các thì bốn tờ phản-đối cộng-sản. Bây giờ chỉ còn một tờ mà lại là tờ báo phát-hành ít nhất là còn giữ lập-trường chống cộng mà thôi.

Ở Rangoon, thủ-đô Miến-điện, có năm tờ báo hoa-ngữ, thì cộng-sản bỏ tiền ra mua luôn một lúc bốn tờ. Sở dĩ họ thành-công được là vì trước đó bằng phưng âm-muru xen-lẫn, trà-trộn, cộng-sản đã kiểm-soát được ba ngân-hàng do hoa-kiều quản-đốc, Nguyên một việc các nhà kinh-doanh Hoa-kiều muốn mượn tiền của những ngân-hàng này phải nhận điều-kiện cho con theo học tại các trường do cộng-sản kiểm-soát cũng làm ta hiểu thêm về cách hoạt-động của *Kung-sing*.

Để đạt mục-dịch kiểm-soát các trường, *Kung-sing* áp-dụng đủ các âm-muru trà-trộn, phá hoại tinh-thần và khủng-bố trắng-trợn. Vì trước, những chính-phủ thực-dân cai-trị hầu hết miền Đông-Nam-Á không chịu mớ-mang nền giáo-dục, nên những Hoa-kiều tự lo-liệu mớ-mang trường cho con cái họ có chỗ học-hành. Ngày nay ở Đông-Nam-Á có 1800 trường tư, do Hoa-kiều mở, và đang là những mục-tiêu dễ-dàng cho *Kung-sing* tấn-công. Ở Tân-gia-Ba trường-hợp các học-đường thật là khản-trương (ở các miền khác trong Liên-bang Mã-lai tình-hình có phần đỡ nghiêm-trọng hơn) cho tới khi Thủ-tướng Lim Yew Hoeh thẳng tay trừng-trị. Chính-sách Cộng-sản dùng là cho những cán-bộ Cộng-sản từ 20 đến 30 tuổi ghi tên vào trường-học. Bọn cán-bộ này nhiều tuổi hơn các học-sinh học cùng lớp. Lợi dụng

sinh sợ-sệt của những học-sinh ít tuổi hơn họ, và lợi-dụng cảm-tình của những học-sinh này đối với tổ-quốc Trung-hoa, bọn họ tổ-chức những tiểu tổ ngay trong những lớp họ học. Sau đó, họ sẽ dùng những trường-học làm căn-cứ hoạt-động để tung những tài-liệu Cộng-sản ra khắp cả khu vực quanh trường học.

Trong 7 trường-học lớn nhất ở Tân-gia-Ba, có độ chừng 15 ngàn học-sinh thuộc các học-sinh-đoàn có tổ-chức chặt-chẽ. Trong mỗi trường có lẽ chỉ có độ 15 hoặc 20 Cộng-sản nòng cốt mà thôi. Tuy vậy họ kiểm-soát sinh-hoạt trong những trường đó chặt-chẽ đến nỗi họ có thể triệu-tập những mít-ting hoặc biểu-tình bất cứ lúc nào họ muốn. Họ đã thành-công trong những cuộc tầy chay và làm cho những giảng-viên chống Cộng bị nhà trường sa-thải và họ xúi dục công-nhân nhà máy đình-công. Hồi tháng năm 1955, khi hãng xe buýt đình-công, những học-sinh dự biểu-tình đã đánh chết một nhà phóng-viên báo Mỹ tên Gene Symonds. Tại trường Nữ-học Nam-Dương các học-sinh liệng a-xít vào mặt bà Hiệu-trưởng làm bà xuất đời mang tật. Trong khắp thành-phố Tân-gia-Ba họ mặc sức khủng-bố các giáo-sư và các học-viên có tinh-thần chống Cộng.

Ở khắp miền Đông-Nam-Á khi các học-sinh tốt-nghiệp các trường trung-học, thì cán-bộ *Kung-sing* tuyên-truyền rủ rê và dùng áp-lực để đưa họ về Trung-hoa lục-địa để học tiếp tại các trường đại-học. Từ năm 1950 có chừng 35 ngàn sinh-viên đã trở về Trung-hoa lục-địa. Nhưng một khi đã về đến nơi rồi thì những sinh-viên này sẽ lại bị những áp-lực khác nữa. Sinh-viên Yip-Kin-San con của một gia đình triệu-phủ ở Macao đã trốn thoát được và kể

truyện lại như sau. Sau khi tới thiên đường Trung-hoa cộng-sản rồi, thì cậu bị coi như là một con tin : cộng-sản bắt cậu viết thư buộc cha mẹ phải gửi về Trung-cộng những số tiền khổng-lồ để đầu-tư góp phần vào công-cuộc kiến-thiết tổ quốc.

Chỉ riêng trong giới sinh-viên đại-học là công-tác tuyên - truyền của *Kung-sing* gặp những trở-ngại đáng kể. Đó cũng là nhờ sáng-kiến của Phó Tổng-Thống Nixon một phần-lớn. Trong kỳ đi chu-du khắp thế-giới năm 1953, Phó Tổng-Thống đã lưu-ý đến vấn-đề này. Khi được báo-cáo là hàng năm có 10 ngàn sinh-viên Trung-hoa trở về Trung-hoa lục-địa, trong khi đó thì chỉ có dưới 1 ngàn sinh-viên trở về Đài-loan, thì Phó Tổng-Thống Nixon đã thúc đẩy các cơ-quan viện-trợ Hoa-kỳ hoạt-động tích-cực hơn. Các trường đại-học ở Đài-loan nhận được viện-trợ để khuếch-trương, cơ-quan Asia Foundation giúp xây một học-xá riêng cho các Hoa-kiều ở hải-ngoại về Đài-loan học, và các học-sinh tốt-nghiệp các trường trung-học hải-ngoại được thông-báo rằng tại Đài-loan có những tiện nghi dành riêng cho họ hầu hết do các cơ-quan viện-trợ của Mỹ giúp. Theo những kết quả lượm được cho đến nay ta có thể kết-luận rằng : nếu được quyền lựa chọn thì những thanh-niên học-sinh sinh-viên Hoa-kiều ở Đông Nam-Á sẽ bác bỏ chủ-nghĩa cộng-sản. Trong mùa Thu 1954 mỗi tháng trung-bình có 1 ngàn sinh-viên Hoa-kiều rời Tân-gia-Ba để về Trung-hoa cộng-sản ; nhưng đến cuối năm con số đó giảm xuống và chỉ còn có 20 mà thôi. Năm 1954 có chừng 1.200 sinh-viên từ Macao và Hương-cảng trở về Quảng-Châu để dự kỳ sát-hạch vào các trường đại-học Trung-cộng, trong khi đó thì có 800 sinh-viên nộp đơn xin học tại các trường đại-

học ở Đài-loan. Một năm sau, những con số trên đây đảo ngược lại. Ở trong khắp các nước miền Đông-Nam-Á cũng theo khuynh-hướng đó cả.

Tờ-chức *Kung-sing* cũng tìm cách phá-hoại sức khoẻ học-sinh như đã làm hư trái tim và khối óc của họ bằng cách tung bừa bãi á-phiện vào các trường như một thứ khí-giới phá-hoại. Rất nhiều thứ ma-túy được chở từ Trung-cộng tới Bắc Bornéo và nhất là Tân-gia-Ba. Một số được đưa đến các trường-học. Tân-gia-Ba là một trong những nước có tỷ-xuất nghiện á-phiện nhiều nhất trên hoàn-cầu. Các nhà truyền-giáo cho tôi biết rằng ở Sarawak người ta có thể mua thuốc phiện cũng dễ dàng như ta mua thuốc cảm aspirine vậy.

Kung-sing lưu ý tấn-công một cách đặc-biệt những Hoa-kiều hiện đang giúp việc cho những cơ-quan của chính-phủ Mỹ. Gần đây một người bạn quen với tôi lâu năm cho biết về một cuộc gặp gỡ giữa ông và người cán-bộ *Kung-sing*. Tôi tạm gọi người bạn đó là Linh. Trước đây Linh là một thông-dịch-viên cao-cấp đã làm việc trong sứ-quán Huê-kỳ tại Trung-hoa lâu năm. Năm 1950 Trung-cộng định giao cho ông một công-tác có nhiều trách-nhiệm, nhưng ông từ-chối và cải trang làm một người đánh cá, trốn từ Thượng-Hải sang Hương-Cảng. Linh có một người anh ruột, nhưng hai anh em mất liên-lạc từ khi Linh trốn sang Hương-Cảng. Nhưng mùa hè năm ngoái người anh của Linh bỗng nhiên xuất-hiện tại Hương-Cảng và bảo Linh :

« Đây chú, tôi có tin mừng báo cho chú biết. Chính-phủ nhân-dân đã cho phép tôi được tha lỗi cho chú. Đề cho chú có dịp lấy công chuộc-tội, chúng tôi chỉ yêu-cầu chú có một điều là chú cộng-tác với

chúng tôi và cho chúng tôi những tài-liệu của tòa lãnh-sự-quán Huê-kỳ và những cơ-quan thông-tin Huê-kỳ. Chúng tôi sẽ trả tiền chú rất hậu, và đến khi chúng tôi thấu-hỏi Hương-Cảng, thì chú sẽ được an-toàn khỏi phải lo lắng gì hết. »

Người bạn của tôi đã có can-đảm từ-chối. Nhưng ông nói thêm : « Nhưng tôi chỉ là một trong số bao nhiêu nhân-viên làm việc ở đây. Nếu họ đã tìm cách mua chuộc tôi, thì họ cũng có thể tìm cách mua chuộc những người khác. Làm sao mà biết ai là người bị bọn Cộng-sản mua chuộc được ? »

Ở nơi nào cũng vậy, trong số nhân-viên một cơ-quan Hoa-kỳ, một tờ báo, trong một ngân-hàng, trong số đoàn-viên một công-đoàn hoặc trong số học-sinh trong một trường học, *Kung-sing* đều tìm cách khéo-léo đề reo-rắc mằm mầu-thuần và ngờ-vực. Người đã được Cộng-sản đến tìm gặp thương-lượng thì sẽ nghĩ-ngợi tự hỏi không biết ai cũng đã được chúng đến thăm nom gặt gẫm. Hơn nữa, chính-sách của Tây-phương cứ thất-bại hoài, nên tại các nước Đông-Nam-Á các Hoa-kiều Hải-ngoại lo ngại ; càng ngày càng nhiều Hoa-kiều tin-tưởng rằng Trung-cộng sẽ thắng cuộc ở Á-châu. Thêm vào đó, có nhiều Hoa-kiều ở Hải-ngoại có những bà con thân-thuộc ở lục-địa có thể bị Trung-cộng giữ làm con tin.

Tôi cảm-thông với những Hoa-kiều này, ngay cả đối với những người như anh em họ Lee đã nghe theo Trung-cộng đề-bảo-vệ tờ báo, những đồn-diễn cao-su, và ngay cả đời-sống của họ nữa. Theo họ thì chỉ có cách « cộng-tác » với Trung-cộng là có thể bảo-vệ được tài-sản và tính-mạng của họ mà thôi.

Thực ra những Hoa-kiều ở hải-ngoại

chỉ có thể trung-thành tin-tưởng ở Trung-hoa Tự-do khi tại Đài-loan vẫn còn hình-thức một chính-phủ. Nhưng họ cần được tin-tưởng rằng Trung-hoa Tự-do sẽ còn vững mãi, và họ cần nhận được những tin-tức về Trung-hoa Tự-do. Tôi cứ băn-khoăn tự hỏi hoài tại sao ở Đông-Nam-Á, Mỹ-quốc lại không tích cực hoạt-dộng hơn để những Hoa-kiều ở hải-ngoại bớt nỗi băn-khoăn lo sợ về tương-lai? Nếu Trung-cộng có thể kiểm-soát được những báo chí bằng cách dọa dẫm và mua chuộc, thì tại sao Mỹ-quốc lại không tìm cách viện-trợ những nhật báo chống Cộng ở Vọng-Các, Tân-gia-Ba, Rangoon? Trung-cộng tốn hàng triệu-bạc để làm những cuốn phim thực tại có giá trị, tại sao Mỹ lại không sản-xuất những phim giúp phản công lại *Kung-sing*.

Đến nay nếu ta không tích-cực hành-dộng chống lại những âm-mưu của *Kung-sing* không phải là tại ta không có tiền hoặc không có nhân-viên. Ở khắp các nước Đông-Nam-Á, Mỹ-quốc đều có những cơ-quan, thông-tin có thư-viện phòng chiếu bóng và cho mượn phim, chương-trình phát-thanh và văn-hóa. Nhưng khắp cả

trong vùng Đông-Nam-Á tôi chưa hề gặp một nhà lãnh-tự Hoa-kiều nào nói cho tôi biết rằng Mỹ thực-sự hoạt-dộng chống lại những âm-mưu của Cộng-sản. Đáng lẽ phải có một chương-trình phản-công *Kung-sing* bằng cách một mặt thì vạch những âm-mưu của Cộng-sản và một mặt thì làm cho những Hoa-kiều ở hải-ngoại an-tâm, thì những chương-trình thông-tin của Mỹ lại chỉ nhấn mạnh đến đời sống ở Hoa-kỳ. Để phê-phán một cách công bằng, tôi phải thêm rằng lỗi đó không ở những nhân-viên làm việc tại địa-phương, mà chính là ở những nhà chuyên-viên bên Mỹ đã không nhận thức được mối nguy cơ trong chương-trình lạng lẽ tấn-công của Cộng-sản.

Chúng ta trong khối các nước dân-chủ cần phải nhận thức địa-vị ưu-thế của những Hoa-kiều tại các nước Đông-Nam-Á và vai-trò trọng yếu của họ trong sự quyết-định số-phận của gần 160 triệu dân của những nguồn nguyên-liệu thiết yếu và của những căn-cứ quân-sự quan-trọng. Vì lợi ích riêng của chúng ta, chúng ta cần đặt ngay kế-hoạch hoạt-dộng để chống lại với kế-hoạch của *Kung-sing*.

ĐỖ-TRỌNG-CHU dịch.

Không gì giỏi bằng hay bàn, không gì yên bằng hay nhẫn, không gì hơn người bằng có đức, không gì sướng thân bằng làm lành.

HOÀNG-THẠCH-CÔNG

Chính mình chẳng kiểm-chế nổi mình mà cứ muốn cải-đáp người thì thật là ngu.

KHUYẾT-DANH

SỬ-GIA TÀU ĐỐI VỚI BÀ TRIỆU

NHỮNG quyền-sử hay bài học về sử-ký nước nhà viết bằng chữ quốc-ngữ, phần lớn đều lấy tài liệu trong những bộ sử viết bằng chữ Hán của các bậc tiền bối. Những bậc này lại căn cứ vào những quyền-sử do người Tàu viết. Mà như ta biết, người Tàu có hơn một cơ đề chẳng viết đúng hoàn-toàn sự thật, hay đề mĩa mai ngạo báng cái dân tộc bé nhỏ, mà họ nuôi mãi chẳng vô cho. Đó là ta chưa kể những kẻ viết sử đề bôi lọ ông cha mình như hạng Lê-Tắc.

Ta từng thấy họ cho hai bà Trưng bị Mã-Viên bắt sống, quỳ lạy kẻ thù chiến thắng, khóc xin tha mạng sống, với bất cứ giá nào, dù phải làm tì thiếp đề nâng bàn tay đầm máu người đại thù của dân-tộc; và tự nhiên vẫn theo họ — lão-tướng họ Mã chẳng thèm đếm xỉa đến lời cầu xin nọ, đem hai kẻ tù binh về cho vua Hán hành hình; và — cũng vẫn theo họ — trước đền thờ Mã-Viên, có tượng hai « con mẹ phiến-loạn Giao-chi » trong cử chỉ cầu xin đề ghi công bình-định quận này.

Đối với hai bà Trưng, ngọn bút

xuyên tạc và kiêu-căng quá đời của họ đã hạ những lời như thế, còn đối với bà Triệu?

Các chú « con Trời ấy chỉ biết có cái họ, và mặc dầu người anh thư dám chống họ mới có 23 tuổi đầu, họ cũng cho là con mụ già, con mụ già họ Triệu; Triệu-Âu.

Và ta hãy nghe thi-nhân nước ta làm thơ ca ngợi bà..., bà...:

TRIỆU-ÂU

*Cao một trượng, cả mười ôm,
Bỏ tóc ngang lưng, vú chấm sừng.
Hợp chúng rừng xanh, oai náo nức,
Cười đầu voi trắng, tiếng vang lừng.
Mác dài trở vẩy tan đàn giặc,
Ngột cả lăm le học họ Trưng.
Vi có anh hùng duyên định mẩy,
Thờ chi Đông-Hán dám lung-lăng,
(Thơ vịnh sử đời Hồng-Đức)*

Nguyễn-văn-Tổ diễn ra văn xuôi bài thơ làm hậu bán thế kỷ XV:

« Người ngài cao một trượng », lưng lớn mười ôm. Tóc ngài bỏ xuống ngang lưng, vú chấm sừng Hợp quần chúng ở chốn rừng xanh, oai-thanh náo-nức. Ngài cười

đầu voi trắng tiếng dậy vang lưng. Cầm ngọn giáo dài, khi trở khi vẫy mà tan dần giặc, Cũng toan bắt chước bà Trưng, dẹp loạn giúp dân, rồi lên ngôi báu. Vì có người anh-hùng định-duyên đôi-lửa thì làm gì Đông-Hán dám lung-lãng ?

Sử chữ Nho cũng chép bà Triệu « vú dài ba thước » (Đại-Việt sử, Khâm-định Việt-sử).

Câu « bỏ tóc ngang lưng, vú chấm sừng » hình dung bà Triệu ngồi đầu voi, vú chấm xuống đến ngà voi ».

Và cái ông « đồ Nho trong lốt đồ Tây » ấy, nhà khảo-cổ có uy-tín. Ưng-Hoè Nguyễn-văn-Tổ, lạnh-lùng chẳng có gì thêm.

Gọi là con mụ già họ Triệu, dường như chưa đủ, các ông viết sử Tàu còn tạo một người quái dị. Thôi bỏ qua bên những cái « mình cao một trượng, lưng lớn mười ôm », chỉ cái « vú dài ba thước » : đành rằng đó là ba thước Tàu, ba thước mộc, độ 1m20, nhưng bao nhiêu đó cũng đủ cho ta vì ngạc nhiên — và hoảng hốt cũng nên — cái « dị kỳ tướng » ấy, mà quên nghĩa khí của người nữ-nhi cân-quắc. Trí tưởng-tượng của sử gia Tàu quả là quá giàu thật : đến nay khoa sinh-dục học chưa từng gặp một ca đặc-biệt như thế. Rồi thì nào khi ra trận, vút vú lên vai. Khi lại bỏ lồng-thồng xuống tới ngà voi.

Một mảnh-khoé trẻ con : đặt điều đề diễu-cợt một hình ảnh mà kẻ khác tôn-thờ, một linh-ảnh mà mình chẳng ưa, ghét hay sợ.

Người xưa vô tình mắc phải hiềm ấy, chẳng nói làm gì. Chúng ta không phiền mấy, khi biết các thi-nhân đời Hồng-Đức, ở hậu thế kỷ XV nói đến « vú chấm sừng ».

Chúng ta không khó chịu nhiều khi, bốn thế kỷ sau, Lê-Ngô-Cát và Phạm-Đình-Toái thời Tự-Đức, nhắc lại :

« Vú dài ba thước »

BÀ TRIỆU-ÀU ĐÁNH NGÔ

*Bình qua trải bấy nhiều ngày,
Mới sai Lục-Dân sang thay phiên
thần.*

*Anh-hùng chán mặt phong-thân
Nữ-nhi lại cũng có lần cung đao.
Cửu-chân có ở Triệu - Kiều,
Và dài ba thước tài cao muôn ngời.
Gặp cơn thảo muối cơ trời
Đem thân bỏ-liều theo loài bồng-tang.
Đầu voi phất ngọn cờ vàng
Sơn, thôn mấy cõi chiến-trường
xông-pha.*

*Chông gai một cuộc quan - hà,
Dù cho chiến tử còn là hiền linh.
(Đại-nam quốc-sử diễn ca)*

Nhưng đến người đồng thời với chúng ta, sống giữa đời khoa học này, mà còn lại « ba thước vú » thì chúng ta mới bức tức đến đâu.

Ta hãy nghe Tản-Đà.

VỊNH BÀ TRIỆU

*Mê-linh khuất bóng gái còn ai ?
Bà Triệu nhà ta cũng đáng tài.
Vùng vẫy non sông ba thước vú,
Xông-pha tên đạn một đầu voi
Duyên trần chẳng chút tơ vương mối,
Nợ nước riêng mình gánh nặng vai.
Thua được cũng cho Ngô biết mặt,
Lâm-sơn còn có gái tài trai. (1)
Và Dương-Bá-Trạc :*

VỊNH TRIỆU-ÀU.

*Khi thiêng Lô, Tản đức nên người,
Chẳng những trai hay gái cũng t. t.
Vùng vẫy non sông ba thước vú,
Xông pha tên đạn một đầu voi.
Thằng Ngô gan thô kình gấn rưng,
Cửa tướng con dòng địch chẳng sai.
Thua được sự thương chi sá kể,*

(1) Trích « Tân-trà vận-văn » của Nguyễn-Khắc-Hiến.

Nữ nhi di-quốc tiếng muôn đời. (2).

Đương-Quảng-Hàm chú thích : Sử chép rằng vú bà dài tới ba thước.

Và nhà mô phạm chân-chính ấy chỉ chú thích có bao nhiêu thôi. Không cho ta biết cả sự « gặp gỡ lạ lùng » của hai nhà thơ ở hai câu thực :

Đã có hai thì xin thêm một cho đủ ba vậy.

TRIỆU-BÀ-VƯƠNG

Bà Triệu-Âu quê miền Thanh-hóa,

Theo tục truyền tưởng lạ hơn ai.

Gặp cơn thao-muội cơ trời,

Nước nhà thua ấy thuộc người
Đông-Ngô.

Bọn quan lại tham-ô sẵn lối,

Dân ta khôn xiết nổi đóa đây.

Căm hờn bà Triệu ra tay,

Cùng anh Quốc-Đạt đem ngày chiêu-binh.

Khắp một dãy rừng-xanh Nông-Cống.

Hết thầy đều theo bóng, nghe vang.

Đầu voi chỉ ngọn cờ nàng,

«Oai danh» Lê-Hát-Bà-Vương vang
lừng.

«Chống hồ dễ, chống cùng Bà khó» :

Quân Đông-Ngô đã có lời răn,

Khí thiêng khi đã về thần,

Núi Bô còn tiếng «Tướng quân
Nụy-Kiều».

ĐINH-GIA-THUYẾT

Phần chú thích, tác-giả ghi : tục truyền bà Triệu vú dài ba thước. Cũng vẫn vết xe xưa. Nhưng cũng may mà tác-giả giải : «Tướng quân Nụy-kiều» : Nghĩa là quan tướng mềm mại, xinh đẹp. Đó cũng là danh hiệu của tướng sĩ gọi bà Triệu. Người Tàu cho bà là con mụ già xấu xí họ Triệu ; tướng sĩ thì gọi bà là « người tướng mềm mại, xinh đẹp ». Chẳng lẽ ta bỏ Phật nhà mà thờ Phật ngoài đường ?

Đến nhà học-giữ thận-trọng quá cổ

Trần-trọng-Kim chiều lần sửa lại cuốn « Việt-nam sử lược » của mình, mà người ta vẫn thấy ông dễ nguyền hai tiếng Triệu-Âu. Chúng ta mong rằng trong kỳ in lại s u này, người thay mặt cụ hoặc nhà xuất bản Tân-Việt sẽ bỏ tiếng « Âu » không tốt đẹp ấy đi. Nhất là dù có lắm kẻ quá lời công-kích cuốn sách nói trên, tới bây giờ nó vẫn còn làm nòng cốt cho những cuốn sử viết sau nó, nó vẫn còn là kho tài liệu đầy đủ nhất cho những ai muốn tìm hiểu lịch-sử nước nhà.

Chúng ta mong ở các nhà viết sử, chúng ta lại cũng mong nhà giáo khi giảng dạy, cực lực đánh đổ cái « hiện tượng » vú dài ba thước và cái tên « Âu » mà sử gia Tàu có ác ý gán cho bậc anh thư của dân-tộc.

Tưởng rằng chúng ta nên theo ông Lê-văn-Hòe, trong quyển « quốc sử địa-hoa » xuất bản năm 1941, xác nhận tên bà Triệu là Triệu-thị-Chính (3) căn cứ vào « Việt sử đại toàn » và « Khâm định Việt sử ». Bằng không đi nữa chúng ta gọi bà là bà Triệu, thì cũng chẳng thê lộn lăm với một ai.

Còn cứ gọi là Triệu-Âu,— con mụ già họ Triệu,— thì quả chúng ta cứ chịu mắc mãi cái cạm bẫy trẻ con do các sử gia Tàu gài mà cũng là khinh miệt người anh thư của nòi giống, là chà dưới chân một hình ảnh thanh-cao, trong trắng vào bậc nhất của đất nước.

Người Việt nào xứng đáng với tên nỡ nào làm thế ?

TRẦN-LONG-HUNG

và

NGUYỄN-HỮU-NGU

(2) Trích « Quốc-văn trích-diễn của Đương-Quảng-Hàm.

(3) Vài nhà báo cho tên bà là Triệu-Trích-Nương, nhưng không nói đã căn cứ vào đâu. Ta cũng nên đề ý chữ NƯƠNG có nghĩa là nàng, nương. Vậy tên bà Triệu rất có thể là hai tiếng đồng âm Thích hay Trích.

NĂM CÔNG TRÌNH — NĂM MÀU SẮC

1.— BỘ LỊCH-SỬ VIỆT-NAM

do PHẠM-HOÀN-MỸ và một nhóm giáo-sư biên-soạn, cho học-sinh ban Trung-học và các bạn tự-học, viết theo phương-pháp mới nhất, mà tiêu ngữ sau đây nêu cao : « *Tung 1.000 pho sử, Soạn 1.000 quyển sử, Không bằng làm một ngày lịch-sử.* »

Quyển I (lớp Đệ-thất giá 35\$), quyển II (lớp Đệ-lục sẽ phát-hành) quyển III (lớp Đệ-ngũ) và quyển IV (lớp Đệ-tứ đang in). Soạn với mục-dịch : « *Thành và Kinh dân những NGƯỜI đã chết và đang chết, đã khổ và đang khổ để nước Việt được TRƯỜNG-TỒN, nòi Việt được VINH-QUANG.* »

Mỗi quyển đều có một bài hát lịch-sử làm phụ-bản.

2.— THỜ-NGÔI ĐỒNG-NAI

(ca-dao địa-phương Nam-Việt)

do BÌNH-NGUYỄN-LỘC sưu-tầm và chú-thích. Tinh-hoa dân-tộc phát-tiết sau 300 năm định-cư ở miền Nam.

— Những hạt châu địa-phương xâu vào cho đầy thêm vòng chuỗi dân-ca toàn-quốc.

3.— TÌM HIỂU VĂN-ĐỀ LUÂN-LÝ

của HÀO-NGUYỄN, NGUYỄN-HÓA

- Một văn-đề cực kỳ thiết-thân với mọi người và thường bị nhãng quên.
- Một văn-đề triết-học trình-bày một cách dễ hiểu và hấp-dẫn.
- Một quyển sách mà mọi người, nhất là học-sinh ban Triết-học nên đọc.

4.— HỘI-HỌA PHỔ-THÔNG

của họa-sĩ TỪ-QUYỀN, giáo-sư môn Hội-họa các trường Tân-Thịnh, Tân-Thanh, Phan-Quốc-Quân, Chu-Mạnh-Trinh.

Một cuốn sách mà học-sinh cũng như các phụ-huynh, các giáo-sư cần phải có để thấy : vẽ rất dễ, vẽ rất cần, rất thú, rất ích-lợi.

Phần lý-thuyết gọn và đủ, phần thực-hành rất nhiều, rất linh-động, soạn đúng theo chương-trình bộ Giáo-dục.

Phương-pháp tân-tiến và giản-dị.

Quyển II : ban Trung-học.

— I : ban Tiểu-học.

5.— « CHIỀU HỒN »

« *Tiểu thay duyên Tấn phạn Tần* » của NGUYỄN-DU

do BÌNH-NGUYỄN-LỘC và NGUYỄN-NGUY-Ý chú-giải, tóm tắt, lược bình, kèm thêm Phụ-lục phong-phú.

— Một công-trình nghiên-cứu mà sáng-tạo, bác lỗi làm việc cùng các ý-kiến của : Phan-Văn-Hùm, Trần-Thanh-Mại, Hoàng-Xuân-Hân và đưa một đề-nghị mà bộ Giáo-dục chẳng thể bỏ qua.

Nhà xuất-bản TÂN-VIỆT

235, Phan-Thanh-Giản (Legrand de la Liraye cũ) Saigon.

THỰC-CHẤT CỦA VĂN-NGHỆ HỌC-SINH

TRONG-VĂN

CƠ-SỞ và nền-tảng để tạo thành văn-ngệ học-sinh là đời sống học-sinh. Tính-chất của học-sinh phải được thể-hiện rõ-ràng và đầy-đủ vào sáng-tác của tất cả học-sinh làm văn-ngệ.

Toàn-thể chúng ta đều có nhiệm-vụ phát-huy và làm sống dậy tiếng nói học-sinh bằng văn-ngệ. Đời sống học-sinh là kho tài-liệu dồi-dào để chúng ta khai-thác, rút lấy những tinh-t túy chứa đựng trong đó. Những người hưởng-thụ văn-ngệ đang mong chờ ở chúng ta — những tiếng nói truyền-cảm sâu đậm và mạnh-mẽ sẽ nói lên sắc-thái của học-sinh. Vì chính ta đang ở vào tuổi đó, có thể hiểu rõ ràng hơn ai hết. Mặc dù những người đã đi trước cũng qua thời-kỳ đó, có thể nhận-xét tinh-vi hơn nhưng không thể hiểu rõ tâm-tư của từng học-sinh. Tùy mỗi giai-đoạn của cuộc sống, chúng ta đều có thể ghi nhận bản-sắc tế-thị của nó. Tùy sự hưởng-thụ nghệ-phẩm thiên-nhiên đã in trên mỗi người, chúng ta đều có thể hái được những bông hoa quý-giá óng-mượt để tô-điểm thêm vào vườn hoa văn-ngệ dân-tộc, hay là những âm-thanh khép kín bé nhỏ, nhưng mãnh-liệt sẽ góp lại thành một bản trường-ca bát-ngát, chứa-đựng những ý-tình học-sinh tươi vui và sống-dộng. Những ý-niệm còn cô đọng lại trong tâm-tư mỗi người cần được cởi-mở và bồi-dưỡng để hiển-dâng cho thế-hệ một sự sáng-tạo dù sự sáng-tạo đó rất khó.

Văn-ngệ học-sinh đòi phải có học-sinh-tính; nếu mất cái cá-tính đặc-biệt của nó thì sẽ trở thành một thứ văn-ngệ giả-tạo và sẽ phai-

nhật dần-dần, không còn đủ sức để vươn lên theo trào-lưu tiến-hóa của văn-ngệ dân-tộc.

Vì tương-lai của văn-ngệ học-sinh, chúng tôi tha-thiết mong toàn-thể các bạn học-sinh yêu văn nghệ ý-thức rằng: trong công-cuộc phát-huy văn-ngệ học-sinh, toàn-thể chúng ta đều có nhiệm-vụ làm cho văn-ngệ học-sinh trường-tồn bằng cách chúng ta sáng-tác hướng về cuộc sống học-sinh nhiều hơn. Chúng ta sẽ ghi lại những dày-vò căm-go của ta và của những bạn đường chúng ta, vì mỗi học-sinh đều có một bản-sắc riêng, một tâm-tư riêng và một cá tính độc-đáo. Tâm-hồn của một học-sinh dồi-dào và phong-phú, nhiệt-thành và hăng-hải nhất. Sức vươn lên của học-sinh thật vô bờ. Các khía-cạnh của cuộc sinh-hoạt hằng ngày đều có những hình-thái lạ thường, tâm-tư mỗi ngày một khác, những khúc-mắc đau thương cần phải được cõi-mở để mọi người biết mà thông-cảm.

Xét theo nhiều khía-cạnh của cuộc sinh-hoạt học-sinh, chúng ta đều có thể ghi lại rõ-rệt những nét đặc-sắc nhất. Sau mỗi giai-đoạn, chúng ta thấy biến đổi khác. Vì bản-ngã con người muốn luôn luôn được đổi mới. Người ta sẽ sung-sướng được hưởng-thụ tất cả tươi vui và hồn-nhiên của tuổi trẻ đã thể-hiện vào sáng-tác. Cái thực-chất của văn-ngệ học-sinh, điều-kiện căn-bản là dựa vào đời sống học-sinh, những khía-cạnh của một cuộc sống được diễn-tả trọn-vẹn trong sáng-tác của chúng ta tức là chúng ta đã làm cho văn-ngệ đầy-đủ cái tính-chất của học-sinh dồi-dào và tế-nhị mãi. Với đường lối dựa trên đời sống học-sinh, chúng ta sáng-tác thì văn-ngệ sẽ trường-tồn. Như thế chúng ta là những người đi tiên-phong, tuy nhỏ hẹp, thầm-lặng nhưng sức truyền-cảm sâu-rộng vô bờ ở tương-lai, ở lớp người sau.

Văn-ngệ học-sinh có trường-tồn hay sẽ mai-một đi, còn tùy thuộc ở năng-lực sáng-tạo của học-sinh chúng ta có hướng về cuộc sống hay không, có dắt-dìu và nâng- đỡ nhau hay không — trên con đường dựng-xây một văn-ngệ học-sinh mới.

TRỌNG-VÂN

(Lớp IIIc 2)

« Một dân-tộc trầu rồi cuộc bao giờ cũng sanh ra một chánh-phủ chó sói ».

Bortrand de JOUVENEL

TRÁI TIM ĐÀU... ?

Thân kính tặng Hồ-Hải Lãng-Nhân, người đàn-anh đã cho tôi một « ý chí » để câu chuyện xưa này của dân Lạc-Hồng thêm phần chua xốt.

NGÀY xưa, có một nhà sư, sau bao năm tu hành khổ hạnh, quyết chí đến Tây-Phương tìm Phật-Tổ.

Người đi, chẳng quản nắng, mưa, sông, núi.

Người đi, coi thường đói, khát, rã, hùm.

Ngày kia, trời tối, sư tới bìa một đám rừng sâu. Bên đường mòn, lơ trôi một túp lều tranh. Sư lên tiếng. Cánh cửa từ từ mở. Đầu bạc một ông lão lộ ra.

Sư chưa kịp nói gì thì ông lão đã lắc đầu, xua tay : « Phiên sư mau đi chỗ khác, già có thằng con trai cực-kỳ hung-bạo. Nó chuyên-nghe giết người cướp của. Ngày nào nó không thấy máu là nó ăn cơm không được. Vô phước cho người lạ nào gặp nó lúc đó. Vậy phiên sư đi chỗ khác ».

Nhưng sư vẫn đứng đó, mỉm cười, để tay lên vai ông già. Và dịu-dàng, rất dịu-dàng, sư nói. Ông lão ban đầu ngáy người, rồi bỗng mắt nhấp nháy, niềm vui trên mặt già nua từ lâu vắng bóng vẻ tươi cười.



Khuya đến, tướng cướp về.

Hắn bực tức ra mặt : « Cha đừng dọn cơm chi. Con chẳng ăn đâu ». Ông lão hồi hộp. Bỗng hắn phồng mũi, rồi nhìn cha già đang cúi đầu, cười gằn : « Cha định giấu con à ? Có người lạ trong nhà, cha nói mau. Người đó bây giờ ở đâu ? »

— Người đó bây giờ đứng đây.

Tên tướng cướp quay lại. Nhà sư từ từ tiến đến, hai người cách nhau một cái bàn con. Tên cướp cau đôi

mây rậm, cặp mắt nầy lửa của thẳng khát máu chạm phải đôi mắt dịu hiền của kẻ coi thương cái chết.

Hắn rút chiếc dao găm sáng quắc đeo bên hông, phóng mạnh xuống mặt bàn. Lưỡi dao sáng kêu phập một tiếng, rung rìn rồi đứng thẳng. Đoạn hắn khoanh đôi tay lực-lưỡng trên cái ngực nở-nang đầy lông lá, hất hàm.

Người cha phải dựa vào cột nhà gần đấy, sợ hãi nhìn kẻ tu-hành sắp làm vật hy-sinh cho đứa con mình. Nhà sư vẫn ung-dung như chẳng có việc gì xảy ra và thông-thả khêu cao ngọn bắc. Gian nhà như sáng và ấm một cách lạ thường.

Sư đề bàn tay lên cán dao, rồi chạm rầy : « Mời tráng-sĩ ngồi ».

Lạ thay, tiếng nhà sư nhỏ nhẹ và êm-ái thế lại như có một sức mạnh gì không cưỡng lại được. Tên tướng cướp riu riu vàng lời. Ông lão thở dài nhẹ nhõm.

« Giờ bần tăng xin nói »...

Và túp lều tranh bấy lâu chỉ thấy những máu chảy dầu rơi, chỉ nghe toàn tiếng khóc than, toàn lời nguyên rủa. Nay bỗng trở nên một chốn tôn-nghiêm cho nhà sư thuyết-pháp.

Tên cướp ngồi iủ, cùi trỏ chống xuống bàn và tay đỡ lấy cái cầm đầy râu rậm rạp. Mắt mở to tròn, miệng há rộng ra, như muốn uống hết bao lời vàng ngọc chảy...

Bỗng hắn ôm lấy đầu, hai vai phập-phồng. Người cha quay mặt ra chùi hai giọt nước mắt.

Nhà sư vẫn nói, bắc đã lụn Từ bao giờ.

— Tội lỗi quá nhiều. Biết làm sao cho nhẹ bớt ?

— Tráng-sĩ chớ lo. Cửa Niết-Bàn vẫn mở rộng cho mọi người. Một đời lầm lỗi vì mù quáng, nhưng một khắc hối hận chân thành và quyết tâm vào con đường chánh cũng đủ đức Từ-bi tế-độ. Tráng-sĩ dầu có tội nặng đến đâu, mà bây giờ tráng-sĩ chân-thành dâng tâm cho Người thì mọi tội lỗi đều gọi sạch.

Tên cướp đứng phắt dậy :

— Sư nói sao ? chỉ chân-thành dâng tim cho Người ?

— Phải, chân-thành dâng tấm lòng biết hối cho Người là đủ. Tu tại...

Sư chưa dứt lời, thì tên cướp giựt phắt con dao, rồi rột rột rột tiếng người hấp hối phiêu phào :

— Trái tim... tôi... đây... Nhờ... sư... đem... dâng... cho Phật-Tổ.

Người cha hốt hoảng, vội thấp đèn, rú lên một tiếng thất-thanh, rồi chạy lại đỡ lấy đứa con, muốn xỉu. Một tay hắn đỡ lên ngực, còn một tay hắn cầm con tim nóng hổi đưa cho nhà sư. Nhà sư ngo-ngác lùi một bước, bàng-hoàng như người trong mộng.

Một người sắp qua thế-giới miệng khá còn mấp máy, nhưng chẳng ra lời ; Mắt người cha già đầm lệ van nài. Nhà sư run run, đưa bàn tay :

— Bàn tăng xin nhận.

Một vẻ mừng thoáng hiện gương mặt mét xanh, rồi người không tim ngã vào lòng người cha già đang thồn-thức.

Rồi một chiều kia, nhà sư qui trước đài sen Phật-Tổ.

Phật dạy :

« Người tìm ta, chẳng quản bao nắng, mưa, sông, núi coi thương cả đời, khát, rầu, hùm, tằm lòng thành của người đối với ta, ta xin chứng. Nhưng tiếc thay, lời hứa với ai kia, người không giữ trọn. Người không chịu nổi mùi thối tha của trái-tim người nhận và phải bỏ nó bên dòng suối nọ. Vậy ta cho người mượn lột chim, khá bay về chốn cũ kiếm trái tim ai, rồi một khi tìm kia người tìm được, thì cửa Niết-Bàn sẽ mở rộng đón người vào ».

Nhà sư cúi đầu...

Phật-Tổ bảo ; « Đây, người xem ».

Nhà sư ngừng đầu. Và ngó sững. Một lồng ngực mở phanh ra như thiếu một cái chi. Một bàn tay còn ướt máu mở xoè ra, như đòi lại vật gì.

Nhà sư rùng mình, nhắm mắt.

Phật lại dạy ; « Vì người một linh-hồn phải đứng lại ở ngưỡng cửa Niết-Bàn, và đứng đó cho đến

khi thành con người vẹn. Vậy ta cho người mượn lột chim, khá mau bay về chốn cũ để kiếm trái tim ai và một khi tìm kia người tìm được, thì cửa Niết-Bàn sẽ mở rộng đón hai người ».

Nhà sư lại cúi đầu.

Thế là bộ đồ da, biến thành lớp lông da rồi bìm-bịp vỗ cánh bay về chốn cũ kiếm trái tim ai, nhưng chốn cũ là đây, mà tìm ai sao chẳng thấy.



Cho đến nay biết bao phen nước triều lên, xuống, « Tội-nghiệp », biết bao phen cỏ héo, hoa cười... « Tội-nghiệp », mà bìm-bịp luống công bay nhẩy...

Không cụm rừng, không bãi biển, không bờ sông, mà chẳng nhận tiếng kêu than... « Tội-nghiệp, Tội-nghiệp ». Và mặt nước cứ làm thinh không đáp.

« Tội-nghiệp. Tội-nghiệp. Tội-nghiệp. Tội-nghiệp. »

C. NG. NGUỒN-TRINH

XIN PHỤ-HUYNH

HÃY TRẢ TỰ-DO CHO TRẺ EM

của NGUYỄN-TRUNG NHẤT

Trong « Bách-Khoa » số 1, ông Hoàng-minh-Tuynh có nêu lên vấn-đề « Nên để trẻ được tự-do hay nên nghiêm-khắc với trẻ ».

Ông Nguyễn-Trung-Nhất đã gửi cho chúng tôi bài « Xin phụ-huynh hãy trả lại tự-do cho trẻ em » để góp ý-kiến trong việc giáo-dục trẻ em.

Bách-Khoa thành-thật cảm ơn và mong chờ nhiều ý-kiến khác của các bạn đọc.

L. T. S.

Mấy ngàn năm tranh-dấu

NHƠN-DÂN thế-giới, đã mấy ngàn năm, không tiếc xương máu, không sợ những hình-phạt cực-kỳ ghê-gớm, tranh-dấu cho được tự-do. Trải qua bao nhiêu cuộc cách-mạng lẫm than, giá trị của mỗi người mới được công-nhận như ngày hôm nay.

Mới đây không đầy 100 năm, ba phần tư nhân-loại còn ở trong nô-lệ tối đen, phẩm giá con người không hơn của con vật. Ngày hôm nay, phần đông con người đã được tự-do căn-cứ trên giá trị của nhân-phẩm.

Nhưng Tự-do ấy có được củng-cố và duy-tri mãi chăng ?

Phải có người kế-nghiệp

Người kế-nghiệp ấy chính là Trẻ Em hôm nay, vì chúng là mầm giống của ngày mai vậy.

Người ta thường nói: « Thanh niên thế nào là tương-lai của nước thế ấy ». Vì rằng : Trẻ em mà còn bị áp-bức, chuyên-chế uốn-nắn theo phong-kiến, thì làm sao có những hạng thanh-niên có đầu óc tự-do để duy-tri tự-do ? Phải có người kế-nghiệp xứng-đáng mới mong gìn-giữ được kho tàng quý báu ấy.

Thế giới người lớn và thế-giới trẻ em.

Người lớn ở trong một thế-giới áp-cuế là vì xã-hội không được

lập trên giá-trị của nhơn-phẩm mà đã thiết-lập trên tiền-tài. Đã sanh ra làm người, thì nhơn-phẩm phải được tôn trọng như nhau, xã-hội sẽ không có sự chênh-lệch; nếu thiết-lập trên tiền-tài, thì tự nhiên có một số người chiếm-đoạt tiền-tài của kẻ khác, lợi-dụng chế-độ, áp-bức và phá hoại chung quanh mình để được ăn trên ngồi trước.

Còn trẻ em thì khác. Thế-giới nô-lệ của trẻ em, không phải tự trẻ em gây ra, mà do sự quen áp-bức, bóc-lột của những người lớn bị ung-đúc trong một chế-độ sai lầm. Trẻ em vì yếu đuối, bất-lực, phải chịu hết sự hình-phạt bất công, nhận hết những sự mà luật-lệ lấy sức mạnh bắt buộc chúng phải theo. Không ngờ rằng mỗi trẻ em có một mầm tự-do hoàn-toàn nảy-nở, dầu bị cưỡng-bức đến đâu cũng chưa chắc tiêu-diệt nó được. Cái mầm ấy đã sống-sót trong tâm óc những người đã chiến-đấu cho sự hạnh-phúc chung và nay đã thành-công vậy. Nền chi, thế-giới nô-lệ của trẻ em là vấn-đề tự-giác, tự-nguyện của phụ-huynh: nếu trẻ em sống trong vòng áp-bức thì làm sao nảy nở với một tâm-hồn tự-do?

Vài thăm-kịch của trẻ em

Trẻ em sanh ra yếu-ớt và bất-lực. Ta có thể hành-hạ chúng nó, mà chúng nó không thể chống-cự lại: vì ta mạnh hơn. Ta thường không thêm luận-giả với chúng nó, mà ta ỷ sức mạnh bắt-buộc chúng nó phải vâng lời, chịu nhận tất cả

luật-lệ độc-đoán của ta đặt ra cho chúng nó.

Nhiều gia-đình bắt trẻ em lên 2, 3 ăn theo đồ ăn của người lớn đầy cả tỏi, hành, ớt mà lưỡi non của chúng chưa chịu nổi mùi the cay. Nếu chúng không ăn thì rầy la đánh đập, đồ tội là khó dễ. Có nhiều nhà bữa ăn nào cũng la hét bắt-buộc trẻ em ăn đầy một đĩa súp mà chúng nó không ưa. Nếu không ăn thì bị đánh. Trẻ em có rủi đồ bề vật gì, thì nào là mắng nhiếc, nào là lấy ngón tay ấn mạnh vào đầu với những tiếng cộc-cằn làm cho chúng bị nhục-nhã tận đáy lòng! Người lớn thường hay trêu ghẹo trẻ em như trêu ghẹo một con thú, hoặc lấy kim dọa may miệng đứa bé cho nó khóc rống lên, hoặc dùng cây chọc vào đầu vào cổ, vào nách đứa bé khi nó đang chơi, hoặc chọc tức nó bằng lời nói nghịch để nó trả lời không được mà phải tức, oà ra khóc! Chúng em khóc thì người lớn phá ra cười, như người vừa thắng trận!

Bởi bị yếu-đuối, và bị áp-chế nên trẻ em đứa nào cũng ham mau to chóng lớn, để thoát vòng áp-bức của chúng ta, sớm ngày nào hay ngày nấy. Chúng thoát ly được chúng ta, chúng nó đã chẳng coi chúng ta là bạn thân, mà là kẻ nghịch thù. Khi làm dâu thì bị mẹ chồng khắc bạc; khi làm được mẹ chồng thì khắc bạc lại nàng dâu như sanh ở trong vòng luẩn-quẩn. Vậy ta phải bứt vòng luẩn-quẩn, trả lại tự-do cho trẻ em

thì mới có ngày tươi-sáng và những khối-óc tự-do ấy sẽ duy-tri được tự-do của chúng ta thâu-hoạch được.

Một câu chuyện xưa.

Trong Cổ-văn, có nói đến Quách-thác-Đà, một thợ vườn có tiếng. Cây nào của Thác-đà đều sống, bứng ở đâu xa về trồng cũng sống cả. Chẳng những như thế mà thôi, cây lại còn mạch mầu, hoa nhiều, quả sai và sớm nữa. Nhiều người đến rình xem bắt chước, nhưng chẳng ai trồng được như Thác-đà cả. Người ta nghĩ, hỏi Thác-đà có thuật gì. Thác-đà trả lời : « Tôi chẳng khiến được cây sống lâu hoặc sai trái, tôi chỉ thuận theo thiên-tính của cây để cho nó đạt đến cuối-cùng của nó mà thôi. Phàm tính của cây trồng thì gốc nó muốn nở ra, rễ nó muốn được thẳng ra, nên đất phải cũ, lỗ trồng phải sâu. Sau đó đừng động đến nữa và đừng lo gì nữa, đừng nhìn gì nữa. Còn người khác thì không thế, đất thì không đào, trồng cây với rễ cuốn lại như nắm. Rồi buổi sớm thì nhìn, buổi chiều thì lắc coi rễ, mọc được hay chưa, cạo da cây để cho biết tươi hay khô. Như thế thì tính tự-nhiên của cây càng ngày càng mất. Tuy nói là yên chờ kỳ thực là hại ; tuy nói là lo chờ kỳ thực là thù. Bởi vậy họ không như tôi, còn tôi, tôi có làm được việc gì đâu ? »

Đang lớn,

một tâm-hồn đang phát-triển

Trẻ em lớn lên không phải tại nhờ ăn uống, nhờ thở ; trẻ em lớn lên được là vì mầm sống ẩn trong con người nó đang hoạt-dộng

để nảy nở lên. Một hột nà nà thành được cây me cũng nhờ cái mầm ấy, nếu không có mầm đó, dầu ta có nuôi nấng bổ dưỡng hột me cũng không sao lớn lên được. *Hoàn cảnh có thể giúp hoặc ngăn sự phát-triển của thân-thể như của tâm-hồn, chứ không thể nào tạo ra được sự gì hoặc phát-triển được việc gì cả.*

Tâm-hồn của trẻ em phát đạt, không phải nhờ ta uốn-nắn theo ý muốn của ta, bó-buộc chúng nó trong khuôn-khò của ta ; trẻ em phát-đạt được là vì mãnh-lực tiềm tàng trong tâm-hồn chúng nó có sẵn, như cái mầm sống đã có sẵn, như cái mầm sống đã có sẵn trong thân-thể chúng nó vậy. Người cha hay mẹ hoặc những người lớn chung quanh đứa bé chỉ có bổn-phận giúp-đỡ, bảo-hộ, chứ không trói buộc hoặc phạm đến phẩm-cách của con người còn tiềm-tàng trong trẻ em để chúng nó chọn tự-do, như người lớn muốn được tự-do hoàn-toàn trong tư-tưởng mình.

Một chỉ-trích.

Nhiều người chỉ-trích : Nếu để trẻ em hoàn-toàn tự-do hành-dộng, thì còn đâu là trật-tự trong nhà, còn đâu là sự nghe lời trong giáo-huấn, nói tóm lại là không còn gì kỷ-luật nữa ? Một đứa trẻ em có kỷ-luật không phải ngồi làm thinh không dám hoạt-dộng, sợ sệt không dám tư-tưởng một mình. Đứa em như thế là đứa bị bại ở thân-thể như ở tâm-thần.

Đứa em nào không bị trói buộc, không bị áp-chế, cưỡng bức, trái

lại được giúp đỡ và bảo hộ, thiên-tính nảy-nở hoàn-toàn, rồi thì mọi hành-hộng hoặc tự-tưởng tự-nhiên đúng với kỷ-luật thiên-nhiên. Một cành cây, một cái lá, một búp hoa có theo kỷ-luật của ai đâu mà mọc một cách xinh-xẻo, nở một cách hoàn-toàn tươi đẹp !

Một gương sáng.

Quan-niệm «thương con phải cho roi cho vọt » thật là thịnh hành từ Tây chi Đông, nhất là ở Đông-phương, trừ ra Nhật-bản. Ở xứ này, theo phong-tục cổ truyền từ lâu lắm không có một bàn tay nào dơ lên để đánh đập trẻ thơ. Họ nói với trẻ con những câu có khuôn phép lễ-độ nhất ; trên bàn ăn, họ dọn cho trẻ em trước nhất và với đồ ăn ngon nhất. Họ không khi nào mắng trẻ con : « Mày ăn cắp, tao đánh chết giờ » mà giảng cho trẻ em nghe hiểu rằng : Sự ăn cắp

là trái với luật điều hòa của tạo-hóa. Ở nhà, họ để trẻ em tự-do hoàn-toàn, ở trường cũng thế, thầy giáo giỏi, có kinh-nghiệm nhiều nhất sẽ phụ-trách trẻ em nhỏ mới vào trường.

Nhưng trẻ em Nhật - bản thật là ngoan-ngoãn, trật-tự và vâng-lời. Người ta thường nói : Nhật-bản là thiên-dàng của trẻ em, và trong thế-giới không trẻ em nào ngoan và trật-tự bằng ! ». Nhưng tiếc thay, đến 16 tuổi thì tất cả em trai và em gái đều phải bị uốn-nắn theo khuôn-khổ quân-phiệt, nên bao nhiêu thành tích được thâu hoạch khi còn trẻ đều tan mất !

Vậy nên, ước-mong phụ-huynh trên thế-giới vì tự-do chung cho nhơn-loại, hãy tháo bỏ xiềng-xích áp-bức trẻ em, để cho chúng nó được tự-do hoàn-toàn, thì cơ hần thế-giới này mới giữ vững được tự-do mãi mãi.

Cung - chúc Tân - Xuân

BAN TRỊ-SỰ VÀ HỘI-VIÊN
HỘI VĂN-HÓA BÌNH-DÂN

CỦA NGƯỜI PHỤ-NỮ VIỆT-NAM

NỀN Nhân-lý cũng như phong-tục, tập-quán là sản-phẩm của chế-độ xã-hội. Thế nên nó không phải bất di bất-dịch mà nó thay đổi theo thời-gian và không-gian.

Luân-lý dưới thời phong-kiến cho rằng tam-tòng tứ-đức là khuôn vàng thước ngọc đối với người Phụ - nữ Việt - Nam. Ngày nay nhiều bạn Nam-giới cũng như Nữ-giới thường đặt câu hỏi : « Tam-tòng tứ-đức nên giữ hay nên bỏ ? » Câu hỏi ấy cũng được đa-số trả lời là « tam-tòng thì nên bỏ vì nó làm mất cả phẩm-giá và tự-do của người phụ-nữ, nhưng tứ-đức thì không nên bỏ. »

Người phụ-nữ cần có tứ-đức là : công, dung, ngôn, hạnh. Điều đó rất đúng. Nhưng theo ý chúng tôi, sống mỗi ngày một thay đổi, người ta mỗi ngày một tiến-bộ ; vậy nên công, dung, ngôn, hạnh, tuy căn-bản vẫn như xưa, nhưng nội-dung

của mỗi chữ có phần nào biến-chuyển.

CÔNG : Xưa kia, công là lo công việc trong nhà như may vá, thêu thùa, nấu nướng, tô - điểm cho gia-đình thêm vui. Ngày nay ngoài việc gia-đình, công còn có nghĩa là mỗi người phụ-nữ phải có một nghề lương-thiện để tự nuôi mình và nuôi gia-đình mình. Lúc bình thường, chị em góp sức với chồng làm cho quỹ gia - đình dồi dào hơn, mức sống được nâng cao hơn. Khi gặp hoàn-cảnh khó-khăn, chị em không tới nỗi bối-rối. Có một nghề, chị em thấy đỡ chật-vật lúc chồng đau không đi làm được, bớt cho-vợ khi không may chồng chết để lại con thơ. Chị em lại có thể đảm-đương tất cả trong gia-đình, cho chồng rảnh-rang lo việc nước khi quốc-gia hữu sự. Thật ra, chị em công-nhân, nông-dân, lao-động, đa-số có nghề-nghiep và tự tay các chị em

đã giúp chồng nuôi sống gia - đình. Nhưng còn biết bao nhiêu chị em khác đang sống ý-lại vào chồng. Đó là một trở-ngại lớn trong việc giải-phóng phụ-nữ.

Công không phải chỉ có một nghề nuôi sống mà thôi ; chị em còn phải rèn-luyện cho nghề mình mỗi ngày một thêm tinh-xảo. Ngoài ra, Công còn có nghĩa là lo công việc xã-hội và việc quốc-gia. Lo cho mình, ta cũng nghĩ đến những kẻ mồ-côi nghèo khổ. Bản thân chịu đau đớn lúc sanh đẻ, ta phải nhớ đến chị em nghèo sanh trong cảnh thiếu hụt, ốm đau. Đó là chưa nói đến trong tương-lai, việc kiến-thiết nước nhà phải cần rất nhiều bàn tay phụ nữ trong các ngành kỹ-nghệ, thương-mại v.v...

DUNC : Dung là sắc đẹp, cái đẹp xưa kia yều-diệu thướt-tha, như liễu-yếu đào tơ không còn hợp thời nữa. Nhưng cái đẹp sống sượng, lỏa-lồ, có tánh-cách ngoại-lai, phản-bội cái phong - thái kín - đáo, dịu-dàng của người phụ - nữ phương-đông, cũng cần phải bài trừ. Chúng ta phải cổ-động bỏ lối ăn mặc kêu gọi để giữ phẩm-cách cao quý của người đàn bà biết trọng mình, trọng người. Người phụ-nữ Việt-Nam ngày nay không phải là món đồ chơi của người đàn ông, cũng không-phải phục tùng đàn ông vô điều kiện, thì quan-niệm đẹp của ta cũng có phần đổi khác. Chị em ta nên thích một cái đẹp khỏe mạnh, trong sạch, kín đáo, nó làm cho người trông « càng ngấm càng trọng, càng nhìn càng ưa », mà

tuyệt nhiên không dám có một tư-tưởng xấu xa. Cái đẹp lại cần phải tự-nhiên, đơn-giản. Không phải trang điểm quá lố, ăn mặc lòe-loẹt mới là đẹp. Son phấn dùng vừa phải, phơn-phớt làm nét mặt chị em thẩm-tươi, dịu dàng dễ coi. Áo quần không cần kiểu cách, màu sắc tươi đẹp không sặc-sỡ, chỉ tăng thêm vẻ khả-ái của người Phụ-nữ Việt-Nam.

NGÔN : Ngôn là lời nói. Ngoài việc trình, thưa, vâng, dạ trong gia-đình như xưa, chị em ta phải biết trình thưa vâng dạ ngoài xã-hội nữa.

Ngôn của chị em ta ngày nay là ăn nói đúng-dắn, đoan - trang, không rụt-rè e-lẹ. Thấy đúng dám khen, thấy sai dám phê-bình, nhưng phải lựa lời, tùy theo trường-hợp và hoàn-cảnh nhằm mục-đích phê-bình xây-dựng hơn là dùng lời lẽ chua cay, nói móc để đả-phá hoặc mạ-sát người ta. Ôn-tồn, êm-ái phát biểu thẳng-thắn được cảm-tưởng của mình đối với một người hay một việc làm, chị em ta sẽ xóa bỏ được câu mà từ xưa tới giờ người ta thường gán cho phụ-nữ là : « Phụ - nữ trước mặt hay nề nang, nhưng sau lưng hay nói lén » hoặc « phụ-nữ hay ngồi lê đôi mách ». Chị em ta cũng nên mạnh dạn nói, nhưng nói vừa đủ, việc đáng nói hãy nói để khỏi rơi vào vào tình-trạng ba-hoa (nhiều lời mà không ích lợi), để làm sao chôn được câu nói của cổ-nhân đã bắt công gán cho phụ-nữ là « phụ-nhân tràng thiệt » (dan bà dài lưỡi). Ngôn lại còn có nghĩa nữa là chị

em dám nói ý-nghĩ của mình ở nơi công-cộng hay trên báo-chí, sách vở để làm cho tiếng nói đúng đắn của người phụ-nữ được vang trong xã-hội, đừng để cho một số « phụ-nữ râu », mang danh phụ-nữ phát-biểu ý-kiến dùm chị em, và tiếc thay ! nhiều khi tư-tưởng phản lại quyền-lợi chị em.

HẠNH : Hạnh là tánh nết đoan-trang, hành-vi giữ theo đạo đức. Hạnh ngày nay là nết-na phải thế nào để cho nhân-dân thương mến, quần-chúng nể-vì và kính-phục. Ăn không ngồi rồi, vui với vài ba con tổ tôm, tứ sắc, đàn phải là thói hay nết tốt của người Phụ-nữ Việt-Nam mới. Có biết bao thú vui cao-thượng nâng cao đức-hạnh cũng như kiến-văn của chị em, nếu chị em vui lòng thưởng-thức. Chị em phụ-nữ ngày xưa thường làm bạn với cầm kỳ, thi, họa. Ngày nay, há chị em ta chẳng nên vui cùng sách vở đúng-dắn, ưa thích văn-chương lành-mạnh hay âm-nhạc, tuồng hát, màn ảnh có tánh cách xây dựng hay sao ? Còn điều này chúng ta cần chú-trọng là làm cho người vừa

cảm-mến, vừa kính-phục mới là đáng quý. Còn như bộ-điện không đoan-tragg để quyến-rũ người thì dù bề ngoài có được đối-dãi tử-tế một phần nào mà bề trong « lòng khinh rẻ đã đánh một bên ». Hơn nữa, dù người biết, dù người không, ta vẫn luôn luôn giữ gìn tư-cách, không tà-y, không những chuyện đồi-phong bại-tục, khiến lương-tâm có thể trách mình. Cái câu : « ông ăn chả, bà ăn nem » phải được vui sâu chôn chặt để không ai còn nhắc nhở tới nó nữa.

Trên đây là một quan-niệm về tư-đức mới của người Phụ-nữ Việt-Nam trong một nước Việt-Nam độc-lập, dân-chủ mà Hiến-pháp đã nhìn nhận quyền « Nam-Nữ bình đẳng ».

Thời-dại ngày một văn-minh, đời sống mới ngày một đổi mới. Những cái hay xưa ta vẫn giữ, song ta phải hiểu rõ như thế nào cho hợp thời, hợp cảnh thì cái hay mới có một tia giá-trị thực-tế, mới phụng-sự được nhân-dân, mới xứng-đáng là hay hoàn-toàn vậy.

MINH-TIẾN

HỘP THƠ BÁCH-KHOA

Bạn P. T. H. Xuân, đường Võ-Tánh Saigon.

Vì một sự sơ ý của nhà in để sót một đoạn nên bài đó thiếu nghĩa. Thành-thực cảm ơn và xin lỗi.

**Những thứ trở nên cần-thiết như
cơm ăn, áo mặc...**

**XE XÍT-CÚT-TƠ
XE BA BÁNH
XE GẮN MÁY**

Lambretta

**MÁY CHỮ
MÁY TOÁN**

olivetti

MÁY MAY

: NECCHI

QUẠT ĐIỆN

: Marelli

VINACOD

Văn-phòng Giám-Đốc : 35, PHÚ-KIỆT Saigon

Cửa Hàng : 152, Đại-lộ TRẦN-HUNG-ĐẠO, Saigon

Xưởng chữa xe : Góc đường PHẠM-HỒNG-THÁI
và LÊ-LAI, Saigon

Nhà máy ráp xe : Nhà máy ráp xe LAMBRETTA
Tân-sơn-Hòa

TẠP-CHÍ BÁCH-KHOA

XUẤT-BẢN MỖI THÁNG HAI KỶ

DIỄN - ĐÀN CHUNG CỦA TẤT CẢ
NHỮNG NGƯỜI THA - THIẾT ĐẾN CÁC VẤN - ĐỀ
CHÍNH - TRỊ, KINH - TẾ, VĂN - HÓA,
XÃ - HỘI.

Chủ-nhiệm : HUỖNH - VĂN - LANG

hợp-tác cùng các bạn :

LÊ - ĐÌNH - CHÂN
TĂNG - VĂN - CHỈ
ĐỖ - TRỌNG - CHU
LÊ - THÀNH - CƯỜNG
TRẦN - LƯU - DÝ
LÊ - PHÁT - ĐẠT
NGUYỄN - VĂN - ĐẠT
NGUYỄN - LÊ - GIANG
PHẠM - NGỌC - THUẦN - GIAO
NGUYỄN - HỮU - HẠNH
LÊ - VĂN - HOÀNG
NGUYỄN - VĂN - KHẢI
PHẠM - DUY - LÂN
NGUYỄN - QUANG - LỄ

BÙI - BÁ - LƯ
DƯƠNG - CHÍ - SANH
NGUYỄN - HUY - THANH
BÙI - KIẾN - THÀNH
HOÀNG - KHẮC - THÀNH
PHẠM - NGỌC - THẢO
BÙI - VĂN - THỊNH
NGUYỄN - TẤN - THỊNH
VŨ - NGỌC - TIẾN
VÕ - THU - TỊNH
NGUYỄN - TẤN - TRUNG
PHẠM - KIM - TƯƠNG
HOÀNG - MINH - TUYNH
BÙI - CÔNG - VĂN

Đôi hàng cảm ơn:

Gom góp được đủ 426 số báo *Bách Khoa* thu vào một DVD là công sức của nhà văn/nhà báo Phạm Phú Minh và Quản thủ Thư viện Phạm Lệ Hương, với sự tiếp tay của chuyên viên Nguyễn Vũ.

Nghĩ tới độc giả của Quán Ven Đường và đưa tặng là nhã ý của Gs. Trần Huy Bích. *Quán Ven Đường* xin thành thật cảm ơn các vị.